

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Nguyễn Viết Hưng

QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN, TỈNH NINH BÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

Hà Nội - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

VIỆN VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Nguyễn Viết Hưng

**QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN, TỈNH NINH BÌNH**

Ngành: Quản lý văn hóa

Mã ngành: 9229042

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS Nguyễn Văn Cương

TS. Vũ Diệu Trung

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Văn Cương và TS. Vũ Diệu Trung. Những nội dung trình bày và các số liệu, kết quả nêu trong luận án là kết quả nghiên cứu của tôi, đảm bảo tính trung thực và chưa từng được ai công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Những phần sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác, tôi đều trích dẫn nguồn rõ ràng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Tác giả luận án

Nguyễn Viết Hưng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN.....	10
<i>1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu</i>	10
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa.....	10
1.1.2. Tình hình nghiên cứu về quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa Quần thể danh thắng Tràng An.....	22
1.1.3. Các công trình nghiên cứu viết về sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích lịch sử văn hóa.....	24
<i>1.2. Cơ sở lý luận</i>	29
1.2.1. Khái niệm cơ bản	29
1.2.2. Cơ sở lý thuyết, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu.....	34
1.2.3. Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý di tích lịch sử văn hóa.....	42
1.2.4. Nội dung quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo	47
<i>1.3. Khái quát về các di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An</i>	55
1.3.1. Khái quát về Quần thể danh thắng Tràng An.....	55
1.3.2. Khái quát về chùa Bái Đính (cổ), chùa Bích Động và chùa Nhất Trụ	57
Tiểu kết.....	62
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN, TỈNH NINH BÌNH.....	64
<i>2.1. Chủ thể quản lý và vấn đề phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích</i>	64
2.1.1. Chủ thể quản lý di tích	64
2.1.2. Cơ chế phối hợp quản lý và mô hình quản lý	75
<i>2.2. Thực trạng công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An</i>	79
2.2.1. Công tác ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật	79
2.2.2. Công tác triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An	81

2.2.3. Công tác tổ chức chỉ đạo và thực hiện các hoạt động chuyên môn	85
2.2.4. Công tác huy động các nguồn lực bảo tồn di tích.....	99
2.2.5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý di tích lịch sử văn hóa.	101
2.2.6. Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật.....	103
2.2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý di tích, xử lý vi phạm về di tích lịch sử văn hóa.....	104
<i>2.3. Đánh giá chung về công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong quần thể danh thắng Tràng An.....</i>	<i>106</i>
2.3.1. Ưu điểm.....	106
2.3.2. Hạn chế.....	108
Tiểu kết.....	109
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN	111
<i>3.1. Cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp quản lý.....</i>	<i>111</i>
3.1.1. Cơ sở pháp lý liên quan đến công tác quản lý di tích	111
3.1.2. Cơ sở thực tiễn từ công tác quản lý di tích hiện nay của tỉnh Ninh Bình	113
<i>3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử văn hóa trong quần thể Danh thắng Tràng An.....</i>	<i>116</i>
3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý di tích lịch sử văn hóa ...	117
3.2.2. Giải pháp phát huy vai trò các bên liên quan trong công tác quản lý di tích	122
<i>3.3. Kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An.....</i>	<i>137</i>
3.3.1. Kiến nghị, đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước	138
3.3.2. Kiến nghị, đề xuất với Giáo hội Phật giáo Việt Nam	139
3.3.3. Kiến nghị, đề xuất về cơ chế điều phối chung	142
Tiểu kết.....	144
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152
PHỤ LỤC	162

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BQL	: Ban quản lý
CBLQ	: Các bên liên quan
CHXHCNVN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
DSVH	: Di sản văn hóa
DTLS	: Di tích lịch sử
DTLSVH	: DTLSVH
GHPGVN	: Giáo hội Phật giáo Việt Nam
GS.TS	: Giáo sư, Tiến sĩ
HĐND	: Hội đồng nhân dân
LA	: Luận án
LSVH	: Lịch sử văn hóa
NCS	: NCS
Nxb	: Nhà xuất bản
PGS.TS	: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
QLDT	: Quản lý di tích
Tr	: Trang
TW	: Trung ương
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNESCO	: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc)
VHTTDL	: Văn hóa thể thao và du lịch
VH&TT	: Văn hóa và thể thao
VHTT	: Văn hóa thông tin

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nằm trong vùng đất từng là kinh đô của các triều đại phong kiến, Tràng An - Ninh Bình là nơi kết hợp cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ với các di sản văn hóa giàu giá trị, lưu giữ dấu tích người tiền sử từ hàng chục vạn năm trước. Nơi đây còn là một trong những trung tâm của Phật giáo sớm ở Việt Nam với nhiều ngôi chùa cổ được xếp hạng DTLSVH cấp quốc gia, tiêu biểu như: chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động, chùa Bái Đính (cổ)... Đây đều là những ngôi chùa có lịch sử lâu đời gắn với các triều đại Đinh - Tiền Lê, có giá trị tiêu biểu về lịch sử văn hóa mang tầm quốc gia, có kiến trúc độc đáo trong sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Năm 2014, UNESCO đã ghi danh Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An không chỉ ở cảnh quan thiên nhiên có một không hai, mà còn bởi giá trị văn hóa đặc sắc với hàng loạt di tích được xếp hạng ở các cấp độ khác nhau, bao gồm 18 di tích cấp tỉnh, 21 di tích cấp quốc gia và 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Những di tích ở Tràng An là minh chứng quan trọng, có giá trị tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của lịch sử, văn hóa và mỹ thuật của dân tộc ta.

Việc quản lý các di tích văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An không chỉ đơn thuần là bảo tồn những công trình kiến trúc, mà còn bao hàm cả việc duy trì, phát huy giá trị tinh thần và giáo lý Phật giáo trong bối cảnh hiện đại. Các kiến trúc cổ, di vật, cổ vật tại hệ thống chùa trong Quần thể danh thắng Tràng An đều được bảo quản tốt; nhiều ngôi chùa xuống cấp đã được trùng tu, tôn tạo; công tác quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội tại chùa đều được thực hiện đúng quy định... Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của du lịch những năm gần đây cũng tác động mạnh mẽ đến công tác quản lý các di tích văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng

Tràng An. Từ khi được ghi danh là di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới, nơi đây đã nhanh chóng trở thành điểm đến hấp dẫn của Việt Nam và tạo dấu ấn mạnh mẽ trên bản đồ du lịch thế giới. Năm 2024, số lượng khách du lịch đến Quần thể danh thắng Tràng An đạt gần 8,7 triệu lượt, tăng gần gấp 4 lần so với năm 2014. Chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động, chùa Bái Đính (cổ)... trở thành điểm đến văn hóa thu hút đông đảo du khách, Phật tử trong và ngoài nước đến tham quan, học tập và nghiên cứu. Sự phát triển du lịch tâm linh tại các di tích này góp phần quảng bá văn hóa Phật giáo rộng rãi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân... Trong khi nhiều khu di tích đang phải đối mặt với những tác động tiêu cực của ô nhiễm môi trường, hoạt động thương mại hóa và sự bùng nổ của du lịch đại chúng, thì công tác QLDT tại Tràng An cho thấy mô hình quản lý hiện nay khá hiệu quả khi cân bằng được giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững.

Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về quản lý DTLSVH ở một số địa phương, nhưng chưa có công trình khoa học chuyên sâu, có tính hệ thống nghiên cứu về quản lý các ngôi chùa được xếp hạng DTLSVH trong Quần thể danh thắng Tràng An, nhất là nghiên cứu quản lý DTLSVH theo những quan điểm lý thuyết, hướng tiếp cận liên ngành để thấy được vai trò của các bên liên quan, cũng như những thành công và hạn chế của hoạt động quản lý di tích. Cần nhấn mạnh rằng, công tác quản lý các di tích Phật giáo khác với quản lý các di tích khác như đình, đền,... vì ở đây có vai trò chủ thể quản lý của Giáo hội Phật giáo. Chính vì thế, cần phải có nghiên cứu nhằm tìm hiểu và phân tích các chính sách, phương pháp và thách thức trong việc quản lý DTLSVH tại Quần thể danh thắng Tràng An. Thông qua đó, xác định rõ vai trò, tầm ảnh hưởng của các bên liên quan trong công tác quản lý đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, tinh thần của Phật giáo trong cộng đồng, đồng thời đề xuất

các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần bảo vệ di sản văn hóa Phật giáo và phát triển du lịch bền vững.

Trước thực trạng và sự cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở khoa học, thực tiễn, NCS chọn đề tài *Quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình* làm luận án chuyên ngành Quản lý văn hoá của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là sử dụng lý thuyết các bên liên quan để khảo sát, phân tích thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình từ năm 2014 đến 2024, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong điều kiện thực tế của địa phương hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án. Đánh giá tư liệu có thể kế thừa và tìm ra những nội dung vấn đề cần giải quyết trong luận án.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý DSVH nói chung và các DTLSVH Phật giáo nói riêng. Nghiên cứu lựa chọn lý thuyết áp dụng đồng thời tiến hành xây dựng khung phân tích của luận án.

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An từ 2014 đến nay.

- Xây dựng tiêu chí và đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong

Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Luận án đi sâu khảo sát, nghiên cứu về thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi vấn đề nghiên cứu*: Luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu tìm hiểu thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

- *Phạm vi không gian*: Luận án tập trung chủ yếu nghiên cứu thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý di tích tại 3 di tích Phật giáo đã được xếp hạng DTLSVH trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình: Chùa Bái Đính (cổ) (trước đây thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, nay thuộc phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), chùa Nhất Trụ (trước đây thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, nay thuộc Khu Di tích Cố đô Hoa Lư, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), chùa Bích Động (trước đây thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, nay thuộc phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).

- *Phạm vi thời gian*: Nghiên cứu công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình từ năm 2014- 2024.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Thực hiện đề tài nghiên cứu *Quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình*, NCS đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Các bên liên quan đã tham gia phối hợp với nhau như thế nào trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình?

2. Có những hình thức và nội dung phối hợp như thế nào giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình?

3. Hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình như thế nào? Ưu điểm và nhược điểm?

4. Cần có những giải pháp nào để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo đã được xếp hạng trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên phương diện quản lý di tích lịch sử - văn hóa, các bên liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, sư trụ trì, truyền thông...) cần có sự phối hợp hoạt động nhằm bảo đảm thực hiện được đầy đủ, hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho mỗi bên, từ đó đạt được các lợi ích chung và riêng. Nếu các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích lịch sử - văn hóa phối hợp chưa đạt hiệu quả tốt hoặc trong quá trình phối hợp giữa các bên liên quan xảy ra mâu thuẫn/xung đột về lợi ích thì sẽ ảnh hưởng tới mục tiêu của hoạt động quản lý di tích lịch sử - văn hóa. Nếu đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương, theo đúng tinh thần Công ước Di sản thế giới gắn với phát triển du lịch bền vững sẽ góp phần bảo tồn và phát huy được giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu:* Tổng hợp, nghiên cứu và phân tích các nguồn tư liệu đã xuất bản như sách, báo, tạp chí, công trình khoa học... trong nước, quốc tế và tìm hiểu hệ thống các văn bản pháp quy như các công ước, hiến chương, luật, nghị định, quy định, hướng dẫn,... có liên quan đến vấn đề quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH. Đây là phương pháp nghiên

cứu giúp NCS làm rõ được quan điểm quản lý, hệ thống quản lý, phương thức quản lý của Nhà nước đối với DTLSVH nói chung và DTLSVH Phật giáo nói riêng; đánh giá tính hiệu quả của hệ thống văn bản này trong thực tiễn,... Luận án cũng kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án.

- *Phương pháp điền dã thực địa*: Bao gồm cả điền dã tham dự và điền dã quan sát. Phương pháp này giúp NCS có được tài liệu trung thực, khách quan thông qua việc quan sát thực tế, ghi chép, ghi âm những vấn đề phát sinh về sự phối hợp và hợp tác giữa các bên liên quan trong hoạt động DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An thông qua nghiên cứu 3 di tích Phật giáo đã được xếp hạng DTLSVH trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình: Chùa Bái Đính (cổ), chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động. Trong quá trình điền dã, NCS sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu: Tác giả trực tiếp phỏng vấn các nhà quản lý di tích, các nhà sư trụ trì, đại diện cộng đồng cư dân địa phương và một số nhà khoa học, tập trung vào khai thác các khía cạnh khác nhau, đặc biệt tìm hiểu về các di tích đang được trùng tu và tu bổ và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo.

- *Phương pháp thống kê, so sánh*: Đây là phương pháp NCS sử dụng để thống kê, phân tích số liệu về công tác quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể Danh thắng Tràng An, từ đó tiến hành so sánh giữa các mô hình quản lý tại địa phương để tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế trong việc xây dựng tổ chức bộ máy quản lý, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý DTLSVH Phật giáo và đẩy mạnh sự phối hợp giữa các bên liên quan.

- *Phương pháp chuyên gia*: Tham khảo ý kiến các nhà khoa học về các vấn đề có liên quan đến quản lý các DTLSVH Phật giáo, cách thức giải quyết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn quản lý di tích; tham vấn ý kiến chuyên gia về vai trò của các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo và mô hình hợp tác công tư đang được áp dụng tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study)*: là nghiên cứu về một bối cảnh hoặc nhiều bối cảnh cụ thể, trong đó, nhà nghiên cứu có thể nghiên cứu cả dữ liệu định tính hoặc định lượng để nhận thức đầy đủ được hiện tượng hoặc vấn đề nghiên cứu. Sử dụng nghiên cứu trường hợp cho phép khám phá bản chất sự hợp tác và phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH.

Tiếp cận nghiên cứu trường hợp được sử dụng để nghiên cứu mô tả, thăm dò hoặc giải thích và phù hợp với câu hỏi “như thế nào?” và “tại sao?”. Nghiên cứu các trường hợp điển hình giúp hiểu được quan điểm của các bên liên quan về sự phối hợp trong hoạt động quản lý DTLSVH, đây là cơ sở quan trọng để NCS tiến hành so sánh, phân tích đánh giá thực trạng nhằm nâng cao hiệu quả của sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình. Các câu hỏi phỏng vấn được NCS sử dụng như sau: 1) Các mô hình quản lý DTLSVH ở địa phương hiện nay? 2) Mức độ tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động quản lý DTLSVH có tích cực hay không? 3) Vai trò của doanh nghiệp được thể hiện như thế nào trong hoạt động quản lý DTLSVH tại Quần thể danh thắng Tràng An?

NCS đã tiến hành khảo sát, thu thập dữ liệu và phỏng vấn trực tiếp CBLQ cụ thể như sau: 1/ Cơ quan quản lý Nhà nước: Lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình, Phòng Quản lý văn hóa; Lãnh đạo Sở Du lịch Ninh Bình; Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cố đô Hoa Lư; Ban quản lý Quần thể danh thắng Tràng An; Phòng VH&TT huyện Hoa Lư, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Gia Viễn; Lãnh đạo UBND huyện Hoa Lư, UBND huyện Gia Viễn. 2/ Cộng đồng: Cộng đồng địa phương (Trường Yên, Hoa Lư, Ninh Hòa, Ninh Hải, nay là phường Tây Hoa Lư và Nam Hoa Lư). 3/ Nhà nghiên cứu: Các chuyên gia về lịch sử, văn hóa từ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Cục Di sản Văn hóa. 4/ Sư trụ trì chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động.

Sau khi thu thập được thông tin, kết hợp điền dã tại huyện Gia Viễn và huyện Hoa Lư, NCS đã chọn 3 ngôi chùa đã được xếp hạng DTLSVH trong Quần thể danh thắng Tràng An cho nghiên cứu trường hợp.

- *Phương pháp tiếp cận liên ngành/đa ngành*: Quản lý văn hóa, Lịch sử, Nhân học, Văn hóa học, Du lịch học... được áp dụng trong luận án, trong đó NCS chủ yếu sử dụng các phương pháp tiếp cận của ngành Quản lý văn hóa khi phân tích vai trò của các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Ý nghĩa khoa học

- Luận án đã tổng quan, hệ thống và làm rõ các vấn đề lý luận về DTLSVH, DTLSVH Phật giáo và quản lý DTLSVH Phật giáo, lý thuyết các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích nói chung và DTLSVH Phật giáo nói riêng.

- Ứng dụng lý thuyết các bên liên quan vào trường hợp quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An, từ đó xây dựng khung phân tích của luận án. Từ lý thuyết nghiên cứu, luận án đã xác định vai trò của các chủ thể trong công tác quản lý DTLSVH, những nội dung cơ bản của hoạt động phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

- Luận án đã phân tích thực trạng sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo, hướng tới mục tiêu phát huy hiệu quả vai trò của di sản văn hóa Phật giáo trong phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội và du lịch bền vững của tỉnh Ninh Bình trong tương lai.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

DTLSVH Phật giáo là trung tâm văn hóa, là bằng chứng tương tác giữa con người - thiên nhiên và nền tảng giáo dục văn hóa trong Quần thể danh thắng Tràng An – Di sản thế giới hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi danh. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên vận dụng lý thuyết các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng

Tràng An, luận án đã làm rõ bức tranh tổng thể về thực trạng tổ chức bộ máy quản lý và sự phối hợp của các bên liên quan trong công tác quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng và ở tỉnh Ninh Bình nói chung.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án đã đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ cung cấp cho các cấp, các nhà quản lý di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình một cách nhìn toàn diện về công tác quản lý của mình trong thời gian qua và xác định được những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý di tích trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Đây cũng là tài liệu tham khảo, nghiên cứu trường hợp, so sánh có giá trị khi đề cập đến vấn đề quản lý DTLSVH Phật giáo của tỉnh Ninh Bình nói riêng và của nhiều địa phương khác trên cả nước nói chung.

8. Bố cục luận án

Ngoài phần Mở đầu (9 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (10 trang) và Phụ lục (27 trang), luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình (54 trang).

Chương 2: Thực trạng quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình (47 trang).

Chương 3: Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình (35 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa

Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý DTLSVH của các học giả trong và ngoài nước được công bố. Theo khảo cứu của NCS, có thể khái quát tình hình nghiên cứu về quản lý DTLSVH theo hai nhóm vấn đề chính sau:

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch

Những vấn đề lý luận về quản lý di sản văn hóa: Những vấn đề lý luận trong quản lý di sản văn hóa bao gồm việc xác định giá trị của di sản, các phương pháp bảo tồn, cũng như những thách thức trong việc cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Ngoài ra, việc quản lý di sản còn phải đối mặt với các vấn đề như xâm hại, tôn vinh giá trị đích thực và ảnh hưởng của du lịch. Các nhà quản lý cũng cần phải xem xét yếu tố cộng đồng và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Từ đó, việc xây dựng một hệ thống quản lý di sản văn hóa hiệu quả đòi hỏi sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, để bảo vệ và truyền lại những giá trị văn hóa cho các thế hệ mai sau.

Về vấn đề này, Nguyễn Thị Kim Loan (2014), với cuốn *Quản lý di sản Văn hóa* [37] đã cung cấp cho người đọc một cách hệ thống và khá toàn diện những vấn đề lý luận về di sản văn hóa, đặc trưng và những tiêu chí phân loại các di sản văn hóa. Cuốn sách còn cung cấp cho người đọc những nghiên cứu về chính sách và hệ thống di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể) của Việt Nam.

Nhà nghiên cứu Đặng Văn Bài là một chuyên gia nổi bật trong lĩnh vực nghiên cứu bảo tồn và tu bổ di tích. Ông đã thực hiện nhiều nghiên cứu về các phương pháp bảo vệ và phục hồi các di sản văn hóa, đóng góp quan trọng vào

công tác gìn giữ giá trị lịch sử và văn hóa của các di tích. Những nghiên cứu của ông không chỉ giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản mà còn đề xuất các giải pháp khoa học và thực tiễn nhằm đảm bảo sự bền vững và phát triển lâu dài cho các di tích văn hóa. Một số công trình tiêu biểu của ông liên quan đến đề tài luận án, như: “Đề di tích Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình) trở thành một sản phẩm văn hóa - du lịch - mấy vấn đề cần quan tâm” (2008) [2]; “Quan điểm bảo tồn di sản văn hóa trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” (2013) [4]; “Quản lý, bảo tồn Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình – vài vấn đề đặt ra” (2019) [5].

GS. Hà Văn Tấn (2005) trong nghiên cứu của mình có đề cập đến mối quan hệ giữa bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa và yêu cầu phát triển trong bối cảnh hiện nay. Tác giả đã chỉ ra rằng, quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam trong những năm gần đây đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác bảo vệ các DTLSVH, mà một trong những vấn đề nổi cộm là tình trạng di tích bị xâm phạm. Tác giả cho rằng, một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do mâu thuẫn giữa bảo tồn di tích và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, do quá trình đô thị hóa diễn ra ồ ạt, thiếu quy hoạch. Nếu không có những chính sách bảo tồn các DTLSVH thì sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là di tích nhanh chóng bị xâm hại hoặc biến mất [48].

Các công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa nước ngoài tập trung vào nhiều vấn đề quan trọng như: Thứ nhất, phương pháp và kỹ thuật bảo tồn, phục hồi di sản, đặc biệt là các công trình kiến trúc, di tích và nghệ thuật truyền thống, nhằm chống lại sự tác động của thời gian và môi trường. Thứ hai, các nghiên cứu phân tích các chính sách và chiến lược của các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ di sản văn hóa, từ việc thiết lập các quy định và tiêu chuẩn bảo vệ đến việc quản lý các di tích. Ngoài ra, tác động của du lịch đến di sản văn hóa cũng là một vấn đề được nghiên cứu, nhằm tìm ra cách kết hợp phát triển du lịch với bảo tồn di sản mà không gây hại đến giá trị của nó. Các công trình nghiên cứu cũng đánh giá vai trò của di sản trong phát triển bền

vững, khi mà việc bảo tồn có thể kết hợp với các hoạt động cộng đồng và du lịch. Cuối cùng, nghiên cứu cũng đề cập đến giá trị lịch sử, văn hóa của di sản, và cách chúng phản ánh bản sắc và lịch sử của các quốc gia, cộng đồng.

Onofri. F (2015), với cuốn *Managing Cultural Heritage: An International Research Perspective* (Quản lý di sản văn hóa: Một góc nhìn nghiên cứu quốc tế), cung cấp 5 góc nhìn về quản lý di sản văn hóa, cụ thể là: phát triển bền vững, nguồn tài chính, nguồn nhân lực, quản lý kiến thức và mối quan hệ với cộng đồng. Cuốn sách tập trung vào quản lý và quá trình thay đổi, thiết lập thể chế và mô hình kinh doanh, thay đổi và lập kế hoạch, chuỗi di sản và khoảng cách giữa di sản và thực tiễn. Bên cạnh đó, cuốn sách này còn liên hệ với các trường hợp quản lý di sản tại các quốc gia khác như Trung Quốc, Ý, Malta... và thảo luận về các phương pháp quản lý di sản văn hóa trong bối cảnh quốc tế [86].

Ruthven và Chowdhury (2015) với cuốn *Cultural Heritage Information Access and Management* (Truy cập và quản lý thông tin di sản văn hóa) đề cập đến sự phát triển của công nghệ thông tin và công nghệ internet đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra và quản lý các nguồn di sản văn hóa kỹ thuật số, đặt ra những thách thức mới trong việc tổ chức kiến thức, quản lý siêu dữ liệu và truy xuất thông tin [90].

Mendoza, M. A. D., (2023) với bài viết “Technologies for the Preservation of Cultural Heritage - A Systematic Review of the Literature Sustainability” (Công nghệ bảo tồn di sản văn hóa - một đánh giá hệ thống của văn học bền vững), tác giả đã tổng hợp nhiều tài liệu về bảo tồn, thúc đẩy và phổ biến di sản văn hóa từ năm 2018 đến năm 2022 và nhận thấy rằng, việc bảo tồn di sản văn hóa hiện nay có đến 70% số tài liệu đồng ý tiếp cận công nghệ để bảo tồn là sử dụng công nghệ kỹ thuật số 3D, thực tế tăng cường hoặc thực tế ảo [88].

M. Polysakova (2023), với bài viết “Cultural Heritage: Actual Problems of Research and Preservation, Heritage and Modern Times” (Những vấn đề thực tế của nghiên cứu và bảo tồn, di sản và thời đại hiện đại), cũng đã nêu ra kinh nghiệm

của Nga trong bảo tồn các di tích văn hóa, trong đó đặc biệt chú ý đến vấn đề tính xác thực trong việc phục hồi và tái thiết các di tích văn hóa, hiện đang có liên quan và gây tranh cãi trong lý thuyết và thực tiễn bảo tồn di sản [87].

Thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch: Những nghiên cứu này làm rõ các yếu tố như sự thiếu hụt nguồn lực, chính sách chưa đồng bộ và vai trò của cộng đồng trong bảo vệ di sản. Các tác giả cũng chú trọng đến việc phát triển du lịch bền vững, kết hợp giữa bảo tồn và khai thác hiệu quả di sản văn hóa. Việc gắn kết di sản văn hóa với du lịch không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Nhiều công trình đề xuất các giải pháp cải tiến về chính sách, công tác quản lý và nâng cao nhận thức cộng đồng để bảo vệ di sản văn hóa lâu dài.

Luận án tiến sĩ *Quản lý di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam* của tác giả Trịnh Ngọc Chung (2016) nghiên cứu khá toàn diện và có hệ thống về thực trạng quản lý di sản thế giới qua trường hợp Quần thể di tích Cố đô Huế và Đô thị cổ Hội An. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức về công tác quản lý di sản thế giới ở Việt Nam, Luang Prabang (Lào), Angkor (Campuchia), George Town (Malaysia), Vigan (Philippines), cung cấp cái nhìn tổng quát về cách thức quản lý di sản văn hóa. Luận án cũng nêu ra những hạn chế và bất cập trong công tác quản lý di sản thế giới (cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức thực hiện, sự phân cấp, phân quyền,...) ở Việt Nam hiện nay. Dựa trên cơ sở đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết những bất cập trong công tác quản lý [22]. Tuy nhiên, một số giải pháp còn mang tính chất khái quát, chưa đi sâu vào thực tế chi tiết.

Luận án tiến sĩ *Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam theo Công ước Di sản Thế giới* của tác giả Nguyễn Viết Cường (2021) đã đề cập đến vấn đề quản lý di sản thế giới ở Việt Nam theo Công ước di sản thế giới. Tác giả luận án đã phân tích và đánh giá thực trạng quản lý di sản thế giới ở Việt Nam, nghiên cứu định hướng của UNESCO và của Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới về quản lý di sản thế giới, từ đó đề xuất

giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di sản thế giới ở Việt Nam theo Công ước hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của UNESCO trong thời gian tới [23].

Trần Đức Nguyên (2015) với luận án tiến sĩ *Quản lý DTLSVH ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa*, đã nghiên cứu 03 loại hình di tích: di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và di tích khảo cổ ở Bắc Ninh. Luận án đã làm rõ thực trạng trong công tác quản lý các di tích, từ đó phân tích những mặt tích cực, chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý di tích nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao công tác quản lý hệ thống các DTLSVH tại tỉnh Bắc Ninh [41].

Luận án tiến sĩ *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà (2016) đã trình bày tổng quan về di sản văn hóa và các tác động của du lịch. Tác giả đã phân tích và đánh giá mối quan hệ qua lại giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa ở Hội An. Từ mô hình quản lý di sản văn hóa Đô thị cổ Hội An tác giả đã phân tích thực trạng, từ đó chỉ ra những vấn đề có liên quan tới bảo tồn di sản và phát triển du lịch ở Hội An [32].

Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), với luận án tiến sĩ *Quản lý di tích vùng ven Hồ Tây*, đã nghiên cứu thực trạng công tác quản lý 14 DTLSVH tại một số địa điểm, vùng ven Hồ Tây (05 chùa, 05 đình, 01 am, 01 miếu, 01 đền và 01 phủ). Luận án phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao công tác quản lý di tích trong khu vực ven Hồ Tây [40].

Nguyễn Tri Phương (2023) với luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa đề tài *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở tỉnh Thái Bình*, đã ứng dụng lý thuyết các bên liên quan để phân tích thực trạng quản lý di tích lịch sử văn hóa ở tỉnh Thái Bình, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác Quản lý di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Thái Bình hiện nay [43]. Luận án là nghiên cứu mới có liên quan đến đề tài của NCS, lý thuyết các bên liên quan đã được vận dụng để làm rõ vai trò của chủ thể quản lý và các bên liên quan trong công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Thái Bình.

Hoàng Thị Diệu Linh (2017) với luận văn *Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn hiệu quả (di sản thế giới) phố cổ Hội An phát triển du lịch bền vững*, đã ứng dụng lý luận về phát triển du lịch bền vững và lý luận về bảo tồn di sản văn hóa khi đánh giá hiện trạng của phố cổ Hội An, thực trạng công tác bảo tồn và phát triển du lịch của phố cổ Hội An. Tác giả đã chỉ ra được các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Hội An, đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn di sản thế giới phố cổ Hội An để phát triển du lịch bền vững [36].

Nguyễn Hải Yến (2019), với luận văn *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý một số di sản Thế giới tại Việt Nam*, đã khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa tại 3 khu vực di sản Thế giới được lựa chọn: Khu vực di sản thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh; Khu vực di sản thiên nhiên Thế giới vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Quảng Bình và khu vực di sản thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình. Qua đó, đã tổng hợp, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường, hiện trạng khai thác và quản lý tại 3 di sản Thế giới được lựa chọn và đề xuất các giải pháp quản lý tại 3 khu vực di sản trên [78].

Ngoài ra còn một số bài viết nghiên cứu về vấn đề quản lý di sản, cấu trúc khung mô hình quản lý với các phần: cung cấp cơ sở lý luận, lý thuyết, quy định, vai trò, cách bảo tồn... về di sản văn hóa; mô tả thực trạng của di tích (xuống cấp, cơ chế quản lý, ý thức bảo vệ của cộng đồng,...) và đề xuất giải pháp, đề xuất khắc phục những thực trạng trên¹. Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra gần như theo một mô típ chung chung khá điển hình với các nội dung cơ bản như: nâng cao ý thức/nhận thức của cộng đồng; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp (nhưng không đưa ra chính sách cụ thể như nào; gắn bảo tồn với phát triển du lịch; nâng cao công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ;....

¹ Có thể kể đến một số bài viết tiêu biểu như: “Quan điểm bảo tồn di sản văn hóa trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” [4]; “Quản lý Nhà nước về văn hóa và di sản văn hóa” [61];...

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa Phật giáo

DTLSVH Phật giáo là minh chứng mang giá trị văn hóa sâu sắc, ghi đậm dấu ấn của những giai đoạn phát triển văn hóa, tôn giáo và lịch sử. DTLSVH Phật giáo là biểu tượng tinh thần của một dân tộc, nơi gìn giữ những truyền thống, phong tục và tín ngưỡng được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì thế, việc quản lý các DTLSVH Phật giáo là việc làm rất thiết thực trong việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc và phát triển du lịch bền vững. Có thể điểm qua một số nghiên cứu tiêu biểu như:

Trần Lâm Biên với cuốn *Chùa Việt*, đã tập trung nghiên cứu và phân tích các ngôi chùa cổ truyền thống trên khắp mọi miền của đất nước. Tác giả nhấn mạnh rằng các ngôi chùa không chỉ là nơi để con người gửi gắm mối liên hệ với thần linh mà còn là trung tâm văn hóa của làng xã. Cuốn sách cũng đề cập đến vai trò của các ngôi chùa trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa, tinh thần của người Việt qua các thời kỳ lịch sử. Ngoài ra, tác giả cũng trình bày chi tiết về kiến trúc, nghệ thuật, và phong cách xây dựng của các ngôi chùa tiêu biểu, thể hiện sự tinh hoa và sáng tạo của các thế hệ nghệ nhân Việt Nam [10]. Cuốn sách không chỉ là một tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử, mà còn là nguồn cảm hứng cho những ai yêu mến và muốn bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo của dân tộc. Thông qua các câu chuyện và hình ảnh minh họa, tác giả đã tạo nên một bức tranh sống động về sự phong phú và đa dạng của di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Lịch sử Phật giáo Ninh Bình của nhóm tác giả Nguyễn Đại Đồng, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Phú Lợi (Đồng chủ biên) ghi lại quá trình hình thành, phát triển và những đóng góp của Phật giáo đối với đời sống tinh thần, văn hóa của Ninh Bình qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời khắc họa rõ nét vai trò đặc biệt quan trọng của di sản văn hóa Phật giáo trong kho tàng di sản văn hóa chung của tỉnh Ninh Bình, là nguồn lực phát triển du lịch di sản, du lịch tâm linh [30].

Nguyễn Văn Tiến (2008), với đề tài cấp Bộ *Nghiên cứu những ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm, những giá trị lịch sử - văn hóa*, đề tài nghiên cứu về

các ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm, một thiền phái Phật giáo đặc trưng của Việt Nam do vua Trần Nhân Tông sáng lập. Tác giả phân tích các yếu tố lịch sử, văn hóa và tôn giáo liên quan đến các ngôi chùa này, từ đó làm rõ vai trò của chúng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất các biện pháp bảo tồn và phát triển các giá trị lịch sử - văn hóa của các ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm [58].

Trần Thị Diệu Thuý (2018) với luận án tiến sĩ *Quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở tỉnh Hà Tĩnh* đã đánh giá hiện trạng di sản văn hóa Phật giáo trên địa bàn Hà Tĩnh và vai trò của loại hình di sản này trong đời sống văn hóa xã hội. Tác giả đã đi sâu tìm hiểu, đánh giá thực trạng của công tác quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở Hà Tĩnh từ năm 2001 đến nay, phân tích những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý, nhìn nhận vai trò của các bên liên quan, sự phối hợp giữa các bên liên quan để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo [57].

Tác giả Dương Thị Đào (ĐH KHXH&NV HN) với đề tài luận văn *Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo đối với di tích Phật giáo huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* đã trình bày khái quát về hệ thống di tích Phật giáo tại huyện Hoa Lư. Tác giả đã đánh giá giá trị của các di tích Phật giáo ở Hoa Lư, thực trạng công tác quản lý và đề xuất các giải pháp đối với các di tích Phật giáo ở huyện Hoa Lư [29].

Tác giả Nguyễn Hữu Oanh với bài viết “Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo, một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết” đã đề cập đến vai trò quan trọng của di sản văn hóa Phật giáo trong lịch sử dân tộc².

Đặng Văn Bài trong bài viết “Nhận diện để phát huy di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam” đã nêu lên tầm quan trọng của di sản văn hóa Phật giáo với

² Nghị quyết Hội nghị TW 5 (Khoá VIII) của Đảng có nội dung là phải bảo tồn, kế thừa và phát huy các di sản văn hoá dân tộc, trong đó có di sản văn hoá Phật giáo. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong quá trình phục hồi, tu bổ các di tích Phật giáo không tránh khỏi thiếu sót do thiếu kiến thức văn hoá Phật giáo chuyên sâu, do tu bổ (làm mới) di tích một cách tự phát, làm sai lạc truyền thống, mất đi giá trị vốn có của di tích. Trong công tác quản lý xây dựng cơ sở vật chất và phục hồi các hoạt động tinh thần, lễ hội cũng còn nhiều bất cập [42].

việc đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc đồng thời tác giả cũng chỉ ra những nội dung, nhiệm vụ và các bước cơ bản trong công tác tu bổ DTLSVH [1]. Trong bài viết, tác giả nhấn mạnh tính nguyên gốc của di tích là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình triển khai các dự án tu bổ di tích. Trong một bài viết khác, “Vai trò quản lý Nhà nước trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam”, PGS.TS. Đặng Văn Bài đi sâu phân tích vai trò chủ thể quản lý của cơ quan Nhà nước trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam, những bất cập tại các cơ sở Phật giáo, trong việc quản lý, sử dụng, bảo tồn, tôn tạo, tổ chức các hoạt động và phát huy các giá trị các di tích là cơ sở Phật giáo (xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, bảo vệ môi trường...). Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những phương thức và kế hoạch hoành động trong việc phối hợp giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với các cơ quan quản lý Nhà nước để tăng cường hiệu quả quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Phật giáo [3]. Có thể thấy, các nghiên cứu của tác giả Đặng Văn Bài đều đi sâu vào phân tích những tác động phức tạp, đa chiều của bối cảnh hội nhập quốc tế đến việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Phật giáo nói chung, đồng thời nêu ra thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo của Việt Nam. Những kiến giải trong nội dung các bài viết cung cấp lý luận và thực tiễn cho vấn đề quản lý di tích lịch sử Phật giáo và tầm quan trọng của di sản văn hóa Phật giáo với việc đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc.

PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng trong bài viết “Vài ý kiến về quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở nước ta hiện nay” đã khẳng định di sản văn hóa Phật giáo chiếm vai trò quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, tác giả phân tích những hạn chế, nguyên nhân của công tác quản lý di sản văn hóa Phật giáo trong thời gian qua, vai trò của các bên liên quan: Nhà nước, cộng đồng, Giáo hội Phật giáo, sư, ni trụ trì, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản văn hóa Phật giáo trong thời gian tới [35].

Các công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở nước ngoài chủ yếu tập trung vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa. Những nghiên cứu này thường khám phá các phương pháp quản lý bảo tồn vật thể và phi vật thể, như các chùa, tượng Phật, và lễ hội Phật giáo. Các công trình này cũng đề cập đến vai trò của cộng đồng địa phương, nhà nước và các tổ chức quốc tế trong việc duy trì và phát triển các di sản Phật giáo. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải cân bằng giữa việc bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa. Ngoài ra, một số công trình còn phân tích những thách thức trong việc kết hợp các yếu tố văn hóa, tôn giáo và bảo tồn môi trường trong quá trình quản lý di sản Phật giáo.

Xu & Lishan với cuốn *Research on the government management system of leshan giant buddha and mount emei* (Nghiên cứu hệ thống quản lý của chính phủ đối với tượng Phật khổng lồ Lạc Sơn và núi Nga Mi) [92] đã nghiên cứu hệ thống quản lý của chính phủ Trung Quốc đối với tượng Phật khổng lồ Lạc Sơn và núi Nga Mi, tác giả đã đưa ra các phân tích về chính sách và thực tiễn quản lý nhằm bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa quan trọng này, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phối hợp giữa chính phủ, các tổ chức nghiên cứu và cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo.

Visuddhajaro, P.S (2015), trong cuốn *Temple management strategies for stability on buddhist* (Chiến lược quản lý đền chùa cho sự ổn định Phật giáo) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì và quản lý các di tích tôn giáo nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, đồng thời đề cập đến chiến lược quản lý đền chùa để đạt được sự ổn định trong Phật giáo. Tác giả phân tích các biện pháp quản lý đền chùa tại một số quốc gia châu Á, đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện hiệu quả quản lý và bảo tồn các di tích tôn giáo. Tác giả cho rằng, cần phải thay đổi hệ thống quản lý di tích trong khoảng thời gian thích hợp. Phương pháp quản lý tốt nhất là tuân theo 6 khía cạnh phát triển: quản lý Tăng đoàn, giáo dục tôn giáo, xây dựng và đền bù Phật giáo, hỗ trợ giáo dục, truyền bá Phật giáo và phúc lợi công cộng [91].

Ratwachiramethi (2020) với bài viết “A Management Analysis of the World Heritage and Way of Buddhist Culture for Promoting the Cultural and Tourist Values” (Phân tích quản lý di sản thế giới và cách thức văn hóa Phật giáo để thúc đẩy giá trị văn hóa và du lịch), nhóm tác giả đã tiến hành tìm hiểu về công tác quản lý các di tích văn hóa Phật giáo trong công viên Kamphaeng Phet (Thái Lan). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: 1/ Các giá trị và cách thức văn hóa Phật giáo trong di sản thế giới được quản lý bởi các tổ chức liên quan về nghệ thuật, di sản văn hóa và người dân địa phương; 2/ Các lễ hội và hoạt động này đã được phục hồi và bảo tồn di sản Phật giáo vẫn còn hiện diện trong di sản thế giới Kamphaeng Phet; 3/ Mô hình xây dựng giá trị văn hóa Phật giáo trong di sản thế giới là mô hình nâng cao trình độ quản lý ở các khía cạnh về mục tiêu, quy trình, tìm kiếm giá trị và phương thức văn hóa Phật giáo còn thiếu. Một công tác quản lý di sản thế giới bao gồm việc nâng cao giá trị và phương thức văn hóa Phật giáo và quản lý đánh giá đã được thiết lập nhằm thúc đẩy rõ nét các giá trị văn hóa Phật giáo [89].

Yujie Zhu (2024) với bài viết “Evolving Heritage in Modern China: Transforming Religious Sites for Preservation and Development” (Di sản đang phát triển ở Trung Quốc hiện đại: Sự chuyển đổi các địa điểm tôn giáo để bảo tồn và phát triển) đã phân tích những tương tác phức tạp giữa di sản và tôn giáo ở Trung Quốc hiện nay, cũng như những hàm ý xã hội và chính trị rộng hơn của những tương tác này liên quan đến các chính sách di sản quốc gia và các hoạt động phát triển địa phương. Bằng cách tiến hành phân tích về lịch sử xã hội của di tích Đền Baosheng, nghiên cứu này theo dõi những chuyển đổi của di tích trong hàng trăm năm qua, từ một địa điểm tôn giáo lịch sử đến khi trở thành một di sản văn hóa. Sự chuyển đổi này làm nổi bật sự thay đổi vai trò của các di tích tôn giáo. Việc bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương thông qua du lịch [93].

Zhao Dong Lon-Zu (2019) với bài viết “The Commercialization, Politicization and Globalization of Buddhist Heritage Tourism in China” (Sự

thương mại hóa, chính trị hóa và toàn cầu hóa của du lịch di sản Phật giáo ở Trung Quốc) đã cho rằng di sản phải được định nghĩa lại là một khái niệm thương mại và chính trị xã hội cực kỳ phức tạp. Trong khi đó, nghiên cứu về du lịch di sản hiện nay chủ yếu tập trung vào phía cung của du lịch, vào diễn giải, bảo tồn và các yếu tố khác của quản lý tài nguyên, cũng như các dịch vụ hỗ trợ dành cho du khách tại các địa điểm lịch sử. Tác giả bài viết đã nhấn mạnh cần có những nghiên cứu liên ngành, khám phá du lịch di sản Phật giáo ở Trung Quốc trong bối cảnh thương mại hóa, chính trị hóa và toàn cầu hóa. Tác giả xem xét các vấn đề lịch sử, lý thuyết và chính trị liên quan đến việc diễn giải di sản Phật giáo của Trung Quốc tại các địa điểm Phật giáo tiêu biểu. Với nghiên cứu trường hợp di tích Thiếu Lâm Tự, bài viết đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về du lịch di sản Phật giáo ở Trung Quốc, đưa ta phân tích những căng thẳng phức tạp giữa thương mại hóa, chính trị hóa, tôn giáo và toàn cầu hóa [95].

Yifeng Liu (2024) trong bài viết “Sacred Resurgence: Revitalizing Buddhist Temples in Modern China” (Sự hồi sinh thiêng liêng: Phục hồi các ngôi chùa Phật giáo ở Trung Quốc hiện đại) đã xem xét việc xây dựng và duy trì các ngôi chùa Phật giáo Hán của Trung Quốc trong bối cảnh chuyển đổi xã hội. Tác giả đã phân tích tác động sâu sắc của những thay đổi xã hội kể từ giữa thế kỷ XIX đối với các tu viện Phật giáo, bao gồm tình hình chính trị bất ổn, phát triển kinh tế và đô thị hóa, tìm hiểu cách các ngôi chùa được xây dựng lại và hồi sinh trong bối cảnh lịch sử này, từ đó khẳng định vai trò của cộng đồng tu viện trong việc bảo vệ Phật pháp và đảm bảo sự hiện diện lâu dài của nó. Ngoài ra, bài viết cũng đề cập đến vai trò của các nhà sư trong việc nâng cao tính thiêng liêng của các ngôi chùa và ảnh hưởng của khuôn khổ thể chế Phật giáo đối với động lực của nhà nước và xã hội. Tác giả bài viết đã sử dụng phân tích đa diện để tìm hiểu sự tương tác phức tạp giữa việc xây dựng chùa, phát triển kinh tế và di sản văn hóa của Phật giáo ở Trung Quốc ngày nay [94].

Dù các cách tiếp cận là khác nhau, nhưng các công trình bàn về quản lý DTLSVH Phật giáo trong và ngoài nước đều phân tích, đánh giá thực trạng

các DTLSVH Phật giáo cũng như công tác quản lý từ đó tìm ra những hạn chế, của công tác quản lý di sản văn hóa Phật giáo trong thời gian qua. Các nghiên cứu cũng đề xuất các biện pháp bảo tồn hiệu quả và tìm kiếm các phương pháp mới để phát huy giá trị của DTLSVH Phật giáo trong cộng đồng, cùng các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo tồn và phát huy giá trị của DTLSVH Phật giáo trong đời sống hiện đại.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu về quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa Quần thể danh thắng Tràng An

Năm 2014, Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Bởi vậy, việc quản lý di tích trong Quần thể danh thắng này là một nhiệm vụ quan trọng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu quản lý di tích tại đây còn khá hạn chế, được thể hiện trong một số công trình nghiên cứu chung về di sản của Ninh Bình như sau:

Công trình *Địa chí Ninh Bình (2010)* ngoài phần giới thiệu địa lý tự nhiên đã mô tả các DTLSVH tiêu biểu trên địa bàn tỉnh, trong đó có các di tích nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An. Do đơn thuần cung cấp thông tin địa chí nên những nội dung sâu về quản lý di tích chưa được bàn tới [59].

Tác giả Lã Đăng Bật với 2 cuốn sách: 1/ *Chùa Ninh Bình* đã tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích các ngôi chùa cổ truyền thống tại tỉnh Ninh Bình, Việt Nam, cung cấp một cái nhìn tổng quan về lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật của các ngôi chùa. Cuốn sách cũng đề cập đến vai trò của các ngôi chùa trong đời sống văn hóa và tôn giáo của người dân địa phương, cũng như các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo tại Ninh Bình; 2/ *Chùa Bái Đính* đã nghiên cứu và phân tích chùa Bái Đính, một trong những ngôi chùa lớn và nổi tiếng. Cuốn sách cũng đề cập đến vai trò của chùa trong đời sống văn hóa và tôn giáo của người dân địa phương, cũng như các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo tại chùa Bái Đính. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng phân tích các hoạt động văn hóa và tôn giáo diễn

ra tại chùa, tạo ra một bức tranh sống động về sự phong phú và đa dạng của di sản văn hóa Phật giáo tại chùa Bái Đính [8], [9].

Công trình *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình - thực trạng và giải pháp* của Phạm Duy Đức, đã khảo tả để đưa ra các đánh giá về thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nói chung, các di tích tiêu biểu nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, bài viết cũng cho rằng Ninh Bình có các giá trị văn hóa nổi bật, trong đó các di tích có vai trò quan trọng đối với phát triển du lịch, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa của địa phương [31].

Tác giả Bùi Văn Mạnh trong luận án *Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại Quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch* trên cơ sở nghiên cứu những biến đổi trong lối sống, nguồn thu nhập và phương thức sinh hoạt của cư dân tại Quần thể danh thắng Tràng An, tác giả luận án đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển văn hóa sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư địa phương (nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn di sản văn hóa, xây dựng các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương), từ đó góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong xu thế phát triển du lịch bền vững của tỉnh trong thời gian tới [38].

Luận văn *Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn các di tích lịch sử từ năm 2006 đến năm 2015* của Tạ Hoa Ban đi sâu vào phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đối với việc bảo tồn các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh từ năm 2006 đến năm 2015. Nêu rõ và phân tích các chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn các di tích lịch sử từ năm 2006 đến năm 2015, đưa ra những ưu điểm và hạn chế về chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh về bảo tồn các di tích lịch sử ở tỉnh Ninh Bình từ năm 2006 đến năm 2015, từ đó rút ra những kinh nghiệm để phục vụ bảo tồn trong thời gian tới [6].

Bên cạnh đó cũng có một số công trình nghiên cứu về công tác quản lý di sản văn hóa, tuy nhiên chỉ ở mức độ đề tài Luận văn như: *Bảo tồn và phát*

huy giá trị di tích chùa Nhất Trụ, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình [33]; *Quản lý DTLSVH ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* [60];.... Các đề tài đã phân tích thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích của các cơ quan quản lý Nhà nước gồm: Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An; Sở VH&TT Ninh Bình; Phòng VH&TT huyện Hoa Lư; UBND xã Trường Yên; Ban VHTT xã Trường Yên và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Theo đó, công tác này còn tồn tại một số vướng mắc về cơ chế phối hợp, về việc nhìn nhận vai trò của cộng đồng. Các bài viết cũng đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý trên cơ sở đánh giá, phân tích thực trạng công tác quản lý.

Nghiên cứu về các di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An cũng được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa quan tâm. Tuy nhiên, các bài viết này thể hiện dưới góc độ bài báo nên các vấn đề được nêu ra chưa bộc lộ hết những tồn tại của các di tích này. Các bài viết mới chỉ điểm qua một vài nét tiêu biểu về giá trị văn hóa của di tích, đồng thời đưa ra những nhận định, đánh giá và hướng giải pháp cho công tác quản lý hoặc công tác phát triển du lịch của các tác giả, chứ chưa có cái nhìn tổng thể và chuyên sâu về từng di tích cụ thể.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu viết về sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích lịch sử văn hóa

Trong ngành khoa học xã hội, có nhiều lý thuyết, khái niệm ảnh hưởng từ các ngành khoa học khác (khoa học tự nhiên, kinh tế học, chính trị học...). Như lý thuyết hình thái học truyền cổ tích (Morphology) của Prop vốn là lý thuyết của ngành sinh học. Lý thuyết về các bên liên quan (*Stakeholder theory*) của Freeman R. Edward (1984) vốn là lý thuyết được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực kinh doanh quản lý dự án và kinh tế³. Tác giả cho rằng công ty/doanh

³ Lý thuyết này được tác giả Freeman R. Edward đề xuất từ nghiên cứu về quản trị tổ chức và đạo đức kinh doanh (*Quản trị chiến lược: các tiếp cận từ các bên liên quan*) trong công trình *Strategic Management A Stakeholder Approach*. Trong lĩnh vực kinh doanh tác giả đặt doanh nghiệp là trung tâm và các bên liên quan (khách hàng, đối thủ cạnh tranh, truyền thông, nhân viên, nhóm lợi ích đặc biệt, kế toán quản trị môi trường, các nhà cung cấp, chính phủ, tổ chức cộng đồng địa phương, chủ sở hữu, tổ chức bảo vệ người tiêu dùng...) là những bên liên quan có tác động qua lại đối với doanh nghiệp.

ng nghiệp cần phải cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan, nếu không có sự cân bằng lợi ích sẽ dẫn đến mâu thuẫn/xung đột lợi ích giữa các bên. Do nhu cầu của các bên liên quan khác nhau và luôn thay đổi nên công ty/doanh nghiệp sẽ tập trung vào đáp ứng nhu cầu của những bên liên quan có lợi ích lớn và trực tiếp [83]. *Như vậy, lý thuyết các bên liên quan của Freeman R. Edward cũng có thể được ứng dụng trong lĩnh vực quản lý di sản văn hoá khi xem xét vai trò của các bên liên quan tham gia vào quá trình quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.* Lý thuyết này đã được các học giả trong và ngoài nước nghiên cứu và ứng dụng trong công tác nghiên cứu và quản lý di tích ở mức độ khác nhau. Tác giả Nyaupane trong bài viết nghiên cứu về tính phức tạp của di sản và du lịch tại Lumbini (một trong những địa điểm Phật giáo quan trọng nhất ở Nepal), đã đưa ra những điểm khác biệt về giá trị, mối quan tâm, kỳ vọng, chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm có thể gây ra mâu thuẫn trong quản lý và bảo tồn di sản [81].

Mâu thuẫn giữa các bên liên quan có thể dẫn tới sự quản lý một cách bừa bãi trong việc duy trì giá trị truyền thống. Vì thế, tác giả Hyung Park đưa ra bài học quan trọng là nên có những cách thức để dung hoà quyền lợi và mối quan tâm khác nhau của các bên liên quan trong việc giới thiệu, mô tả và quảng bá truyền thống thờ cúng vua Hùng ở Việt Nam. Theo tác giả: “mối tương quan giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch không nên bị coi là đối kháng hay mâu thuẫn. Chúng có thể bổ sung cho nhau nhằm tối đa hoá mục đích và tiềm năng của nhau”. Quan trọng hơn nữa, người dân địa phương cần được tham gia ngay từ giai đoạn đầu của việc lập kế hoạch và chiến lược phát triển [82].

Tác giả Jia Wen sử dụng lý thuyết hợp tác của các bên liên quan với những mối quan tâm và lợi ích khác nhau trong bảo tồn và quản lý di sản văn hóa đô thị để xây dựng mô hình quản lý gồm có: Các cơ quan chính phủ, người dân và cộng đồng địa phương, các tổ chức phi chính phủ, khách du lịch, các đơn vị tư nhân, các nhà nghiên cứu. Trong công trình này, Jia Wen đã có phần giới thuyết rất rõ ràng, dễ hiểu về lịch sử học thuyết Các bên liên quan, áp dụng trong nghiên cứu di sản ra sao. Cũng theo tác giả: Sự tham gia tích cực từ phía

địa phương ngay từ quá trình ra quyết định chính là chìa khóa của việc quản lý di sản thành công và điều này cần được nói rõ trong pháp luật và quy tắc [84].

Khái niệm các bên liên quan không được đề cập trong Công ước Di sản Thế giới và Hướng dẫn hoạt động. Điều này dễ hiểu bởi với các Quy ước Quốc tế không nên có quá nhiều quy định chi tiết trong các văn bản, nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên có biện pháp hành xử thích ứng với luật pháp quốc gia của họ. Tuy nhiên, ngay cả khi khái niệm này không được viết trong văn bản chính thức, các hoạt động bảo tồn và quản lý di sản vẫn phải thực hiện bằng sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính các cấp, các cư dân và cộng đồng địa phương, các cơ quan bảo tồn và quản lý di sản chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu và các bên liên quan khác trong việc quản lý di sản. Nếu không hợp tác và có phương pháp tiếp cận sáng tạo, hướng tới phát triển bền vững, sự thành công trong tương lai của bảo tồn và quản lý di sản nhân loại sẽ rất khó để đạt được. "Tham gia sâu rộng và toàn diện là chìa khóa cho sự thành công của Công ước Di sản Thế giới" [5, tr.38].

Ở Việt Nam, chúng ta còn thiếu lý thuyết và kinh nghiệm thực tế về bảo tồn một khu vực tổng thể, nhiều loại hình di sản, đa dạng nhóm và đối tượng sử dụng di sản. Hướng bảo tồn trước đây thiên về quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị có lồng ghép nội dung bảo tồn trên tinh thần *Luật Di sản văn hóa*. Ngày nay, các di sản đòi hỏi những phương pháp quy hoạch bảo tồn bài bản hơn và thiết kế chuẩn mực lồng ghép với kế hoạch phát triển.

Tác giả Anna Góral trong bài viết “Di sản văn hóa là tài nguyên chung được chia sẻ - vai trò của sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quản lý di sản văn hóa” cho rằng trong bối cảnh quản lý di sản văn hóa hiện nay, phát triển bền vững là vấn đề được quan tâm, trong đó các đối tượng di sản văn hóa được phân tích về các giá trị kinh tế, xã hội và văn hóa [79]. Việc xây dựng và thực hiện các chính sách văn hóa được Nhà nước coi trọng, trong khi cộng đồng địa phương có nhu cầu cũng như kỳ vọng của họ liên quan đến các nguồn di sản văn hóa sẵn có thì ít nhận được sự quan tâm. Từ đó, tác giả đi sâu phân tích

công tác quản lý các đối tượng di sản văn hóa ở cấp địa phương và cách thức hoạt động của các đối tượng đó. Bài viết cũng đề cập đến sự đa dạng của các bên liên quan đến di sản văn hóa và sự tương tác lẫn nhau của họ.

Tác giả John Carman và Marie Louise Stig Sonrensen trong khi đề cập đến vai trò của cộng đồng với tư cách là một bên liên quan trong quá trình quản lý di sản đã cho rằng để điều hành và quản lý di sản văn hóa cần có sự tương tác có ý nghĩa giữa các bên liên quan khác nhau. Bên liên quan là một người hoặc một nhóm người, tổ chức, hiệp hội hoặc công ty trực tiếp hoặc gián tiếp, tích cực hoặc tiêu cực tham gia vào kế hoạch quản lý và dự án. Sự trao đổi và lắng nghe nhu cầu của tất cả các bên liên quan cần diễn ra trong quá trình phát triển các kế hoạch quản lý, chiến lược, dự án hoặc bất kỳ quy trình lập kế hoạch nào [85].

Bàn về vai trò của cộng đồng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, bài viết “Vai trò của cộng đồng nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hóa” của nhóm tác giả Quang Minh và Nguyễn Thị Thu Trang đã đưa ra nhận thức và phân tích về vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hóa dưới các góc độ: Cá nhân, gia đình, dòng họ, làng xã, quốc gia, dân tộc, quốc tế⁴.

Tác giả Nguyễn Thanh Bình (2018) trong Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa đề tài *Sự trụ trì trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam* đã nêu quan điểm nhìn nhận vai trò của sự trụ trì như một bên liên quan quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo. Vai trò sự trụ trì cần đặt trong mối tương quan với các bên liên quan khác, nhất là cộng đồng, chính quyền địa phương, cũng như cần được tạo điều kiện hoạt động thông qua cơ chế chính sách của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam [11].

Như vậy, đề cập tới việc phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH đã được các tác giả nước ngoài và các tác giả trong nước đề

⁴ Các tác giả còn khẳng định thêm vai trò quan trọng của cá nhân và cộng đồng góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa cần đặt trong bối cảnh hướng đến phát triển bền vững, trong đó đề cao yếu tố phát triển cộng đồng [39].

cập đến ở các góc độ khác nhau thông qua nghiên cứu các trường hợp cụ thể ở các quốc gia. Các nghiên cứu đều nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quản lý DTLSVH, phân tích những nhân tố thúc đẩy và cản trở sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quản lý DTLSVH.

Tổng hợp các tài liệu nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, NCS nhận thấy hiện vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, các nghiên cứu về quản lý DTLSVH Phật giáo hiện nay còn khá khiêm tốn, chủ yếu dừng lại ở việc khảo tả di tích, nhận diện các giá trị lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc... của di tích. Vấn đề quản lý DTLSVH Phật giáo còn chưa được xây dựng một cách hệ thống, hiện chủ yếu thể hiện trong một số nghiên cứu trường hợp ở cấp độ luận văn hoặc nằm chung trong những công trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa.

Thứ hai, các nghiên cứu về quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An chưa có hệ thống và thiếu các phân tích về mô hình, công cụ quản lý, chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị di tích, đặc biệt trong bối cảnh biến động kinh tế - xã hội cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động du lịch trong thời gian qua. Chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về quản lý DTLSVH Phật giáo tại Ninh Bình nói chung và tại Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng.

Thứ ba, các nghiên cứu về vai trò của các bên liên quan trong quản lý DTLSVH nói chung và DTLSVH Phật giáo nói riêng đều đề cập đến sự tham gia của nhiều bên liên quan, mỗi bên có vai trò, trách nhiệm và quyền hạn khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ hướng tới mục tiêu chung là gìn giữ và phát huy giá trị di tích. Các bên liên quan cần phải phối hợp với nhau một cách chặt chẽ để thực hiện các hoạt động quản lý DTLSVH, đặc biệt là đối với DTLSVH Phật giáo, sự tham gia của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và doanh nghiệp cũng như khách du lịch tác động rất lớn đối với công tác quản lý.

Những khoảng trống khoa học mà các công trình đi trước chưa bàn tới sẽ là vấn đề mà luận án tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Di sản văn hóa

Khái niệm DSVH được đề cập trong *Luật Di sản văn hóa* “là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [45].

Năm 2024, *Luật Di sản văn hóa* (sửa đổi, bổ sung) số 45/2024/QH15 được Quốc hội thông qua, khái niệm di sản văn hóa, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được quy định tại Chương I, Điều 1 và Điều 3⁵. Theo thuật ngữ về Di sản văn hoá được nêu trong *Luật Di sản văn hóa* số 45/2024/QH15, chúng ta thấy rằng, văn hoá Phật giáo Việt Nam cũng được hình thành trong cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam, phát triển cùng với tiến trình lịch sử dân tộc, bao gồm hệ thống không gian, kiến trúc chùa tháp, các tác phẩm điêu khắc, tượng thờ, tranh thờ, hoành phi, câu đối, đồ thờ cúng, nhạc khí, những giá trị về tư tưởng, đạo đức, văn học, âm nhạc, nghi lễ Phật giáo...

1.2.1.2. Di tích lịch sử văn hóa

Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), di tích lịch sử văn hóa là những công trình, địa điểm hoặc khu vực có giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt, phản ánh những sự kiện, quá trình hoặc giai đoạn quan trọng trong lịch sử của một dân tộc, một nền văn minh của nhân loại nói chung. Di tích lịch sử văn hóa có thể là các công trình kiến trúc, di chỉ khảo cổ, các khu vực đã được xác nhận có liên quan đến các sự kiện lịch sử quan trọng, hoặc các công trình có giá trị biểu tượng trong việc ghi nhớ các cuộc

⁵ Điều 1, 2. Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3, 1. Di sản văn hóa phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

Điều 3, 2. Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. [47]

chiến tranh, cuộc cách mạng, các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa... theo Công ước hay văn bản nào, trích nguồn nhé

Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 quy định: “Di tích lịch sử văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.” [47]. Đây là định nghĩa chính thức và có tính pháp lý cao nhất được vận dụng làm căn cứ trong các hoạt động giáo dục, nghiên cứu và quản lý di tích ở Việt Nam hiện hành. Do vậy, NCS sử dụng khái niệm DTLSVH được nêu trong *Luật Di sản văn hóa* số 45/2024/QH15 khi đổi chiều, vận dụng nghiên cứu về DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An.

Tóm lại, DTLSVH là một bộ phận của DSVH, chứa đựng các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật to lớn, là thành quả lao động sáng tạo của các thế hệ đi trước và được truyền lại cho các thế hệ sau. DTLSVH rất đa dạng về loại hình, phong phú về nội dung và tính chất, mỗi loại hình DTLSVH cần có mô hình và phương thức quản lý phù hợp để phát huy giá trị.

1.2.1.3. Di tích lịch sử văn hóa Phật giáo

DTLSVH Phật giáo là những công trình xây dựng, địa điểm gắn liền với Phật giáo và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, và khoa học. DTLSVH Phật giáo bao gồm những ngôi chùa Phật giáo có giá trị lịch sử, văn hóa, lịch sử và khoa học⁶. DTLSVH Phật giáo còn bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học trong di tích.

⁶ Hiện ba ngôi chùa trong phạm vi nghiên cứu của luận án là chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động và chùa Bái Đính (cổ) đều được ghi danh là DTLSVH quốc gia và quốc gia đặc biệt. Qua khảo sát thực tiễn thì Cột đá chép kinh Lăng Nghiêm của chùa Nhất Trụ có niên đại thời Đinh (968-980) đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia, chuông đồng tại chùa Bích Động, các pho tượng trong chùa cũng là những cổ vật, bởi có niên đại trên 100 năm, được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và khoa học.

1.2.1.3. Quản lý

Thuật ngữ Quản lý được định nghĩa trong *Từ điển Tiếng Việt* như sau: “Tổ chức điều khiển và theo dõi thực hiện”⁷. Khái quát hơn, quản lý là một hoạt động khách quan phát sinh khi cần có nỗ lực tập thể để thực hiện mục tiêu chung. Bản chất của quản lý và hoạt động quản lý khởi nguồn từ sự phân công và hợp tác trong quá trình lao động. Quản lý ra đời chính là nhằm đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả lao động nhiều hơn, tăng năng suất cao hơn trong công việc. Trình độ xã hội càng cao, yêu cầu quản lý càng lớn và vai trò của quản lý càng tăng.

Quản lý bao gồm 4 yếu tố: Chủ thể quản lý, Đối tượng quản lý, Khách thể quản lý, Mục tiêu của quản lý.

Chủ thể quản lý: Là tác nhân tạo ra các tác động quản lý (con người hoặc tổ chức). Chủ thể quản lý tác động lên đối tượng quản lý bằng các công cụ với những phương pháp thích hợp theo những nguyên tắc nhất định.

Đối tượng quản lý: Tiếp nhận trực tiếp sự tác động của chủ thể quản lý.

Khách thể quản lý: Chịu sự tác động hay sự điều chỉnh của chủ thể quản lý.

Mục tiêu của quản lý: Là mục tiêu đạt tới tại một thời điểm nhất định do chủ thể quản lý định trước. Đây là căn cứ để chủ thể quản lý thực hiện các động tác quản lý cũng như lựa chọn các phương pháp quản lý thích hợp.

Từ những phân tích trên đây, Quản lý được sử dụng trong luận án như sau: *Quản lý là tác động có ý thức, theo quy trình của các chủ thể quản lý (các bên liên quan) tới đối tượng quản lý để phối hợp các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu của tổ chức trong điều kiện môi trường biến đổi.* Cách hiểu về quản lý này sẽ được vận dụng để xác định các chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di sản văn hóa nói chung và quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, khái niệm của di sản văn hóa đã mở rộng nội hàm, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Sự thay đổi về nội

⁷ Văn Tân, (1997), *Từ Điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, trang 861.

hàm khái niệm di sản văn hóa cũng sẽ dẫn đến những thay đổi trong quản lý di sản, từ quản lý kiểu truyền thống từ trên xuống dưới (theo chiều dọc) với vai trò trung tâm của Nhà nước đến hình thức quản lý đa dạng hơn với sự tham gia của nhiều bên liên quan (chiều dọc và chiều ngang), trong đó vai trò chủ động và tích cực của cộng đồng được đặc biệt nhấn mạnh.

1.2.1.4. Quản lý di tích lịch sử văn hóa

Quản lý di sản văn hóa được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản nhằm mục đích bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản được cộng đồng coi trọng, đồng thời nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung. Như vậy, quản lý DTLSVH chính là sự định hướng, tạo điều kiện tổ chức, điều hành việc bảo vệ, gìn giữ các DTLSVH, làm cho các giá trị của di tích được phát huy theo chiều hướng tích cực.

Quản lý di tích lịch sử - văn hóa là sự tác động của các chủ thể quản lý trong đó bao gồm các bên liên quan chủ yếu là Nhà nước và cộng đồng nhằm hướng tới một kỳ vọng hoặc mục tiêu chung là thực hiện việc chăm sóc một cách có hệ thống để bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa phục vụ cho các thể hệ hiện tại và tương lai.

Theo *Luật Di sản Văn hóa* số 45/2024/QH15, về nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được Quy định tại Điều 6, từ mục 1 đến mục 8⁸. Với khái niệm Quản lý di sản văn hóa cùng với nguyên tắc quản lý,

⁸ Điều 6: 1. Mọi di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, có xuất xứ ở trong nước hoặc từ nước ngoài, thuộc các hình thức sở hữu đều được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân. 3. Di sản văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài được bảo hộ theo luật pháp quốc tế và theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 4. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, hài hòa với quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cộng đồng, cá nhân; tôn trọng sự đa dạng văn hóa, sự đối thoại giữa các cộng đồng và tính đặc thù dân tộc, vùng, miền. 5. Ưu tiên bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa có nguy cơ bị mai một, thất truyền, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, các dân tộc thiểu số rất ít người và những di sản văn hóa có giá trị toàn cộng đồng, xã hội. 6. Bảo đảm giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích và tính nguyên gốc của di sản tư liệu; giá trị và hình thức thể hiện vốn có của di sản văn hóa phi vật thể. 7. Tôn trọng quyền của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể và nghệ nhân di sản văn hóa

bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa sẽ bao gồm những vấn đề sau:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hoá;
3. Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hoá;
4. Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hoá;
5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
6. Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
7. Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;
8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hoá.

1.2.1.5. Quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo

Trên cơ sở khái niệm về DTLSVH, DTLSVH Phật giáo, quản lý di tích, và quản lý DTLSVH, luận án tổng kết và đưa ra khái niệm về “Quản lý DTLSVH Phật giáo” như sau: *Quản lý DTLSVH Phật giáo là hoạt động chấp hành, điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước được tiến hành trên cơ sở pháp luật và thi hành pháp luật để điều chỉnh hành vi hoạt động của cá nhân, tổ chức trong việc bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo.*

phi vật thể trong việc quyết định các yếu tố cần được bảo vệ và hình thức, mức độ cần được phát huy của di sản văn hóa; xác định nguy cơ, tác động đe dọa sự tồn tại và lựa chọn giải pháp bảo vệ di sản văn hóa. 8. Lồng ghép việc bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, địa phương.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

1.2.2.1. Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết các bên liên quan là một trong những lý thuyết quan trọng trong nghiên cứu và thực hành quản lý, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý di tích văn hóa. Lý thuyết được công bố bởi Freeman R. Edward vào năm 1984, với mục tiêu phân tích và giải thích cách thức các tổ chức hoặc dự án ảnh hưởng và được ảnh hưởng bởi các bên có liên quan [83]. Theo lý thuyết này, bất kỳ hoạt động hoặc quyết định nào cũng sẽ có sự tham gia của nhiều bên, mỗi bên sẽ có những quyền lợi, nhu cầu và mong muốn khác nhau.

Donaldson và Preston đã phát triển lý thuyết các bên liên quan tập trung vào ba khía cạnh: 1) Tiếp cận mô tả: dùng để mô tả đặc điểm và mô tả hành vi của tổ chức vì vậy nó được dùng để xem xét cách các nhà quản lý cư xử với các bên liên quan, hành động và vai trò của họ; 2) Tiếp cận công cụ: thiết lập một khuôn khổ để kiểm tra các mối quan hệ và quản lý các bên liên quan; 3) Tiếp cận quy phạm: là cách tiếp cận cốt lõi của lý thuyết. Cách tiếp cận này dùng để giải thích chức năng của doanh nghiệp, bao gồm xác định các chỉ dẫn về nghĩa vụ đạo đức của nhà quản lý đối với các bên, vai trò của hợp tác và tất cả các bên đều có quyền tham gia nếu họ có lợi ích trong tổ chức. Nếu các bên liên quan có xung đột lợi ích, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ là cân bằng tối ưu lợi ích giữa họ bởi vì đây điều này thuộc chuẩn mực đạo đức. Do đó, lý thuyết các bên liên quan nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự phối hợp, hợp tác và đối tác để đạt mục tiêu chung [80].

Trong bối cảnh bảo vệ di tích văn hóa, lý thuyết các bên liên quan giúp xác định các nhóm có ảnh hưởng, cũng như vai trò và trách nhiệm của mỗi bên trong việc duy trì và bảo vệ di sản văn hóa. Lý thuyết này được vận dụng khi xây dựng mô hình quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An khi xem xét, đánh giá mối liên hệ và vai trò của các bên liên quan có

ảnh hưởng và có tác động với DTLSVH Phật giáo bao gồm: cơ quan quản lý Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước gồm: các cơ quan Trung ương như Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đến cơ quan địa phương như Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình, Phòng Văn hóa huyện Hoa Lư, Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An, Ban QLDT các chùa... Đây là những cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, kế hoạch và giám sát việc bảo vệ di tích. Các cơ quan quản lý Nhà nước với sự tư vấn của các nhà nghiên cứu, chuyên môn giữ vai trò chủ đạo trong việc sử dụng các công cụ chính sách cơ chế để giữ, kiểm soát và ổn định các tình trạng của di sản sau khi được cải tạo, nâng cấp bởi các bên liên quan còn lại (cộng đồng địa phương, các nhà đầu tư, doanh nghiệp,...). Quần thể danh thắng Tràng An là Di sản Thế giới hỗn hợp, do đó Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam sẽ giám sát việc giữ gìn và bảo vệ các giá trị nổi bật toàn cầu, tính chân xác của di sản.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đại diện là các sư, ni trụ trì: Các sư, ni trụ trì là người chịu trách nhiệm chính trong việc thực hành các nghi lễ Phật giáo, tham gia trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của các DTLSVH Phật giáo.

- Cộng đồng: là một trong các bên liên quan đến di sản, trong khi một số bên liên quan có thể xác định được một cách khá rõ ràng về chủ thể, thành phần và trách nhiệm, quyền lợi thì cộng đồng là bên liên quan có nội hàm rộng nhất, chồng lấn nhất và mơ hồ nhất. Di sản đa dạng bao nhiêu thì cộng đồng cũng đa dạng bấy nhiêu, cộng đồng có ảnh hưởng đến các quan hệ phối hợp trong hoạt động QLDT. Từ sau Công ước 2003 của UNESCO, vai trò của cộng đồng đối với quá trình di sản ngày càng được đề cao mà trong đó quyền chủ động của cộng đồng được đưa lên hàng đầu.

Luận án xác định có nhiều nhóm cộng đồng khác nhau cùng tham gia quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, bao gồm: cộng đồng địa phương, Phật tử, khách tham quan, nhà nghiên cứu.... Cộng đồng địa phương là những người dân sinh sống xung quanh khu vực Quần thể danh thắng Tràng An nói chung và xung quanh ba ngôi chùa: Bái Đính (cổ), Nhất Trụ, Bích Động nói riêng. Đây là những người có sự kết nối mật thiết với di tích thông qua lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng tâm linh trong đời sống hàng ngày. Phật tử, khách du lịch là những người đến với DTLSVH Phật giáo nhằm thỏa mãn những nhu cầu về tín ngưỡng, tâm linh, tham quan trải nghiệm, tương tác và góp phần không nhỏ trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH.

- Nhà đầu tư, doanh nghiệp là các đối tác có thể liên quan đến các dự án bảo tồn, hoặc có ảnh hưởng đến môi trường di tích qua các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch trong Quần thể danh thắng Tràng An cũng được xem xét như một bên liên quan có vai trò nhất định.

- Lý thuyết các bên liên quan được vận dụng trong luận án như một công cụ hữu hiệu nhằm nghiên cứu toàn diện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Nghiên cứu lý thuyết này nhằm xây dựng mô hình quản lý di tích hiệu quả có sự phối hợp, tổ chức thực hiện giữa các đơn vị, các ban ngành có liên quan, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên, xác định các lợi ích và mối quan tâm của từng bên, cải thiện khả năng hợp tác, hỗ trợ và tạo ra sự bền vững trong bảo tồn các DTLSVH Phật giáo.

Lý thuyết các bên liên quan được vận dụng để đánh giá vai trò và mối liên hệ của các bên liên quan đến công tác quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình. Những bên liên quan đến công tác quản lý DTLSVH Phật giáo bao gồm: cơ quan quản lý Nhà nước, Giáo hội

Phật giáo, cộng đồng (cộng đồng địa phương, Phật tử, khách du lịch...) và Nhà đầu tư/doanh nghiệp.

1.2.2.2. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Tiếp cận về chủ thể quản lý: Chủ thể quản lý không chỉ là các cơ quan quản lý Nhà nước, mà còn bao gồm Giáo hội Phật giáo, doanh nghiệp và cộng đồng (cộng đồng cư dân địa phương, Phật tử, khách tham quan, nhà nghiên cứu...).

Tiếp cận về nội dung quản lý: Quản lý DTLSVH tại các ngôi chùa được nghiên cứu ở cả 2 khía cạnh: Thứ nhất là quản lý các ngôi chùa với tư cách là di sản văn hóa vật thể; Thứ hai là quản lý các hoạt động tại chùa như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, hành hương...

Nhà nước thông qua các cơ quan quản lý ban hành các văn bản pháp luật quy định như Luật Di sản văn hóa, các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn, để quản lý các hoạt động liên quan đến di sản văn hóa. Đảng và Nhà nước ban hành những cơ chế, chính sách xử lý và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Bên cạnh đó, Nhà nước tạo điều kiện để cộng đồng phát huy tốt vai trò chủ thể của mình. Chủ trương xã hội hóa di tích với tinh thần “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, đã cho thấy tính đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, vừa có thể bảo tồn di sản văn hóa, vừa trao quyền cho cộng đồng để họ làm chủ di sản văn hóa của mình để từ đó cộng đồng tự nguyện và tự giác tham gia trong các hoạt động bảo vệ cũng như phát huy giá trị của di sản văn hóa.

Xét về vai trò trong hoạt động quản lý, các bên liên quan thuộc khu vực Nhà nước có vai trò chủ đạo trong việc định hướng, lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An.

Vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: được thể hiện qua vai trò của sư, ni trụ trì các ngôi chùa – DTLSVH Phật giáo trên một số khía cạnh sau:

Duy trì, phát huy giá trị di sản tư tưởng Phật giáo thông qua quá trình tu hành, rèn luyện; Duy trì nghi lễ, các khuôn mẫu, thực hành văn hóa Phật giáo theo quy định của tổ chức tôn giáo tại các cơ sở thờ tự; Tổ chức các lễ hội Phật giáo, trong nhiều trường hợp được đồng nhất thành lễ hội văn hóa của cộng đồng, như: Rằm tháng Giêng, lễ Phật đản, lễ Vu Lan...; Phát triển hệ thống các ngôi chùa thông qua việc đào tạo tăng, ni về kinh kệ, giáo lý, quản trị chùa. Một trong những vai trò hết sức quan trọng của Sư trụ trì trong việc gắn kết giữa đạo với đời là kết nối cộng đồng, thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội, phát triển cộng đồng của các tổ chức tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng. Đặc biệt, đối với những ngôi chùa là di tích lịch sử văn hóa thì sư, ni trụ trì chính là người trực tiếp bảo vệ các di sản tại di tích, đồng thời, là người phát huy giá trị di sản tới công chúng. Trong các hoạt động cụ thể, sư, ni trụ trì còn là người chủ động kết nối, tập hợp, dẫn dắt Phật tử, công chúng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Đối với lĩnh vực này, nhà quản lý di sản sẽ không thể có điều kiện, khả năng phát huy được như các Sư trụ trì. Thông qua các việc làm cụ thể như: Gắn biển tên, lời giới thiệu, chú thích, tò roi... giới thiệu về ngôi chùa (di tích) và giá trị các hiện vật (đồ thờ, tượng thờ, pháp khí, không gian cảnh quan, cây di sản...) cho đến tổ chức các buổi sinh hoạt cộng đồng (tụng kinh niệm Phật, thuyết giảng đạo pháp, các sự kiện, nghi lễ Phật giáo...) đều có nội dung giới thiệu về giá trị di sản tại cơ sở thờ tự... đều là các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản một cách thiết thực và hiệu quả.

Vai trò của cộng đồng: Cộng đồng địa phương bao gồm cả những người trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc bảo tồn trong đó bao gồm cả cộng đồng địa phương (có người đứng đầu và quần chúng nhân dân), Phật tử, khách tham quan, nhà nghiên cứu.... Vai trò của cộng đồng ngày càng được đề cao và ghi nhận, sự tồn tại hay mất đi của di sản văn hóa hiện nay phụ thuộc nhiều vào cộng đồng. Từ xa xưa, cộng đồng luôn là lực lượng chính tham gia bảo vệ, giữ gìn di tích tín ngưỡng, tôn giáo ở thôn làng. Cộng đồng cũng đóng góp nguồn nhân lực, vật lực, tài lực chính trong quá trình xây dựng, tu bổ các di tích lịch

sử văn hóa ở địa phương. Cộng đồng cũng là chủ sở hữu của nhiều loại hình di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể). Sự tham gia chủ động, tích cực của cộng đồng trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa là yếu tố quan trọng góp phần bảo tồn, lưu giữ và trao truyền di sản văn hóa từ đời này sang đời khác.

Vai trò của Doanh nghiệp/nhà đầu tư: là các đối tác liên quan đến các dự án bảo tồn, hoặc có ảnh hưởng đến môi trường di tích qua các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch. Tại Quần thể Danh thắng Tràng An trong phạm vi 12 ngàn ha có 6 doanh nghiệp tham gia đầu tư ở 8 cụm di sản trong quần thể, trong đó doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường là đối tác chính, đã đầu tư để bảo tồn và xây dựng khu danh thắng Tràng An, cụ thể là các chùa Bái Đính (cổ), chùa Bích Động. Chùa Nhất Trụ hiện nay vẫn chưa có sự tham gia của doanh nghiệp trong bảo tồn cũng như việc tôn tạo. Nhà đầu tư, doanh nghiệp có vai trò quyết định trong việc bảo vệ và ngăn không cho di sản xuống cấp, cũng như thực hiện các công việc trùng tu, tôn tạo di tích, phát huy giá trị di tích...

1.2.2.3. Nội dung phối hợp giữa các bên liên quan

Trong quá trình triển khai đề tài, kết hợp với các tiêu chí đánh giá của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án đưa ra một số nội dung phối hợp giữa các bên liên quan như sau:

1/ Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý DTLSVH Phật giáo;

2/ Xác định mức độ phối hợp có hiệu quả hay không giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý DTLSVH Phật giáo;

3/ Xác định mức độ phối hợp có hiệu quả hay không giữa các cơ quan Nhà nước với cộng đồng trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý DTLSVH Phật giáo;

4/ Xác định mức độ phối hợp có hiệu quả hay không giữa các cơ quan Nhà nước với Doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý DTLSVH Phật giáo;

5/ Cung cấp các căn cứ, các số liệu khoa học để đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo.

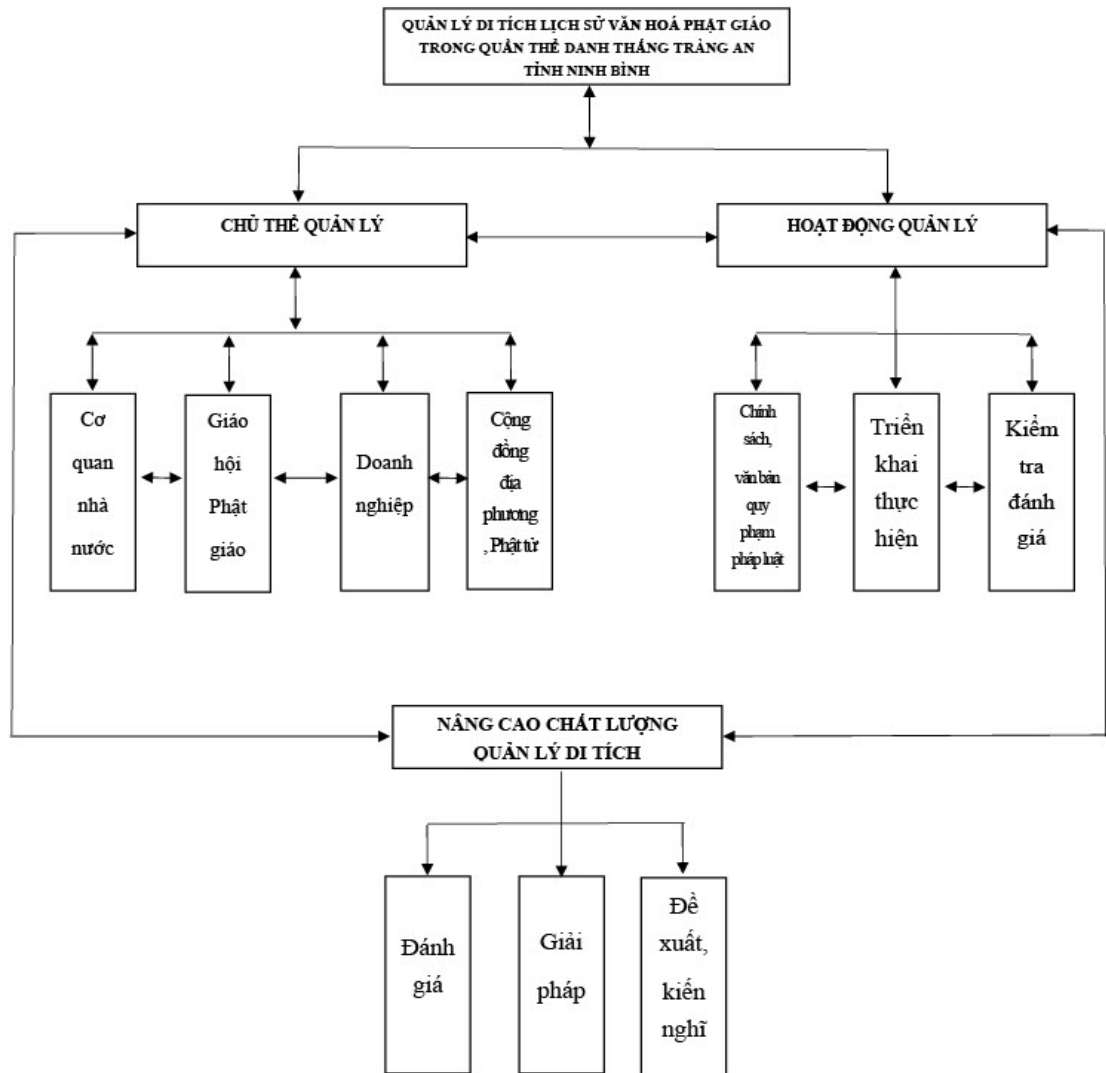
Nội dung cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong từng hoạt động quản lý di tích, cụ thể:

- Trong nhiệm vụ xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị các bên liên quan;
- Trong ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý DTLSVH Phật giáo;
- Trong nhiệm vụ tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các bên liên quan, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý DTLSVH Phật giáo;
- Trong tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về quản lý DTLSVH Phật giáo;
- Trong nhiệm vụ huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo;
- Trong nhiệm vụ tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo;
- Trong thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về DTLSVH Phật giáo.

Để đánh giá CBLQ các hoạt động phối hợp, luận án sử dụng kết quả khảo sát, thu thập dữ liệu kết và phỏng vấn trực tiếp CBLQ cụ thể như sau: 1) Khu vực nhà nước: Phòng Quản lý văn hóa- Sở Văn hóa & Thể thao tỉnh Ninh Bình; Các phòng ban liên quan; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Gia Viễn và Hoa Lư; UBND các xã, thị trấn; 2) Khu vực cộng đồng: Cộng đồng địa phương; khách tham quan; nhà nghiên cứu; 3) Sư, ni trụ trì; 4) Doanh nghiệp. Như vậy, dựa trên việc xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả phối hợp giữa CBLQ trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo là cơ sở khoa học, khách quan giúp NCS nghiên cứu sâu hơn để tìm hiểu thực trạng quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2024.

1.2.2.4. Khung phân tích

Căn cứ vào lý thuyết về các bên liên quan, căn cứ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu và nội dung phối hợp giữa các bên liên quan, luận án đưa ra khung phân tích như sau:



Với khung phân tích này, QLDTLSVH Phật giáo bao gồm chủ thể quản lý và hoạt động quản lý. Chủ thể quản lý là các cơ quan Nhà nước, Giáo hội Phật giáo, Doanh nghiệp, cộng đồng địa phương⁹. Hoạt động quản lý bao gồm những chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, triển khai các hoạt động, quá

⁹ Cộng đồng địa phương sẽ bao gồm cộng đồng cư dân và Phật tử.

trình đánh giá kiểm tra. Hoạt động của chủ thể quản lý và hoạt động quản lý sẽ tác động tương hỗ với nhau trong chuỗi tổng thể nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý di tích mà cụ thể ở đây là DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An tỉnh Ninh Bình.

1.2.3. Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý di tích lịch sử văn hóa

Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên quý giá giúp duy trì và phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời tạo ra những cơ hội du lịch, góp phần thúc đẩy ngành du lịch phát triển bền vững. Di sản văn hóa còn là cầu nối giữa các thế hệ, giúp lưu giữ và truyền đạt những giá trị lịch sử, truyền thống của dân tộc cho các thế hệ mai sau. Hơn nữa, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa còn nâng cao ý thức cộng đồng, tạo ra sự gắn kết và tự hào dân tộc. Từ đó, di sản văn hóa không chỉ giúp phát triển kinh tế mà còn củng cố sự đoàn kết và bản sắc văn hóa của một quốc gia.

Hiến pháp Việt Nam (2013), điều 10 đã quy định rõ: "Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử của dân tộc". Đối với lĩnh vực Di sản văn hóa, Quốc hội ban hành *Luật Di sản văn hóa* số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa* số 10/VBHN-VPQH, ngày 23/7/2013, đã khẳng định: "*Di sản văn hóa* Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của cộng đồng văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta" và Văn bản hợp nhất số 3202/VBHN-BVHTTDL ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của 2 văn bản Luật trên [45], [46]. Tuy nhiên, sau 20 năm thực hiện, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa đang bộc lộ hạn chế về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể. Việc cập nhật những luận điểm mới mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định về *Luật Di sản văn hóa*, đồng thời, kế thừa các nghị quyết chuyên đề của Trung ương và Bộ Chính trị về di sản để sửa đổi, bổ sung *Luật Di sản văn hóa* vô cùng cần thiết

để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Cần nâng cao nhận thức và thể chế hóa, bám sát các quan điểm chỉ đạo cũng như tiếp cận ở góc độ bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản, để hệ giá trị di tích di sản thực hiện vai trò dẫn dắt, quảng bá, thương hiệu khẳng định hồn cốt dân tộc. Bên cạnh đó, cần tạo ra mối quan hệ tương thích, đồng bộ giữa *Luật Di sản văn hóa* và các bộ luật khác để tạo động lực cho sự phát triển [45], [47]. Bên cạnh Hiến pháp và Luật Di sản văn hóa, hệ thống pháp lý về quản lý di sản văn hóa còn bao gồm nhiều loại văn bản quy phạm pháp luật khác như nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định, chỉ thị, công văn...¹⁰

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (NQ TW 5 khóa VIII) về văn hóa và Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tập trung vào "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Nghị quyết này được coi là một bước đột phá quan trọng, đánh dấu sự quan tâm sâu sắc của Đảng đối với văn hóa, xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh của dân tộc. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phải gắn với phát triển du lịch bền vững.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ), phần nội dung về lĩnh vực di tích chỉ rõ: “Đầu tư đồng bộ bảo tồn, tôn tạo các DTLSVH tiêu biểu

¹⁰ Nghị định số 92/2002/NĐ-CP, ngày 11/11/2002, của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều, của luật di sản văn hóa, bao gồm: bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể; mua bán/trao đổi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tổ chức và hoạt động của hệ thống bảo tàng công lập và ngoài công lập; trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện *Luật Di sản văn hóa*; khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia [16].

trở thành di sản có chất lượng cao về khoa học bảo tồn và môi trường văn hóa, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế du lịch...” [17]¹¹.

Trong thời gian tới, Việt Nam thực hiện *Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* do Bộ VHTT&DL chỉ đạo ban hành. Mục tiêu phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Qua đó chúng ta cũng thấy được giá trị của DSVH nói chung và của DTLSVH trong sự phát triển kinh tế chung của đất nước. Thêm vào đó, các giải pháp được đề xuất trong Chiến lược này cũng được xác định là tập trung ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch văn hóa bên cạnh các loại hình du lịch khác như du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, các sản phẩm du lịch phải đảm bảo yếu tố “xanh”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương.

Các công ước UNESCO về di sản đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và duy trì các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới. Các công ước này cũng thúc đẩy sự hợp tác quốc tế, tạo ra một mạng lưới toàn cầu để bảo vệ các di sản chung. Hơn nữa, chúng đảm bảo rằng các di sản sẽ được truyền lại cho các thế hệ sau, duy trì tính đa dạng văn hóa và thiên nhiên của hành tinh. Nhờ các công ước UNESCO, các di sản không chỉ được bảo vệ về mặt vật chất mà còn được lưu giữ trong trái tim và tâm trí của nhân loại.

+ Công ước Bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới được UNESCO ban hành năm 1972 đã khẳng định giá trị nổi bật toàn cầu của DSVH và thiên nhiên

¹¹ Trước đó, Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Nội dung thông tư quy định về phân cấp công trình bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, nguyên tắc xác định chi phí tư vấn, xác định chi phí lập đồ án quy hoạch hệ thống di tích và quy hoạch tổng thể di tích, xác định chi phí điều chỉnh quy hoạch hệ thống di tích, quy hoạch tổng thể di tích đã được phê duyệt, xác định chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích [12]. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLSVH, danh lam thắng cảnh. Nội dung Nghị định đề cập đến các điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề tu bổ di tích [20].

thế giới, đồng thời thức tỉnh ý thức của nguyên thủ các quốc gia cũng như toàn nhân loại về trách nhiệm bảo tồn DSVH. Công ước hướng dẫn các yêu cầu và chuẩn mực quốc tế về bảo tồn DSVH, đồng thời hướng dẫn cơ chế giám sát mang tính toàn cầu đối với hoạt động của từng quốc gia thành viên bảo đảm sự toàn vẹn và giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thông qua một tổ chức thống nhất quản lý di sản và kế hoạch quản lý thích ứng cho các di sản được đưa vào danh mục di sản thế giới [73].

+ Công ước Bảo vệ DSVH phi vật thể do UNESCO thông qua năm 2003 nhằm bảo vệ và duy trì di sản văn hóa phi vật thể, nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ước còn khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn di sản và tạo điều kiện cho sự hợp tác quốc tế nhằm bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể thông qua việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm của các quốc gia [74].

+ Công ước Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa do UNESCO thông qua năm 2005 nhằm bảo vệ và phát huy sự đa dạng văn hóa, thúc đẩy phát triển văn hóa bền vững, hỗ trợ quyền tự chủ văn hóa và công nhận giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, đặt ra một khung pháp lý thuận lợi cho tất cả các quốc gia thành viên trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, truyền bá, tiếp cận và hưởng thụ các biểu đạt văn hóa từ nhiều nguồn gốc khác nhau [76].

Để bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLSVH và danh lam thắng cảnh trên địa bàn, đặc biệt là các di tích nổi bật như Tràng An và Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều văn bản nhằm triển khai nhiều quy hoạch quan trọng như Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2040. Quy hoạch này định hướng phát triển Ninh Bình thành đô thị di sản thiên nhiên kỷ, trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế, đồng thời là trung tâm công nghiệp văn hóa và tổ chức sự kiện lớn. Một trong những điểm nhấn quan trọng trong quy hoạch là việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của Quần thể danh thắng

Tràng An và các di tích lịch sử ở Cố đô Hoa Lư, nhằm xây dựng một thành phố hài hòa giữa việc bảo tồn và phát triển bền vững.

Khung "Phát triển Bền vững và Văn hóa 2030" của UNESCO ("Sustainable Development and Culture 2030"), được ra mắt sau năm 2015, là khung lý thuyết liên kết văn hóa với Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Khung này tập trung vào 5 khía cạnh chính: văn hóa là động lực thúc đẩy phát triển, văn hóa là một trụ cột của phát triển bền vững, văn hóa là một lĩnh vực của phát triển bền vững, văn hóa là một yếu tố thúc đẩy hợp tác, và văn hóa là một yếu tố bảo vệ đa dạng. Với thông điệp xuyên suốt "Không có tương lai nếu không có văn hóa" (There is no future without culture), các đại biểu nhất trí coi văn hóa là quyền con người cơ bản, là hàng hóa công toàn cầu, đồng thời kêu gọi đưa văn hóa trở thành mục tiêu độc lập trong khung phát triển Liên Hợp Quốc sau 2030.

Để hiện thực hóa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh Ninh Bình đã triển khai các chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết, ban hành nhiều Quyết định liên quan đến công tác quản lý DTLSVH.¹² Tỉnh Ninh

¹² Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" của Tỉnh ủy Ninh Bình đã xác định bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình [80]; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý và bảo vệ các di tích khảo cổ học, di sản địa chất, cảnh quan Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Quy chế này quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học, di sản địa chất, cảnh quan Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình đã nhất trí việc Sở Văn hóa, thông tin và du lịch tỉnh phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học, các dự án tu bổ, tôn tạo các DTLSVH, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác bảo tồn di sản và phát triển du lịch [67]; Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh là các quy định liên quan của UBND tỉnh về quản lý, bảo vệ di sản và đã được Ban quản lý Danh thắng Tràng An phổ biến rộng rãi tới cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp và người dân trong vùng di sản; UBND tỉnh Ninh Bình cũng đã phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa giai đoạn 2021-2025 nhằm bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, đồng thời phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ di sản.

Bình đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa của địa phương nói chung và Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng. Tỉnh cũng chú trọng việc kết hợp giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững, tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho cộng đồng. Các chương trình bảo tồn không chỉ giúp gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa quan trọng, mà còn nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ di sản.

Có thể thấy, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý DTLSVH đã thể hiện sự nhất quán, quyết liệt trong đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta. Từ những văn bản quy phạm pháp luật này, công tác quản lý DTLSVH, trong đó có DTLSVH Phật giáo được chú trọng quan tâm và được coi như một phần của phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương, trong đó có Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình.

1.2.4. Nội dung quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo

DTLSVH là những công trình, kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo thuộc về cộng đồng, do cộng đồng sáng tạo nên, để lại cho các thế hệ sau kế tục. Bên cạnh hoạt động bảo vệ, trông nom, phát huy giá trị các di tích đó của cộng đồng cư dân nơi di tích tọa lạc thì nhiệm vụ quản lý của nhà nước đối với di tích giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Điều đó thể hiện ở các khía cạnh, lĩnh vực như: Nhà nước lập hồ sơ, biên bản khoanh vùng bảo vệ để công nhận di tích đó thuộc cấp nào (cấp tỉnh, cấp quốc gia hay quốc gia đặc biệt), qua đó có biện pháp phù hợp để phân cấp quản lý nhằm mang lại hiệu quả cao nhất để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Việc quản lý nhà nước đối với các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình được thể hiện trên các phương diện như sau:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo

UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đặc thù, đột phá, nghị quyết về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản¹³. Đây

¹³ Nghị quyết số 10-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập *phát triển* bền vững; Nghị quyết số 02-NQ/TU về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn

chính là những chủ trương định hướng quan trọng huy động các nguồn lực, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và cộng đồng địa phương tham gia phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản văn hóa, trong đó có DTLSVH Phật giáo. Để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo một cách bền vững, việc xây dựng quy hoạch và ban hành các văn bản pháp lý là yếu tố quyết định, giúp tạo ra một khung pháp lý rõ ràng và hợp lý cho công tác quản lý di sản.

Phát triển quy hoạch tại địa phương phải đồng bộ với quy hoạch bảo tồn các di sản văn hóa, có nghĩa là khi quy hoạch cần phải tính đến việc bảo tồn không gian cảnh quan của di tích lịch sử trong Quần thể danh thắng, phải giữ gìn những nét kiến trúc cổ kính, những nét văn hóa truyền thống của địa phương nơi có các di tích tọa lạc hòa lẫn khung cảnh núi non, sông nước hữu tình. Để bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể danh thắng này, về lâu dài cần có sự tham mưu, góp ý từ các tổ chức quản lý chuyên ngành, ý kiến của người dân với Ban QLDT danh thắng về các công tác trùng tu, tôn tạo để không phá vỡ không gian cảnh quan nơi có các di tích tọa lạc. Cần phải tuyên truyền cho người dân ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường cũng như không gian kiến trúc của các di sản văn hóa địa phương.

Thực tế hiện nay, nhiều di sản văn hoá - thiên nhiên ở nước ta đang đặt trong tình trạng báo động, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bị hư hại, xuống cấp mà chưa có chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị xứng tầm. Việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển công tác bảo tồn phát huy giá trị di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình cần phải đặt trong khuôn khổ quy hoạch phát triển văn hoá, gắn với quy hoạch phát triển của địa phương và các quy hoạch ngành. Cần chú ý đến loại hình DTLSVH Phật giáo trong Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An, cân bằng lợi ích của các bên liên quan trong hoạt động quản lý.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hoá.

Việc áp dụng, triển khai Luật *Luật Di sản văn hóa* vào thực tiễn công tác quản lý đã góp phần tích cực trong công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa ngàn đời của dân tộc. Trong các điều khoản quy định trong bộ luật, việc khoanh vùng bảo vệ di tích, bảo vệ di vật, cổ vật được áp dụng một cách triệt để, nghiêm ngặt tại các di tích đã được xếp hạng, nhằm giữ gìn hiện trạng, bảo vệ diện tích cho các di tích chống được sự xâm lấn trái phép do con người gây ra và bảo vệ được tài sản của mỗi di tích.

Trong bối cảnh phát triển như hiện nay, đứng trước nguy cơ nhiều DTLSVH trong Quần thể danh thắng Tràng An bị lấn chiếm đất bất hợp pháp bởi một số bộ phận người dân hay tổ chức, doanh nghiệp, kèm theo đó là tình trạng trùng tu, tôn tạo di tích làm sai lệch tính nguyên gốc hay phá vỡ cảnh quan của di tích hơn bao giờ hết, công tác quản lý nhà nước đối với DTLSVH trong quần thể này cần được quan tâm, chú trọng hơn bao giờ hết.

- Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DTLSVH Phật giáo

Nhiều di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình được xếp hạng di tích cấp quốc gia - quốc gia đặc biệt, do đó vấn đề quản lý di tích cần áp dụng những điều khoản, chế độ quản lý nhà nước về di sản văn hoá như những quy định trong điều 54, mục 1, chương V của *Luật Di sản văn hóa* về việc phân cấp quản lý, cụ thể là 03 ngôi chùa Bái Đính (cổ), chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động. Việc thiết lập các tổ chức, bộ máy quản lý đạt hiệu quả cao nhất, từ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Ninh Bình, trong đó trực tiếp là Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An, Ban QLDT trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình, với chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh trong công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy các giá trị di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An.

Công tác quản lý nhà nước về di tích đã được phân cấp hợp lý từ cao đến thấp, các cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá cần có sự quản lý liên ngành với các cơ quan ban ngành khác ở mỗi địa phương đã tạo nên một cơ chế hoạt động phù hợp trong việc theo dõi di tích, để kịp thời sửa chữa, nâng cấp và quản lý các mặt hoạt động văn hoá tại cơ sở. Đối với công tác tuyên truyền về giá trị của di tích cần được thực hiện trên nhiều phương tiện truyền thông khác nhau: báo chí, truyền hình, mạng xã hội... Để cộng đồng nhân dân sở tại và khách du lịch được biết thêm nhiều thông tin hơn về di tích, quần thể danh thắng. Các cơ quan báo chí, truyền thông đã góp phần không nhỏ trong khâu tuyên truyền, giới thiệu với đông đảo công chúng về các giá trị văn hóa của những di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An, những nét độc đáo trong nghệ thuật điêu khắc trên kiến trúc tại các di tích hiện tồn cũng như cảnh quan sơn thủy hữu tình, tất cả đã hòa quyện tạo nên nét độc đáo cho quần thể danh thắng này.

Tuyên truyền và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như các chương trình truyền hình về danh thắng Tràng An, các phim tài liệu về các chùa Bái Đính (cổ), chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động gắn liền với các truyền thuyết lịch sử, hoặc sử dụng mạng xã hội để tuyên truyền thông qua video ngắn, hình ảnh, bài viết, livestream...

Tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội là hình thức quảng bá hiệu quả, các lễ hội truyền thống như lễ cầu an, lễ Phật Đản... không chỉ là dịp để cộng đồng Phật tử thể hiện lòng thành kính mà còn là một cơ hội để giới thiệu và bảo tồn các di tích Phật giáo. Ngoài ra, Ban QLDT danh thắng và UBND tỉnh Ninh Bình cần lên kế hoạch và xây dựng những chương trình hội thảo, hợp tác quốc tế mang tầm nhìn, định hướng cơ bản trong việc bảo vệ, quản lý di sản; giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

- Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa

Có thể nhận thấy, việc tư liệu hóa lại các di văn trong các di vật, cổ vật tại một số di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An như: Ghi chép, lược dịch về nội dung các bài minh văn trên cột thạch kinh, văn bia, chuông, hoành phi, câu đối là việc làm rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Công việc này giúp hậu thế hiểu rõ hơn về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng tại vùng đất Ninh Bình xa xưa. Đó là những tư liệu thành văn vô cùng quý giá để lại cho hậu thế, vừa là minh chứng chân thực nhất về quá trình hình thành và tồn tại của các di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An trong suốt tiến trình lịch sử. Chính vì thế, cần phải có nhiều hoạt động nghiệp vụ nhằm phục hồi và bảo vệ các công trình kiến trúc và cá di vật liên quan đến Phật giáo tại các DTLSVH. Các hoạt động này có thể kể đến bao gồm bảo tồn vật thể, bảo tồn phi vật thể, nghiên cứu và giáo dục, phát triển du lịch văn hóa và xây dựng cơ chế quản lý hiệu quả.

Bảo tồn văn hóa vật thể: Đây là hoạt động cơ bản nhưng quan trọng nhất trong bảo vệ DTLSVH Phật giáo. Trong hoạt động này, việc đầu tiên cần làm là tiến hành khảo sát, đánh giá tình trạng các di tích, cụ thể ở đây là 03 ngôi chùa đã được xếp hạng là Bái Đính (cổ), Nhất Trụ và Bích Động, sau đó mới đến phục hồi, bảo trì di tích và môi trường xung quanh.

Bảo tồn văn hóa phi vật thể: Hoạt động này bao gồm việc duy trì và phát huy giá trị văn hóa, lễ hội, nghi thức truyền thống liên quan đến di tích, cụ thể ở đây là bảo tồn lễ hội, nghi lễ Phật giáo; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là các Tăng ni, Phật tử, cộng đồng liên quan và lưu trữ, bảo vệ các tài liệu lịch sử như sách vở, các văn bản cổ...

Nghiên cứu và giáo dục: Đây là điều kiện cần thiết để hiểu rõ giá trị của di tích và có các phương pháp bảo tồn thích hợp. Không chỉ có nghiên cứu, hoạt động này còn có cả giáo dục nhằm giúp cộng đồng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ di sản Phật giáo thông qua các khóa học, các buổi

thuyết trình, các hoạt động tham quan di tích...

Phát triển du lịch văn hóa: DTLSVH Phật giáo không chỉ là nơi thờ phụng mà còn là điểm du lịch thu hút khách thập phương. Phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn di tích Phật giáo có thể tạo ra nguồn thu nhập để đóng góp kinh phí cho công tác bảo tồn, tôn tạo, tu bổ di tích, đồng thời giúp nâng cao nhận thức về giá trị di sản văn hóa Phật giáo.

Xây dựng chính sách và cơ chế quản lý: Các cơ quan Nhà nước và các bên liên quan cần phối hợp rất chặt chẽ để triển khai các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của DTLSVH, cụ thể là xây dựng chính sách bảo tồn di tích, hợp tác với các tổ chức quốc tế,... Những di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An chứa đựng những giá trị kiến trúc, văn hóa tiêu biểu trải qua nhiều thời kỳ trong lịch sử Việt Nam. Việc nghiên cứu toàn diện về quần thể di tích này sẽ giúp cho việc quảng bá hình ảnh, giá trị đặc sắc của di tích đến với công chúng rộng rãi hơn, qua đó bảo tồn và phát huy được giá trị di tích trong thời đại hiện nay.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH

Trên cơ sở nguồn ngân sách của tỉnh, các chương trình, dự án được cấp nguồn từ Trung Ương, UBND tỉnh đã đầu tư trọng điểm cho các dự án lớn để thực hiện Quy hoạch bảo tồn di tích gắn với phát triển du lịch, trong đó có Quần thể danh thắng Tràng An, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, hầu hết các di tích được triển khai tôn tạo, chống xuống cấp mang tính xã hội hóa cao.

- Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Trong số hơn 1.000 di sản thế giới, chỉ có hơn 30 di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên của thế giới và Tràng An của Việt Nam là di sản hỗn hợp duy nhất ở Đông Nam Á. Việc tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp tục nghiên cứu giá trị toàn cầu của di sản này trong thời gian qua đã được Chính phủ Việt Nam và

tỉnh Ninh Bình quan tâm và chỉ đạo sát sao nhằm thực hiện những cam kết với UNESCO. Giai đoạn 2023-2025, UBND tỉnh đã triển khai *Đề án nghiên cứu về Lượng giá giá trị kinh tế Quần thể danh thắng Tràng An* với sự hỗ trợ kỹ thuật của UNESCO, Đại học Quốc gia Hà Nội và các đối tác nghiên cứu quốc tế. Sau 2 năm triển khai, Đề án đã thu được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nhận diện, đánh giá giá trị kinh tế - thương hiệu Di sản Tràng An. Từ đó cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản một cách bền vững; tăng cường nhận thức và trách nhiệm cộng đồng, đưa ra các định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Việc liên hệ với Trung tâm Di sản Thế giới tại Pari, Cộng hòa Pháp, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội và các chuyên gia phụ trách Di sản thế giới tại khu vực châu Á, Thái Bình Dương được các cơ quan quản lý duy trì thường xuyên để nắm bắt các định hướng, chiến lược quản lý, bảo tồn Di sản nói chung và tham vấn công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng.

BQL Quần thể Danh thắng Tràng An cũng phối hợp với nhiều nhà khoa học nước ngoài, các chuyên gia của Cục Di sản Văn hóa, thành viên của Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia để thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý Di sản và các giải pháp thực hiện các yêu cầu, khuyến nghị của Ủy ban Di sản Thế giới; Tham gia đầy đủ các kỳ họp thường niên của ủy ban Di sản Thế giới để nắm bắt chủ trương, định hướng, quy định, yêu cầu quản lý, bảo tồn di sản, kinh nghiệm quản lý các khu di sản trên thế giới, các yêu cầu, khuyến nghị đối với Quần thể danh thắng Tràng An và thực hiện tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản...

UBND tỉnh chủ trì tổ chức nhiều hội thảo quan trọng: Hội thảo quốc gia *Du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững* năm 2013, Hội thảo quốc tế về *Di sản thế giới và phát triển bền vững*; Hội nghị tham vấn quốc tế về *Kế hoạch quản lý Di sản*; Hội nghị *Đánh giá công tác quản lý, bảo tồn Quần thể danh thắng Tràng An sau hai năm được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới*; Hội

thảo quốc tế về *Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Quần thể danh thắng Tràng An* năm 2017; Hội thảo khoa học *Bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An gắn với phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình* năm 2018; Hội thảo quốc tế *Lượng hóa giá trị Quần thể danh thắng Tràng An và phát triển thương hiệu của điểm đến di sản thế giới* do Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường tổ chức tại chùa Bái Đính, Gia Viễn, Ninh Bình (tháng 3/2025)... Có thể thấy, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong thời gian qua đã góp phần quan trọng làm sáng tỏ hơn những giá trị thiên nhiên và văn hóa nổi bật di sản, đồng thời góp phần tích cực vào việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản kép - Quần thể danh thắng Tràng An.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác quản lý DTLSVH Phật giáo

Công tác thanh tra, kiểm tra các vấn đề liên quan đến việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH được Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An thường xuyên phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình thực hiện thường niên và theo đúng trình tự; luôn theo dõi và tiếp nhận những thông tin phản ánh từ quần chúng nhân dân về những vi phạm liên quan đến công tác quản lý di tích Quần thể danh thắng Tràng An để kịp thời có những phương án, biện pháp giải quyết kịp thời hoặc kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền giải quyết, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Phần lớn các di tích của Quần thể danh thắng Tràng An nằm trên địa bàn huyện Hoa Lư (thuộc 42 thôn của 9 xã: Ninh Hải, Ninh Xuân, Ninh Thắng, Ninh Vân, Ninh Hòa, Ninh Mỹ, Ninh Giang, Trường Yên, Ninh An), trong đó: Xã Trường Yên có 16 thôn, chủ yếu các thôn này đều nằm trong vùng lõi của di tích; xã Ninh Hòa có 7 thôn. Đây là những khu vực đan xen với di tích, việc nghiêm cấm và hạn chế xây dựng những công trình mới với quy mô đồ sộ, cần kiểm soát đặc biệt nghiêm ngặt. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về di tích trong Quần thể danh thắng

Tràng An, Ban QLDT đã không ngừng tăng cường công tác tuần tra, giám sát, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý di tích, tích cực vận động, thuyết phục các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân thực hiện đúng các quy định về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên địa bàn.

Đặc thù của Phật giáo ở Tràng An có những điểm khác so với các vùng Phật giáo như Bái Đính, Tam Chúc... do các di sản Phật giáo thuộc Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO công nhận là Di sản kép Thiên nhiên và văn hóa thế giới duy nhất của Việt Nam (2014), công tác quản lý các di sản Phật giáo ở Tràng An vừa phải tuân thủ các quy định của Luật Di sản văn hóa, Quyết định số 230/QĐ-TTg ngày 4/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Quần thể danh thắng Tràng An tỉnh Ninh Bình; Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ về quy định quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; vừa phải thực hiện nghiêm các khuyến nghị của Ủy ban Di sản thế giới. Để làm tốt công tác quản lý di sản Phật giáo ở Tràng An, cần có những cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

1.3. Khái quát về các di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An

1.3.1. Khái quát về Quần thể danh thắng Tràng An

Năm 2014, Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới. Đây là một sự tôn vinh và ghi danh xứng đáng bởi những vẻ đẹp và giá trị trên nhiều lĩnh vực của Quần thể danh thắng Tràng An. Nằm cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 100km về phía Nam và cách thành phố Ninh Bình khoảng 7km theo hướng Tây dọc đại lộ Tràng An, quần thể này được tạo nên bởi các dãy núi đá vôi bậc đầu cùng thời gian, các hang động kỳ ảo được tạo nên từ bàn tay của mẹ thiên nhiên, những con sông uốn khúc chảy quanh các dãy núi tạo nên một phong cảnh sơn

thủy hữu tình cùng nhiều DTLSVH bao gồm đền thờ, chùa thuộc địa bàn của các huyện Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, thị xã Tam Điệp và thành phố Ninh Bình đã tạo nên một danh thắng Tràng An mang một vẻ đẹp cổ kính, nên thơ giữa đất trời.

Quần thể danh thắng Tràng An là sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên hùng vĩ và các DTLSVH, tạo nên một vẻ đẹp đặc sắc của vùng đất Cố đô. Tràng An nổi tiếng với các địa điểm như quần thể hang động, Tam Cốc - Bích Động, rừng nguyên sinh Hoa Lư, Thung Nham, Động Thiên Hà, và Hang Múa. Với vẻ đẹp cổ kính và hùng vĩ, Tràng An đã thu hút nhiều đoàn làm phim quốc tế, đặc biệt là bộ phim Hollywood *Kong: Skull Island*, góp phần quảng bá du lịch. Quần thể này chứa đựng nhiều lớp văn hóa, phản ánh sự thích ứng của con người với thay đổi môi trường qua lịch sử. Tràng An cũng là nơi Đinh Bộ Lĩnh xây dựng kinh đô Hoa Lư, đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử Việt Nam, là minh chứng cho sự hình thành nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên.

Quần thể danh thắng Tràng An không chỉ nổi bật với cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, hệ thống núi đá vôi, hang động tuyệt đẹp và rừng nguyên sinh đa dạng, mà còn là nơi lưu giữ các DTLSVH đặc sắc. Sự đan xen giữa những giá trị văn hóa và cảnh quan thiên nhiên tuyệt tác đã tạo nên một Tràng An thơ mộng, cổ kính, mang vẻ đẹp độc đáo mà ít nơi nào trên thế giới có được. Sau khi trở thành kinh đô của nước Đại Cồ Việt (968-1010), Hoa Lư dần phát triển thành một trung tâm Phật giáo quan trọng. Theo các thư tịch cổ và dấu tích còn lại, vào thế kỷ X, dưới thời Đinh - Tiền Lê, nhiều chùa tháp đã được xây dựng như: chùa Bà Ngô, Cổ Am, Duyên Ninh, Am Tiên, Nhất Trụ, Đẩu Long, chùa - động Thiên Tôn, Hoa Sơn... Vua Đinh Tiên Hoàng là người đầu tiên đặt chức Tăng thống trong hệ thống tổ chức Phật giáo Việt Nam. Quốc sư đầu tiên được phong là Khuông Việt (Ngô Chân Lưu). Phật giáo thời kỳ này được triều đình đặc biệt quan tâm và nhanh chóng trở thành tôn giáo có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Với đặc trưng địa chất và địa hình núi đá vôi, nhiều ngôi chùa ở Hoa Lư được xây dựng trong các hang động, tạo nên khung cảnh huyền ảo như tiên cảnh. Một số

di tích tiêu biểu như: chùa Bái Đính cổ, chùa - động Bích Động, chùa Hoa Sơn, chùa - động Thiên Tôn, chùa - động Địch Lộng, chùa Linh Cốc...

1.3.2. Khái quát về chùa Bái Đính (cổ), chùa Bích Động và chùa Nhất Trụ

* *Chùa Bái Đính (cổ)*: thuộc làng Bái Đính, xã Gia Sinh (xưa kia là xã Phúc Lai, huyện Gia Viễn, nay thuộc phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Người dân xưa lấy luôn tên làng để đặt tên cho ngôi chùa, đây cũng là cách đặt tên khá phổ biến cho nhiều ngôi chùa làng vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Tương truyền, chùa Bái Đính (cổ) được xây dựng từ thời Lý (1136), chùa được gắn liền với nhiều giai thoại về Thiền sư danh tiếng của nước Nam - Nguyễn Minh Không, ngài chính là người đã đặt nền móng, xây dựng tượng Phật và khai mở miền đất Phật ở nơi đây. Ngoài ra, chùa còn có các hạng mục công trình: Giếng Ngọc, động thờ Tổ sư, động thờ Phật, động thờ Mẫu, ban thờ đức Thánh Cao Sơn... Cũng theo truyền thuyết, từ thời vua Đinh Tiên Hoàng thì chùa Bái Đính (cổ) từng là địa điểm để nhà vua lập đàn tế cầu mong cho mưa thuận gió hòa. Sau này, đến triều đại Tây Sơn, vua Quang Trung cũng chọn nơi này làm nơi tế cờ động viên quân sĩ trước khi ra Thăng Long đại phá quân Thanh.

Chùa Bái Đính (cổ) là một khu di tích có không gian thờ tự theo kiến trúc “tiền Phật, hậu Thánh”, với sự đa dạng về nhân vật phụng thờ, bản tự đã dựa vào sự kiến tạo của thiên nhiên tại các khu vực trong hang động, mà sắp xếp thành ba không gian thờ tự riêng biệt: 1/Khu vực “hang sáng” được chọn là nơi thờ Phật, đây là khu vực trước cửa hang động; 2/ Khu vực phía bên phải của “hang sáng” là nơi thờ đức Thánh Cao Sơn và Thiền sư Nguyễn Minh Không ; 3/ Khu vực phía bên trái của “hang sáng” gọi là “hang tối” là nơi đặt ban thờ Mẫu. Chùa Bái Đính (cổ) mang một vẻ đẹp hài hòa giữa bởi bàn tay nhân tạo dựa trên vẻ đẹp hùng thiêng có sẵn của tạo hóa. Chùa không có những mái chùa cong vút, những trụ cột to lớn, đồ sộ hay thượng điện nguy nga lộng lẫy mà được tạo dựng bởi tự nhiên theo lối kiến trúc chùa động khá phổ biến ở Ninh Bình.

Hiện nay, các hiện vật trong di tích không có nhiều do không gian hang động chật và hẹp nên ở chùa còn lưu giữ một số di vật có giá trị về văn hóa, lịch sử như: Tám bia niên hiệu Thành Thái thứ 12 (1900), đạo sắc phong niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), Tượng thần Cao Sơn Đại Vương và 22 pho tượng Phật. Trong tâm thức của cộng đồng cư dân, từ xa xưa, lễ hội là những hoạt động không thể thiếu được trong quá trình lao động sản xuất. Mừng 6 Tết âm lịch là ngày khai hội chùa Bái Đính (cổ), lễ hội được tổ chức kéo dài đến hết tháng 3 âm lịch. Trong phần nghi thức, nghi lễ của lễ hội bao gồm: Lễ rước kiệu (các vị sư trong chùa sẽ rước bài vị thờ Thần Cao Sơn Đại Vương, Thiền sư Nguyễn Minh Không và Mẫu Thượng Ngàn từ khu chùa cổ ra khu chùa mới), dâng hương tại ban thờ Phật và Đức Thánh (tưởng nhớ công đức của Thiền sư Nguyễn Minh Không), lễ tế Thần Cao Sơn và Mẫu Thượng Ngàn.

Chùa Bái Đính (cổ) dường như vẫn giữ nguyên được sự linh thiêng và tĩnh lặng của mình. Đây là minh chứng cho sự bền bỉ của kiến trúc Phật giáo theo thời gian. Trải qua gần 1000 năm lịch sử, chùa Bái Đính (cổ) ghi dấu những chứng tích văn hóa, lịch sử không chỉ của Phật giáo Việt Nam mà còn nhiều biến cố của cách mạng với nhiều sự kiện lớn. Khác với sự uy nghi, tráng lệ của khu chùa mới, chùa Bái Đính (cổ) lại trầm mặc, tĩnh lặng và linh thiêng ẩn khuất giữa non ngàn. Các lối đi trong chùa vẫn còn là những lối mòn được lát đá giữa non xanh, đất trời... Với vẻ thâm nghiêm, trầm mặc, ngôi chùa Bái Đính (cổ) như hòa mình vào cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ của đất Cố đô, tạo nên sự tổng hòa trong hệ thống các DTLSVH Phật giáo của Quần thể danh thắng Tràng An.

* *Chùa Bích Động* nằm ở phía Tây Bắc làng Đạm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, nay thuộc phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Theo một số dấu vết còn sót lại trên cổ vật được lưu giữ tại chùa, đặc biệt là hoa văn trang trí được chạm khắc trên tám bia đá đặt trên hang núi chùa Bích Động, các nhà nghiên cứu cho rằng, niên đại khởi dựng ngôi chùa vào thời Lê Trung Hưng. Kiến trúc ngôi chùa mang đậm phong cách chùa - động (chủ yếu dựa vào thế núi và hang động

tự nhiên để lập chùa). Toàn bộ di tích nằm trong thế “tay ngai” của dãy núi Ngũ Nhạc, gồm có 5 ngọn núi đứng sát nhau tạo thành hình vòng cung lớn, trông xa tựa như một cỗ ngai khổng lồ. Phía trước chùa là hồ nước trong xanh và cánh đồng lúa xanh mát với xa xa là những dãy núi trùng điệp, nhấp nhô tạo nên cảnh đẹp thật kỳ vĩ, đầy linh thiêng giữa non xanh, hữu tình.

Khi mới tạo dựng, chùa chỉ có kiến trúc với một khu thờ tự gọi là chùa Hạ, nằm trong không gian tĩnh mịch, u linh của rừng cây xanh ngát. Sau này chùa được mở rộng lên khu vực phía trên núi với hai không gian thờ tự được gọi là chùa Trung và chùa Thượng.

Chùa Bích Động có bố cục mặt bằng kiến trúc như sau:

Chùa Hạ: Phía trước chùa Hạ là khoảng sân rộng và vườn cây cảnh. Hai bên sân là hai dãy nhà trai quay ra hướng Đông – Tây đối diện với nhau. Về kết cấu, mỗi dãy nhà trai gồm 7 gian được làm theo lối tường hồi bít đốc, các cột ở hiên làm bằng chất liệu đá. Đây là không gian dùng để tiếp khách và là nơi ở, sinh hoạt của các vị sư.

Chùa Trung: Từ chùa Hạ, leo qua 85 bậc đá sẽ tới chùa Trung. Chùa Trung quay theo hướng Tây Bắc, bình đồ kiến trúc được làm theo kiểu chữ Đinh, phía trước chùa có một khoảng sân hẹp, có tường bao quanh. Tòa Tiền đường và Thượng điện được lợp bằng ngói nam, ở chùa Trung những đơn nguyên kiến trúc đã triệt để lợi dụng vào hang đá, lấy hang đá làm mái che, tòa Tiền đường chỉ là phần mái nhô ra phía trước vòm hang, được làm theo kiểu hai tầng tám mái với những tàu đao, lá mái cong vút, trên các tàu đao có đắp nổi họa tiết lá lật cách điệu. Hệ thống chân cột chính được làm bằng đá xanh, xen kẽ với các cột phụ làm bằng gỗ lim chắc khỏe, tạo nên một kết cấu khung vững chắc đỡ hệ mái của công trình. Phần Thượng điện nằm trọn trong hang. Phía trên tòa Tiền đường ở vách hang có chạm khắc 2 chữ Hán: “Bích Động” rất lớn khuôn chữ có đường kính 1,5m. Bên phải chạm khắc dòng lạc khoản bằng chữ Hán với nội dung: “Nguyễn Nghiễm phụng đề”, và bên trái chạm khắc dòng chữ: “Nhật Nam nguyên chủ đặc bút”.

Tòa Thượng điện gồm làm 3 gian được làm theo kiểu chồng rường giá chiêng, mái lợp ngói nam, tường được xây bằng đá khối. Toàn bộ hệ mái được đỡ bằng hệ thống 4 hàng cột trụ chắc khỏe bằng gỗ lim có đường kính là 25cm.

Chùa Thượng: Từ chùa Trung, sau khi leo tiếp 20 bậc đá là tới chùa Thượng. Chùa được xây theo hướng chính Đông với bình đồ kiến trúc hình chữ Nhất. Về trang trí kiến trúc của hệ mái, trên các bờ nóc, đầu đao đều đắp hình rồng châu, lá lật cách điệu.

Cấu trúc vì kèo được làm theo kiểu giá chiêng, đỡ lấy giá chiêng và phần mái là hệ thống hai hàng chân cột (có 4 cột chính bằng đá xanh, hình vuông, mỗi cạnh khoảng 20cm). Hệ thống tường bao đều được xây bằng đá khối, kích thước trung bình khoảng 60cmx40cmx20cm. Sát vách núi, phía sau chùa Thượng có một đơn nguyên kiến trúc đó là một lầu nhỏ cũng xây bằng đá khối. Bốn mái của lầu lợp ngói nam, các bờ nóc, đầu đao đắp hình lá lật cách điệu. Chính giữa lầu có chạm khắc 3 chữ Hán: “Ngũ Nhạc Sơn”.

* *Chùa Nhất Trụ* (còn gọi là chùa Một Cột) là một trong những ngôi chùa cổ có giá trị lịch sử và văn hóa đặc biệt tại vùng đất cổ đô Hoa Lư. Ngôi chùa tọa lạc tại thôn Yên Thành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, nay thuộc Khu Di tích Cổ đô Hoa Lư, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Tương truyền, chùa Nhất Trụ được xây dựng từ thế kỷ X dưới thời vua Lê Đại Hành (980-1005), hiện còn lưu giữ được nhiều cổ vật gắn với lịch sử hình thành kinh đô Hoa Lư, nổi bật nhất là cây cột kinh bằng đá trước sân chùa có niên đại khởi dựng khoảng năm 995. Đây là minh chứng quan trọng cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam dưới triều đại nhà Tiền Lê. Việc cho xây dựng ngôi chùa này được cho là một phần trong chính sách mở mang, củng cố và truyền bá Phật giáo, biến Hoa Lư trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng bậc nhất thời bấy giờ. Nhà Tiền Lê là một trong những triều đại đầu tiên đặt nền móng cho sự kết hợp giữa chính quyền quân chủ và Phật giáo, coi đây là công cụ để cố kết lòng dân và phát triển đời sống tinh thần.

Với giá trị lịch sử, kiến trúc và tâm linh to lớn, chùa Nhất Trụ không chỉ là di tích quan trọng trong quần thể di sản cổ đô Hoa Lư mà còn là một biểu tượng của sự giao thoa giữa Phật giáo và chế độ quân chủ trong giai đoạn đầu lập quốc. Ngôi chùa cùng với cột kinh đá cổ chính là minh chứng sinh động cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ X và tiếp tục là điểm đến linh thiêng cho những ai muốn tìm hiểu về văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo của dân tộc.

Chùa Nhất Trụ có mặt bằng kiến trúc hình chữ “Đinh”, gồm: Tòa Tiền đường và tòa Thượng điện. Tòa Tiền đường gồm 5 gian, mái lợp bằng ngói ta. Bốn góc đao cong vút, đầu đao tạo hình dải mây hình móc, hình xoắn ốc. Bờ nóc được xây gạch, trát vữa tạo thành đường thẳng. Bên cạnh đó, ở hai đầu kìm đắp hình lá lật cách điệu thành hình dải mây cuộn lại, trông mềm mại và tinh xảo mang đậm phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Nhìn tổng thể mái của Tiền đường giống như một con thuyền thoi có mũi lái cong đang bập bênh trên sông nước. Nhờ có hiện tượng góc đao cong thuộc lĩnh vực kiến trúc đã như giải tỏa sự nặng nề của phần mái, làm cho công trình kiến trúc như đang bay lên, khiến cho ngôi chùa nhẹ nhàng hơn, uyển chuyển và gần gũi với đời sống thường nhật hơn. Tòa Thượng điện gồm 3 gian dạng chuôi vồ, nối liền với tòa Tiền đường bằng các kẻ góc. Trong chùa có nhà thờ Tổ, nơi thờ các vị sư Tổ trụ trì có công truyền bá tư tưởng Phật giáo. Ngoài ra, chùa còn một số đơn nguyên kiến trúc khác như: nhà che cột kinh, nhà khách, tháp Phật... Tương truyền, chùa có tên Nhất Trụ là do trước chùa có một cột đá cao hơn 3m, tiết diện hình bát giác, trên mỗi mặt khắc bài thần chú trong Kinh Lăng Nghiêm và một số bài kệ.

Cột kinh chùa Nhất Trụ được làm bằng đá xanh, bao gồm ba phần: đỉnh, thân, đế. Phần đỉnh của cột kinh có tạo tác và chạm khắc hình hoa sen, bên dưới bệ đỡ được tạo tác theo kiểu đài sen xòe ra đỡ lấy bông hoa rất cân đối, mềm mại. Phần thân trụ đá có hình bát giác, có chiều dài 140cm, trên các mặt có khắc chữ Hán. Phần đế của cột kinh được tạo tác hình tròn theo kiểu thót đáy.

Cột kinh được đặt trên một chân tảng hình vuông, trên thân tảng có chạm khắc hình cánh sen.

Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ là hiện vật độc đáo do vua Lê Đại Hành cho dựng trong khuôn viên chùa Nhất Trụ, mang một ý nghĩa, giá trị vô cùng to lớn bởi các mặt: văn hóa, lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc đá... Với cách chế tác độc đáo, họa tiết trang trí tinh tế, cho thấy nghệ thuật chạm khắc đá thời kỳ này đã đạt đến đỉnh cao. Cột kinh Phật này còn mang giá trị to lớn về lịch sử và văn hóa, là tư liệu vật chất minh chứng cho sự thịnh trị của đạo Phật ở Việt Nam thế kỷ X, thế kỷ bắt đầu giành quyền tự chủ, độc lập.

Có thể khẳng định rằng: Cột kinh Phật tại chùa Nhất Trụ là một hiện vật độc bản (đến thời điểm hiện tại), mang nhiều giá trị độc đáo về loại hình, hình thức tạo tác, kích thước, cả về ý nghĩa nội dung ngợi ca đức hạnh và tài năng của Đức Phật, cầu mong cho quốc thái dân an, triều đình vững mạnh, giác ngộ chúng sinh. Ngày rằm tháng giêng âm lịch hàng năm, chùa Nhất Trụ vẫn duy trì lễ khao tổng thuyền rồng, lễ Phật cầu nguyện cho quốc thái dân an. Vào ngày Phật đản (8 tháng 4 âm lịch) hàng năm, chùa làm lễ vào hạ cầu mưa thuận gió, mùa màng bội thu. Từ đó, cho chúng ta hình dung ra được đời sống văn hóa tâm linh và tín ngưỡng theo Phật giáo của người Việt đã hình thành và phát triển rộng rãi dưới triều đại Tiền Lê và kéo dài cho đến ngày nay. Đây là hiện vật, tài liệu vô cùng quý giá không chỉ của riêng Phật giáo mà còn là minh chứng cho một thời đại trong lịch sử dân tộc ta. Với những giá trị to lớn đó, tháng 12/2015, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định ghi danh cột kinh chùa Nhất Trụ là bảo vật quốc gia.

Tiểu kết

Từ khi Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới vào năm 2014, công tác quản lý di sản văn hóa tại Ninh Bình nói chung và các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể Danh thắng Tràng An nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Những mô hình quản lý bước đầu được định hình và dần đi vào ổn định, đóng

góp tích cực vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An. Do đó, trong chương 1, NCS đã tập trung vào 03 nhóm vấn đề mang tính lý luận: 1) Tổng quan tình hình nghiên cứu; 2) Cơ sở lý luận; 3) Khái quát về các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An.

Luận án đã hệ thống hóa, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về DTLSVH nói chung và DTLSVH Phật giáo nói riêng, đồng thời làm rõ khái niệm quản lý, nội hàm của thuật ngữ "DTLSVH Phật giáo" tại Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình. Vai trò, nội dung quản lý di sản cũng đã được NCS phân tích và luận giải kỹ lưỡng, giúp đặt nền tảng cho các định hướng quản lý phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An bao gồm: Chùa Bái Đính (cổ), Chùa Nhất Trụ và Chùa Bích Động, không chỉ mang ý nghĩa to lớn về mặt lịch sử và tôn giáo, mà còn là những minh chứng sống động cho sự phát triển của văn hóa Phật giáo qua nhiều giai đoạn lịch sử. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích này không chỉ góp phần gìn giữ di sản cho thế hệ mai sau mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội trong bối cảnh hiện đại. Kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến đề tài luận án và cơ sở lý thuyết các bên liên quan là những nền tảng quan trọng để NCS xác định được các bên liên quan tham gia phối hợp trong hoạt động quản lý DTLSVH, từ đó triển khai nghiên cứu thực trạng phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An ở chương 2 của luận án.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN, TỈNH NINH BÌNH

2.1. Chủ thể quản lý và vấn đề phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích

2.1.1. Chủ thể quản lý di tích

2.1.1.1. Chủ thể quản lý Nhà nước

Chủ thể quản lý nhà nước về DTLSVH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao gồm: Chính phủ; Bộ VHTTDL; UBND tỉnh Ninh Bình - Sở Văn hóa & Thể thao, Sở Du lịch; UBND cấp huyện và cấp xã nơi có di tích¹⁴. Cụ thể:

* Chính phủ

Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về di tích¹⁵.

* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về Di sản thế giới [21]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý, bảo tồn và phát triển Quần thể danh thắng Tràng An, di sản thế giới được UNESCO công nhận. Bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai các biện pháp bảo vệ, gìn giữ giá trị văn hóa và thiên nhiên của khu di sản, đồng thời phát triển du lịch bền vững tại đây. Các hoạt động quảng bá, nâng cao chất lượng dịch vụ và quản lý du khách được chú trọng để đảm bảo không làm ảnh

¹⁴ Hiện nay, sau ngày 1.7.2025, theo Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/04/2025 về việc Phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, việc quản lý văn hóa hay quản lý di sản văn hóa tại các tỉnh/thành phố được phân thành 2 cấp: Cấp tỉnh: Sở Văn hóa và Thể thao; Cấp xã: Phòng Văn hóa – Xã hội. Do luận án nghiên cứu trước thời điểm trên, nên trong các luận điểm vẫn sử dụng kết quả nghiên cứu của giai đoạn trước những sẽ cập nhật thêm tên xã/phường và địa giới hành chính có liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài.

¹⁵ Quyết định xếp hạng và điều chỉnh khu vực bảo vệ đối với di tích quốc gia đặc biệt; Phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn.

hưởng đến cảnh quan và di sản. Bộ cũng thúc đẩy hợp tác quốc tế và trong nước, phối hợp với UNESCO và các tổ chức liên quan để bảo vệ, phát huy giá trị của Tràng An. Ngoài ra, Bộ VHTTDL còn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý trong các hoạt động liên quan đến khu di sản, cũng như tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của Tràng An. Thông qua những hoạt động này, Bộ VHTTDL góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ và phát triển lâu dài Quần thể danh thắng Tràng An.

*** UBND tỉnh Ninh Bình**

Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó có tỉnh Ninh Bình¹⁶ và có những quy định cụ thể là đối với Quần thể danh thắng Tràng An¹⁷. Trực tiếp quản lý Quần thể danh thắng Tràng An gồm có Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình và Sở Du lịch Ninh Bình¹⁸.

¹⁶ Điều 20 của Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017.

¹⁷ 1. Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới trong phạm vi địa phương. 2. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới; xây dựng, phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Nghị định này. 3. Tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới, quy chế bảo vệ di sản thế giới theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bộ, ngành liên quan. 4. Tổ chức xây dựng hồ sơ điều chỉnh khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và đề nghị UNESCO. 5. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và quản lý di sản thế giới; ngăn chặn và xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại di sản thế giới trong việc thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội ở khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới. 6. Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả và tránh thất thoát; phân bổ nguồn thu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 17 cho các hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới. 7. Huy động các nguồn lực thực hiện dự án thành phần thuộc quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới. 8. Quyết định việc thành lập Quỹ bảo tồn di sản thế giới theo quy định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện nhằm thu hút tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định này. 9. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về di sản thế giới ở trung ương và địa phương khác trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản thế giới. 10. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những vướng mắc về chế độ, chính sách trong việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới. 11. Định kỳ quý I hằng năm, gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện của năm trước đó đối với quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới và đề xuất kế hoạch triển khai tiếp theo của việc thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và bộ, ngành liên quan. 12. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ tổ chức bảo vệ và quản lý di sản thế giới thuộc phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

¹⁸ Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình là cơ quan chuyên môn có vai trò quan trọng, có chức năng tham mưu, giúp UBND quản lý DSVH trên địa bàn tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình được quy định cụ thể tại Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh Ninh

**** Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An***

Ngày 08/7/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An trực thuộc Sở Du lịch, tỉnh Ninh Bình [70]¹⁹. Ban QLDT có chức năng tham mưu thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An theo quy định của pháp luật và yêu cầu, hướng dẫn, khuyến nghị của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO).

Nhiệm vụ và quyền hạn:

Giúp Giám đốc Sở Du lịch xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, Kế hoạch quản lý bảo tồn và phát huy Quần thể danh thắng Tràng An; xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện và quản lý các quy hoạch trong khu Quần thể danh thắng Tràng An và các chương trình, nhiệm vụ khác được giao trong khu di sản.

- Nghiên cứu và đề xuất việc xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch quản lý di sản; thống kê, dự báo các hoạt động liên quan đến khu di sản; lập dự án bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị di sản theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên với Trung tâm di sản thế giới UNESCO và các cơ quan tư vấn UNESCO về công tác quản lý, bảo tồn di sản; xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tham dự các kỳ họp thường niên của Ủy ban di sản thế giới và các hội nghị, hội thảo về quản lý và bảo tồn di sản do

Bình ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình; Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương, trong đó có Quần thể Danh thắng Tràng An, theo quy định của pháp luật [21].

¹⁹ Hiện nay, Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An có cơ cấu tổ chức bao gồm: Ban lãnh đạo gồm 1 giám đốc và 2 phó giám đốc. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Hợp tác, Đối ngoại; Phòng Nghiệp vụ, Nghiên cứu; Phòng Quản lý Môi trường và Cảnh quan. Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Du lịch, có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Du lịch Ninh Bình.

UNESCO tổ chức; thực hiện các yêu cầu, khuyến nghị và báo cáo công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản theo quyết định của UNESCO.

- Liên kết, hợp tác, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện cam kết với UNESCO và các nhiệm vụ khác nhằm tôn vinh, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa²⁰.

*** UBND huyện**

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH vật thể và DTLSVH phi vật thể trong phạm vi địa phương; tổ chức ngăn chặn, bảo vệ, xử lý vi phạm; đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xếp hạng; xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích [16].

Phòng VH&TT là cơ quan tham mưu cho UBND huyện trong lĩnh vực quản lý văn hóa nói chung và quản lý DSVH nói riêng, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn về chuyên môn của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình.

Trước 1/1/2025, Phòng VH&TT huyện Hoa Lư gồm 07 cán bộ, (01 trưởng phòng, 02 phó phòng, 04 chuyên viên), 100% trình độ đại học. Nhìn chung, cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý di tích của phòng VH&TT huyện Hoa Lư đã đạt chuẩn về trình độ đại học.

²⁰ Hợp tác với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước đầu tư, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ, khai quật khảo cổ học nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên trong khu di sản theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan thực hiện các chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án về bảo tồn, tôn tạo, quản lý và phát huy các giá trị của di sản; thực hiện công tác tu bổ, chống xuống cấp các DTLSVH và bảo vệ các di tích khảo cổ học quan trọng trong khu di sản; xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin, sưu tầm, tiếp nhận, lưu trữ, bảo quản tư liệu, hiện vật có liên quan đến di sản; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan mở rộng hợp tác đối ngoại để trao đổi kinh nghiệm quản lý di sản; tranh thủ sự trợ giúp của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước nhằm huy động, thu hút nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ theo quy định đối với công tác quản lý, bảo tồn khu di sản; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, thỏa thuận cấp phép đối với các dự án đầu tư, xây dựng (nhà ở, các cơ sở dịch vụ...), các dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến khu di sản (bao gồm cả vùng lõi và vùng đệm); Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh tại các khu, và điểm du lịch; kiểm tra, phát hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân về khai thác, quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của khu di sản; Thực hiện việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản một cách bền vững theo đúng các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Du lịch, bảo vệ môi trường, Công ước di sản thế giới và các quy định khác của pháp luật có liên quan; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và trưng bày, giới thiệu các giá trị nổi bật của di sản và các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thuộc khu di sản nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An; xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng địa phương đối với việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

*** UBND xã**

UBND xã chịu trách nhiệm chung về các vấn đề về chính quyền đối với các DTLSVH trên địa bàn trong đó có DTLSVH Phật giáo. Đặc biệt, UBND xã có trách nhiệm thành lập Ban QLDT cấp xã²¹.

*** Ban QLDT cấp xã**

Thành phần của Ban QLDT cấp xã bao gồm: Trưởng ban (Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) UBND cấp xã nơi có di tích); Các thành viên là cán bộ làm công tác văn hóa, đại diện các đoàn thể của xã, sư/ni trụ trì, thủ từ hoặc cá nhân là chủ sở hữu di tích, người hiểu biết về di tích.

Trên thực tế, các cán bộ Ban QLDT cấp xã thường là cán bộ của xã, số lượng tùy theo tình hình cụ thể từng địa phương. Ban QLDT xã thường do đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách văn hóa - xã hội làm Trưởng ban; Trưởng ban Văn hóa - Thông tin xã là Phó ban thường trực; các thành viên còn lại là đại diện (thường là trưởng) các bộ phận khác như Công an xã, Tư pháp, Địa chính, Mặt trận Tổ quốc, đại diện các đoàn thể như Đoàn thanh niên, hội Phụ nữ, hội Cựu chiến binh và các Trưởng thôn. Hàng năm, UBND xã đều củng cố và kiện toàn Ban QLDT nhằm bổ sung, điều chỉnh cơ cấu nhân sự cho phù hợp với địa phương mình.

Ban QLDT xã Trường Yên được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-UBND, ngày 25/12/2017 của UBND xã Trường Yên. Ban QLDT xã chịu sự chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của UBND xã và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn của Phòng VH&TT huyện Hoa Lư, và Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Ninh Bình. Ban QLDT xã được biên chế: 01 Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban; 01 kế toán; 01 thủ quỹ và 03 cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ quản lý văn hóa. Ban QLDT đã ban hành quy chế hoạt động trong đó có những quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban QLDT với nguyên tắc hoạt động như

²¹ Ban QLDT cấp xã sẽ quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại địa phương; thu nhận và bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện trên địa bàn; phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; kiến nghị việc xếp hạng di tích; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm theo thẩm quyền...

sau: được thành lập theo quyết định của chủ tịch UBND xã, hoạt động chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND xã thông qua Trưởng ban. Mọi hoạt động của Ban QLDT phải tuân thủ chủ trương của Đảng, Pháp luật Nhà nước, chấp hành *Luật Di sản văn hóa*. Ban QLDT hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, mọi việc đều được bàn bạc công khai và được quyết định với sự đồng ý của đa số các thành viên trong BQL [72].

*** Tiểu Ban QLDT**

Tiểu Ban QLDT không phải là cơ quan quản lý nhà nước về DTLSVH, mà thực chất là cánh tay nối dài của Ban QLDT xã, có nhiệm vụ giúp cho Ban QLDT xã trong việc trông coi, bảo quản di tích trên địa bàn thôn. Tùy tình hình từng địa phương, không phải xã/phường nào cũng thành lập các tiểu Ban QLDT. Địa phương có nhiều DTLSVH, cho nên cho nên có xã đều thành lập ở mỗi thôn một tiểu Ban QLDT.

Cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban QLDT là thống nhất, nhưng số lượng các thành viên ở mỗi tiểu ban là khác nhau. Cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban QLDT gồm: trưởng tiểu ban, phó tiểu ban, thủ từ, thủ quỹ, các ủy viên. Trong đó: Trưởng tiểu Ban QLDT là Trưởng thôn; Phó Ban thường là người trụ trì di tích, thủ từ, thủ quỹ, ủy viên là những người của hội Cựu chiến binh, hội người cao tuổi, hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên ở trong thôn.

Mặc dù chỉ là cơ quan giúp việc cho Ban QLDT cấp xã, nhưng tiểu Ban QLDT có vai trò rất quan trọng và trực tiếp trong việc bảo vệ, quản lý di tích, từ sinh hoạt tín ngưỡng, đến công tác quản lý trùng tu, tôn tạo, an ninh trật tự... Những thành viên trong tiểu Ban QLDT là những người thường xuyên trực tiếp bên di tích, có trách nhiệm trông nom, bảo vệ, giữ gìn di tích theo đúng quy định của *Luật Di sản văn hóa*, thực hiện hướng dẫn tham quan, công đức, đóng góp tu sửa, đèn nhang trong di tích theo đúng quy định các văn bản quy chế đã ban hành. Kiểm tra kịp thời, báo cáo về những mất mát, hư hỏng lên cấp trên, phối hợp với các cơ quan ngăn ngừa các hành vi phá hoại, mục đích cá nhân hành nghề sai trái ở di tích và trái với quy định của pháp luật Nhà

nước, như đánh bạc, hoạt động mê tín dị đoan trong mùa lễ hội,... Những thành viên trong tiểu Ban QLDT do người dân trong thôn bầu ra thông qua một cuộc họp dân trên cơ sở đề cử của UBND xã. Những chức danh như trưởng tiểu ban, phó tiểu ban thường tương ứng với chức vụ Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn. Sau khi được dân bầu thông qua biểu quyết, UBND ra văn bản quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức của tiểu ban. Nhiệm kỳ của Tiểu BQL di tích thôn là 2,5 năm, nghĩa là tương ứng với nhiệm kỳ của Trưởng thôn.

Theo tìm hiểu của NCS, cho đến nay, các thành viên trong Tiểu Ban QLDT không nhận bất cứ khoản thù lao nào trong suốt thời gian đương nhiệm. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng những thành viên trong tiểu Ban QLDT được người dân địa phương đánh giá họ là những người tâm huyết, có uy tín, có trách nhiệm trong công tác bảo vệ di tích.

2.1.1.2. Giáo hội Phật giáo, đại diện là sư, ni trụ trì

Với tư cách là một thành viên trong nhóm chủ thể quản lý các di sản văn hóa Phật giáo, Giáo hội Phật giáo đóng vai trò quan trọng, trong đó chủ yếu thông qua các vị sư, ni trụ trì để trực tiếp trông coi, chăm sóc và thực hiện các nghi thức, nghi lễ tại các ngôi chùa²². Các vị sư, ni trụ trì đóng vai trò rất lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử Phật giáo tại nơi đây, cụ thể:

Duy trì, gìn giữ các giá trị di sản Phật giáo như các triết lý của nhà Phật, tư tưởng đạo đức Phật giáo, quy tắc thông qua quá trình tu hành, rèn luyện của các vị sư, ni trụ trì.

Duy trì nghi lễ, các khuôn mẫu, thực hành văn hóa Phật giáo: Tại mỗi cơ sở thờ tự, sư, ni trụ trì là người đại diện cho tổ chức tôn giáo duy trì sự hiện diện, ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội của cộng đồng. Tại cả ba ngôi chùa Bái Đính (cổ), chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động, các vị sư, ni trụ trì đều giữ gìn các nghi lễ Phật giáo, thường xuyên tụng kinh, niệm Phật theo quy

²² Chùa Bái Đính (cổ) do Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu trụ trì, chùa Nhất Trụ do Ni sư Thích Đàm An trụ trì, chùa Bích Động do Ni sư Thích Đàm Thọ trụ trì.

định của tổ chức tôn giáo và hướng dẫn các Tăng ni, Phật tử đang tu hành tại chùa tu tập theo giáo lý nhà Phật, thực hành thiền định và giữ gìn giới luật. Các vị sư, ni trụ trì thường xuyên thuyết giảng và chia sẻ giáo lý nhà Phật để truyền bá tinh thần từ bi, trí tuệ, hòa bình và tổ chức các buổi cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, đúng với truyền thống của Phật giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, sư, ni trụ trì các chùa đều có trách nhiệm chăm sóc các công trình kiến trúc cổ và bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo tại nhà chùa, bảo vệ và gìn giữ các di vật, bảo vật trong di tích.

Tổ chức các lễ hội Phật giáo: Lễ hội Chùa Bái Đính là một trong những lễ hội văn hóa tâm linh quan trọng và lâu đời nhất miền Bắc Việt Nam, gắn liền với vùng đất Hoa Lư - nơi từng là kinh đô của ba triều đại phong kiến: nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý. Trước khi khu chùa Bái Đính mới được xây dựng, lễ hội này đã diễn ra hàng năm để tưởng nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc và tôn vinh giá trị văn hóa, tâm linh lâu đời của người Việt. Lễ hội Chùa Bái Đính diễn ra vào dịp đầu năm mới, từ chiều mừng 1 Tết và chính thức khai hội vào ngày mừng 6 Tết, kéo dài vài ngày với các nghi thức chính: thắp hương lễ Phật, tưởng nhớ công đức Thánh Nguyễn Minh Không, lễ tế thần Cao Sơn và châu thánh Mẫu Thượng Ngàn) Phần hội bao gồm các hoạt động vui chơi, trò chơi dân gian, thưởng thức nghệ thuật trình diễn dân gian (hát Chèo, Xẩm, Ca trù...) và văn cảnh chùa, khám phá hang động. Lễ hội Chùa Bái Đính trước đây không chỉ là dịp để người dân địa phương đến chiêm bái, cầu nguyện mà còn là cơ hội để cộng đồng gặp gỡ, giao lưu và bảo tồn những nét đẹp văn hóa truyền thống. Những giá trị văn hóa, tâm linh ấy đã được gìn giữ và phát huy qua nhiều thế hệ, góp phần làm nên bức tranh sinh động và phong phú của lễ hội chùa Bái Đính ngày nay.

Tại chùa Nhất Trụ, vào ngày 15 tháng Giêng hàng năm, nhà chùa tổ chức lễ hội Khao tổng thuyền rồng nhằm cầu nguyện cho quốc thái dân an, vào tháng 3 Âm lịch, nhà chùa cùng với các ngôi chùa cổ khác tổ chức lễ hội Trường Yên nhằm tưởng nhớ các vị vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành, và vào mừng 8

tháng Tư Âm lịch thì tổ chức lễ Lập hạ, cầu cho thời tiết thuận hòa, mùa màng bội thu. Lễ hội chùa Bích Động thường diễn ra từ mùng 6 tháng Giêng đến hết tháng 3 Âm lịch, bao gồm 2 phần: phần lễ và phần hội. Ngoài ra, chùa Bích Động cũng tổ chức Lễ Phật đản và Lễ Vu Lan hàng năm. Sư trụ trì sẽ trực tiếp tham gia công tác chuẩn bị, tiến hành tổ chức, thực hiện nghi lễ cùng với sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư địa phương. Việc duy trì các lễ hội này không chỉ là dịp để người dân địa phương và du khách gần xa đến chiêm bái, cầu nguyện mà còn là cơ hội để giao lưu, kết nối và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Sự tham gia nhiệt tình của cộng đồng dân cư địa phương và sư trụ trì nhà chùa trong công tác chuẩn bị, tổ chức và thực hiện nghi lễ đã tạo nên một lễ hội đậm đà bản sắc văn hóa, góp phần làm phong phú thêm đời sống tâm linh của người dân.

Phát triển hệ thống chùa thờ Phật, bao gồm việc xây dựng, mở rộng và duy trì hoạt động cho ngôi chùa. Sư, ni trụ trì đóng vai trò then chốt trong quá trình này, không chỉ là người đứng đầu quản lý chùa mà còn là người chịu trách nhiệm đào tạo thế hệ kế thừa là các tăng, ni. Trong vai trò này, sư, ni trụ trì không chỉ giảng dạy kinh kệ và giáo lý Phật giáo mà còn hướng dẫn các tăng, ni về kỹ năng quản trị chùa, điều hành các hoạt động tôn giáo và xã hội, và duy trì trật tự, nề nếp trong chùa, truyền bá Phật pháp, giữ gìn các giá trị văn hóa, tâm linh của cộng đồng. Sư, ni trụ trì cũng tham gia vào công tác xây dựng và phát triển chùa, từ việc lập kế hoạch, huy động nguồn lực đến giám sát quá trình thi công. Điều này đảm bảo rằng các ngôi chùa được xây dựng và duy trì theo đúng tinh thần Phật giáo, đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng và trở thành nơi an lạc, thanh tịnh cho mọi người.

Kết nối cộng đồng: một trong những vai trò quan trọng của sư, ni trụ trì là việc kết nối giữa đạo và đời, là cầu nối giữa Phật giáo và Phật tử, là trung tâm tâm linh, tổ chức các nghi lễ, lễ hội Phật giáo, duy trì truyền thống tốt đẹp của Phật giáo, hướng dẫn đạo Pháp, trông coi, giữ gìn và phát triển cơ sở vật chất của cơ sở thờ tự [77].

2.1.1.3. Cộng đồng cư dân địa phương

Cộng đồng địa phương ở đây được hiểu là những người dân sinh sống trên địa bàn mà di tích tồn tại. Trong quá trình quản lý di tích, cộng đồng, đặc biệt là các nhóm người và cá nhân bản địa, được xem là yếu tố quan trọng, tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của DTLSVH. Cộng đồng không chỉ được xem như một không gian không thể thiếu cho sự tồn tại của di tích, mà còn được nhìn nhận như một môi trường cần thiết và bền vững cho các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích tồn tại và phát triển. Cộng đồng địa phương tại Quần thể danh thắng Tràng An đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển di tích. Họ không chỉ tham gia vào việc gìn giữ, bảo vệ các giá trị văn hóa, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực. Việc tham gia của cộng đồng địa phương giúp tạo ra một mô hình bảo tồn di tích bền vững, nơi mà lợi ích kinh tế và văn hóa được cân bằng, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản văn hóa.

- Giám sát bảo vệ di sản: Cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ di tích khỏi các hành vi xâm hại, bao gồm khai thác tài nguyên tự nhiên trái phép, xây dựng không phép và các hoạt động làm mất mỹ quan, cảnh quan của di tích. Cộng đồng tham gia trực tiếp vào quá trình bảo vệ di tích, kịp thời báo cáo cho các cơ quan chức năng khi di tích xuống cấp, hư hỏng hoặc bị xâm hại.

- Tham gia bảo tồn và trùng tu di tích: Cộng đồng đóng góp không nhỏ vào việc duy trì các giá trị vật chất của di tích. Họ tham gia tích cực vào các công việc bảo quản, vệ sinh, trùng tu các di tích nhỏ, đồng thời cung cấp thông tin quý báu về các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực.

- Tăng cường ý thức cộng đồng về bảo tồn di tích lịch sử Phật giáo: Các cư dân địa phương có thể tham gia vào các chương trình giáo dục và truyền thông để nâng cao nhận thức về giá trị của các di tích lịch sử Phật giáo đối với du khách cũng như chính họ, từ đó đảm bảo việc bảo tồn lâu dài.

- Phát triển du lịch bền vững: Tại các điểm di tích, cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào các hoạt động dịch vụ như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú hoặc bán hàng lưu niệm. Thu nhập từ dịch vụ du lịch được coi như một nguồn lợi đem lại sinh kế cho người dân, góp phát triển kinh tế địa phương.

- Tổ chức và tham gia vào các hoạt động tôn giáo, văn hóa: Người dân địa phương là những người trực tiếp tham gia vào các lễ hội, nghi lễ tôn giáo tại khu vực di tích. Sự tham gia của họ không chỉ giúp duy trì các giá trị văn hóa mà còn góp phần giữ gìn các truyền thống tín ngưỡng của khu vực.

- Cộng đồng cư dân có thể là cầu nối giữa chính quyền và du khách, cũng như có thể hỗ trợ các cơ quan quản lý trong việc thực thi các chính sách bảo vệ di sản và phát triển du lịch.

Tóm lại, cộng đồng dân cư địa phương tại Quần thể Danh thắng Tràng An đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển bền vững di sản văn hóa, không chỉ thông qua các hoạt động bảo vệ di tích mà còn qua việc tham gia vào các hoạt động kinh tế và văn hóa liên quan.

2.1.1.4. Doanh nghiệp/chủ đầu tư:

Tràng An - Ninh Bình là ví dụ thành công của mô hình hợp tác công tư trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Ninh Bình thu hút 6 doanh nghiệp tham gia đầu tư ở 8 cụm di sản trong Quần thể danh thắng Tràng An, trong đó Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường là nhà đầu tư chính. Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường đã phối hợp chặt chẽ, đồng hành cùng Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An trong việc bảo vệ và ngăn không cho di sản xuống cấp, cũng như thực hiện các công việc trùng tu, tôn tạo di tích, phát huy giá trị di tích.... Doanh nghiệp được phép tổ chức kinh doanh dịch vụ và triển khai các hoạt động kinh doanh khác tại Quần thể danh thắng Tràng An. Tuy nhiên, nhà đầu tư, doanh nghiệp phải cam kết tuân thủ theo những nội dung được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động. Thành công từ mô hình hợp tác công tư đang làm thay đổi diện mạo của tỉnh Ninh Bình, thu hút đầu tư, thúc đẩy sự tham gia

của các doanh nghiệp trên cơ sở phát huy vai trò quản lý của Nhà nước đã tạo ra những sản phẩm du lịch thể mạnh, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng du lịch hướng đến du lịch bền vững.

2.1.2. Cơ chế phối hợp quản lý và mô hình quản lý

2.1.2.1. Cơ chế phối hợp quản lý

Quản lý DTLSVH là trách nhiệm của cơ quan quản lý các cấp và các bên liên quan, vì vậy để hiệu quả đạt chất lượng tốt trong quản lý cần phải thực hiện tốt cơ chế phối hợp của các đơn vị quản lý các cấp, cộng đồng, doanh nghiệp và đại diện chùa là sư trụ trì. Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình cũng đã thu được những hiệu quả tích cực trong cơ chế phối hợp thống nhất, cụ thể với 3 ngôi chùa tham gia khảo sát.

Cơ chế phối hợp quản lý bao gồm:

Bảo tồn và trùng tu di tích: Các ngôi chùa cổ như Nhất Trụ, Bích Động, Bái Đính (cổ) là những di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Do đó, trong nhiều năm qua, các di tích trên đã được Nhà nước quan tâm trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích, ở đây luôn có sự phối hợp đồng bộ, nhất quán theo nguyên tắc từ trên xuống: Bộ VHTTDL, UBND tỉnh Ninh Bình, Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An, phòng VH&TT huyện với UBND xã và Ban QLDT cấp xã.

Nhiệm vụ của chính quyền các cấp tại đây là phối hợp với các cơ quan chuyên môn để lập kế hoạch và triển khai các dự án trùng tu, bảo tồn di tích, đảm bảo giữ nguyên giá trị lịch sử và văn hóa. Cộng đồng dân cư là bên đóng góp công sức, tài chính và giám sát việc trùng tu, đảm bảo tính cộng đồng và sự gắn kết với di sản. Sư trụ trì sẽ tham gia giám sát quá trình trùng tu, đảm bảo các yếu tố tôn giáo được tôn trọng và duy trì. Doanh nghiệp sẽ đầu tư nguồn lực tài chính cho việc trùng tu, xây dựng các công trình hỗ trợ. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có chùa Bái Đính (cổ) có nguồn từ doanh nghiệp, còn hai chùa còn lại (chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động) vẫn chưa được doanh nghiệp đầu tư.

Quản lý hành chính và pháp lý: Chính quyền các cấp tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm chính trong việc cấp phép, giám sát và đảm bảo các hoạt động tại các chùa tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, đặc biệt trong việc bảo tồn di tích và tổ chức các lễ hội. Trong đó, các sư trụ trì chùa đóng vai trò chủ chốt, đảm bảo các hoạt động tôn giáo diễn ra theo đúng giáo lý Phật giáo và phối hợp chặt với chính quyền địa phương thực hiện các quy định liên quan. Cộng đồng cư dân là bên tham gia giám sát, phản ánh và đóng góp ý kiến về các hoạt động tại chùa để đảm bảo sự minh bạch và phù hợp với phong tục, tập quán tại địa phương. Doanh nghiệp tham gia vào việc tổ chức, quản lý, vận hành các dịch vụ du lịch xung quanh.

Tổ chức lễ hội và sự kiện tôn giáo: Hiện nay, tại cả 3 ngôi chùa Bái Đính (cổ), Nhất Trụ và Bích Động đều tổ chức rất nhiều các lễ hội trong năm. Chính vì thế, chính quyền các cấp nói chung và thành phố Hoa Lư nói riêng cần hỗ trợ cấp thiết về mặt tổ chức, an ninh trật tự và quản lý lượng du khách tham quan, nhất là vào các dịp lễ hội. Sư trụ trì tại từng chùa đều phải chịu trách nhiệm về nội dung nghi lễ, hướng dẫn Phật tử và du khách tham gia các hoạt động tôn giáo một cách trang nghiêm, đúng mực. Còn cộng đồng dân cư địa phương tham gia tổ chức, hỗ trợ và duy trì các hoạt động văn hóa, các trò chơi dân gian nhằm tạo nên không khí lễ hội đặc sắc. Doanh nghiệp đóng góp kinh phí và hỗ trợ xây dựng kế hoạch tổ chức cho hiệu quả.

Phát triển du lịch tâm linh: Chính quyền tỉnh Ninh Bình xây dựng tốt cơ sở hạ tầng như nạo vét, kè hồ Cá Voi và đường dạo ven hồ, thiết lập bến thuyền trung tâm tại thung Áng Mương với quy mô 50 ha, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối các điểm du lịch trong khu vực Quần thể danh thắng Tràng An, xây dựng các khu dịch vụ, nhà hàng, khách sạn... Bên cạnh đó, chính quyền các cấp còn tích cực quảng bá và quản lý hoạt động du lịch nhằm đảm bảo phát triển bền vững và không ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của chùa. Trong khi đó, các sư trụ trì góp phần hướng dẫn các du khách về quy tắc ứng xử tại chùa, đồng thời tích cực phối hợp với các cấp chính quyền trong việc bảo vệ môi

trường và cảnh quan xung quanh. Cộng đồng dân cư địa phương đóng góp cho việc phát triển các dịch vụ du lịch bổ trợ như ẩm thực (các nhà hàng đặc sản Ninh Bình như thịt dê, cơm cháy,...), lưu trú (homestay, nhà nghỉ, khách sạn), hướng dẫn viên du lịch nhằm nâng cao đời sống kinh tế và quảng bá văn hóa của địa phương. Doanh nghiệp là đơn vị tập trung vận hành các dịch vụ về du lịch, quảng bá hình ảnh và thu hút du khách, tạo cơ hội việc làm và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho người dân địa phương.

Các bên liên quan kể trên có nguyên tắc phối hợp là minh bạch, rõ ràng trong việc phân chia vai trò, trách nhiệm và quyền lợi giữa các bên, đảm bảo mọi bên liên quan đều tham gia vào quá trình lập kế hoạch, ra quyết định và thực hiện các hoạt động, đảm bảo lợi ích kinh tế, văn hóa và môi trường được cân bằng. Trong đó, chính quyền địa phương giữ vai trò là cầu nối điều phối sự hợp tác của các bên còn lại. Chính cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa chính quyền địa phương – cộng đồng dân cư – đại diện các chùa là sự trụ trì mà tại Quần thể danh thắng Tràng An nói chung và ba ngôi chùa Bái Đính (cổ), chùa Bích Động, chùa Nhất Trụ nói riêng vừa đảm bảo việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích cổ, vừa góp phần thúc đẩy du lịch văn hóa tâm linh bền vững tại Ninh Bình.

2.1.2.2. Mô hình quản lý

* Mô hình quản lý có sự tham gia của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Doanh nghiệp và cộng đồng địa phương: chùa Bái Đính (cổ).

Tại chùa Bái Đính (cổ) áp dụng mô hình quản lý đặc trưng, phối hợp chặt chẽ giữa Các cơ quan quản lý nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân, cộng đồng, trong đó: 1/ Nhà nước đầu tư kinh phí, phối hợp với các chuyên gia để trùng tu, tôn tạo các di tích này, bảo vệ nguyên vẹn kiến trúc, các pho tượng, pháp khí, hoành phi, câu đối cổ. Chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình và huyện Gia Viễn đảm nhiệm vai trò giám sát, hỗ trợ và điều phối hoạt động tại khu vực chùa, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa. Sự kết hợp này tạo ra sự phát triển hài hòa giữa du lịch

với văn hóa tâm linh, là điển hình cho xã hội hóa quản lý di tích ở Việt Nam; 2/Giáo hội Phật giáo chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý các hoạt động tôn giáo, tâm linh như nghi lễ, đào tạo tăng ni, tổ chức lễ hội truyền thống và duy trì các sinh hoạt tăng đoàn. Vai trò chủ đạo về mặt tâm linh do Trụ trì chùa và Ban quản tự đảm nhận, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng của chùa; 3/Doanh nghiệp được giao quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch tại Chùa Bái Đính, bao gồm quản lý vé tham quan, xe điện, dịch vụ ăn uống, lưu trú, bãi đỗ xe, vệ sinh môi trường, an ninh và hướng dẫn viên du lịch. Doanh nghiệp này cũng chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng, bảo trì và tu bổ các công trình, đảm bảo hoạt động du lịch hiệu quả, ổn định. 4/ Cộng đồng địa phương: tại chùa Bái Đính, cộng đồng địa phương trực tiếp tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch tại các điểm di sản. Hiện trong vùng lõi của khu di sản Tràng An có hơn 20.000 dân cư sinh sống, tập trung chủ yếu ở các xã Trường Yên, Ninh Xuân và Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Hoạt động du lịch tại chùa Bái Đính đã tạo việc làm cho trên 4.000 lao động trực tiếp và 10.000 lao động gián tiếp tại các điểm tham quan, chủ yếu là tham gia phục vụ khách du lịch như chèo thuyền, hướng dẫn viên và dịch vụ. Cộng đồng trực tiếp tham gia bảo tồn giá trị văn hóa tâm linh thông qua các lễ hội và nghi lễ truyền thống tại chùa Bái Đính. Người dân cũng tham gia tích cực vào việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên xanh, sạch, đẹp, góp phần quan trọng vào sự phát triển du lịch bền vững. Với thái độ thân thiện, hiếu khách, cộng đồng địa phương đóng vai trò quảng bá và lan tỏa hình ảnh văn hóa, lịch sử của chùa Bái Đính tới du khách trong nước và quốc tế.

* Mô hình quản lý của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo và cộng đồng địa phương: chùa Bích Động và chùa Nhất Trụ

Chùa Bích Động và chùa Nhất Trụ áp dụng mô hình quản lý có sự tham gia chặt chẽ của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo và cộng đồng địa phương, trong đó: 1/Chính quyền địa phương, bao gồm UBND huyện Hoa Lư và UBND xã Ninh Hải, chịu trách nhiệm hỗ trợ về pháp lý, phối hợp tổ chức các hoạt động

lễ hội, giám sát hoạt động du lịch, đảm bảo an ninh, trật tự, cảnh quan và môi trường tại khu vực chùa. 2/Các vị sư, ni trụ trì, dưới sự quản lý của Giáo hội Phật giáo, trực tiếp đảm nhận việc quản lý sinh hoạt Phật sự, các nghi lễ tôn giáo, và giữ vai trò then chốt trong việc bảo tồn các giá trị tâm linh truyền thống; 3/ Cộng đồng địa phương đóng một vai trò hết sức quan trọng mô hình quản lý. Cộng đồng trực tiếp tham gia bảo tồn giá trị văn hóa tâm linh thông qua các lễ hội và nghi lễ truyền thống. Người dân địa phương tham gia phát triển du lịch, cung cấp các dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận chuyển và hướng dẫn viên du lịch tự do. Người dân cũng tham gia tích cực vào việc bảo vệ cảnh quan di tích, giám sát, phản biện xã hội, phản ánh kịp thời các tác động tiêu cực của môi trường, thiên nhiên, con người đến di tích, giúp cơ quan quản lý điều chỉnh các hoạt động phù hợp với đặc thù văn hóa và lợi ích của người dân địa phương. Dù không có sự tham gia sâu rộng của doanh nghiệp tại 2 di tích chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động, nhưng mô hình này vẫn phát triển bền vững nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Giáo hội và cộng đồng địa phương.

Tóm lại, dù có những khác biệt về mức độ tham gia của các bên liên quan như doanh nghiệp và chính quyền, mô hình quản lý tại chùa Bái Đính (cổ), chùa Bích Động và chùa Nhất Trụ đều dựa trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa Giáo hội Phật giáo, chính quyền địa phương và vai trò tích cực của cộng đồng, tạo nên sự phát triển ổn định và bền vững, bảo tồn tốt giá trị di sản văn hóa của các chùa tại Quần thể danh thắng Tràng An.

2.2. Thực trạng công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An

2.2.1. Công tác ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

Việc ban hành và chỉ đạo thực hiện các văn bản quản lý di tích có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng cho hoạt động quản lý di tích đi đến mục tiêu chung là bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Trong phần này, NCS không đề cập đến việc xây dựng và ban hành văn bản ở cấp trung ương mà chỉ

tập trung đề cập tới phạm vi nghiên cứu ở Quần thể Danh thắng Tràng An. Theo đó, nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích có sự phối hợp giữa các bên liên quan theo chiều dọc và theo chiều ngang. Theo đó tùy từng nội dung mà có sự phối hợp giữa các cơ quan trong cùng cấp (Phòng Quản lý di sản) hoặc Sở VH&TT, Sở Du lịch với các Sở, Ban, Ngành... Xét trên phương diện phối hợp giữa các bên liên quan, đối với nhiệm vụ tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về DTLSVH diễn ra chủ yếu ở phía các cơ quan nhà nước²³.

Thời gian qua, tỉnh Ninh Bình đã có nhiều chương trình, kế hoạch, chiến lược nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới gắn với phát triển du lịch, như, như: Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình, ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản này, quy định cụ thể về phân vùng quản lý, bảo vệ di sản, quản lý xây dựng, tài nguyên, môi trường và các hoạt động du lịch trong khu vực di sản. Đặc biệt, Kế hoạch số 19/KH-UBND về việc Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đã thực sự đi vào cuộc sống, đạt được những mục tiêu cơ bản đề ra: các giá trị đặc biệt, độc đáo của Quần thể danh thắng Tràng An luôn được quan tâm, bảo tồn, quảng bá rộng rãi cả trong nước và quốc tế [66]. Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ di sản giữa Sở Du lịch và UBND huyện Gia Viễn vào tháng 11/2023. Quy chế này quy định rõ trách nhiệm phối hợp trong công tác tuần tra, phát hiện và xử lý vi phạm liên quan đến trật tự xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường cảnh quan và kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch trong phạm vi di sản tại các xã Gia Sinh, Gia Trung và Gia Tiến. Việc ký kết này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ di sản, giảm thiểu vi phạm và phát triển du lịch bền vững. Việc thực hiện các văn bản có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà

²³ UBND tỉnh Ninh Bình, Sở VH&TT, Sở Du lịch và các Phòng VH&TT.

nước, giữa nhà nước và cộng đồng, giữa nhà nước và doanh nghiệp. Các văn bản sau khi được Nhà nước ban hành đã được các bên liên quan, địa phương nghiêm túc chỉ đạo và thực hiện²⁴. Bên cạnh đó, phối hợp giữa UBND huyện Hoa Lư và Gia Viễn²⁵ và UBND các xã triển khai thực hiện thông qua hệ thống văn bản, kế hoạch tập huấn phổ biến các văn bản tới các cán bộ quản lý di tích ở địa phương.

Từ phương diện phối hợp giữa cơ quan nhà nước và cộng đồng trong hoạt động thực hiện văn bản thông qua các hoạt động tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân về pháp luật bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa. Đây là việc làm rất quan trọng để đông đảo nhân dân có thể hiểu được các đường lối, chính sách, các văn bản pháp luật về bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Di sản văn hóa được triển khai bằng nhiều hình thức, như: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nói chuyện chuyên đề về lĩnh vực văn hóa và thể thao, lĩnh vực di sản văn hóa; tổ chức quán triệt lồng ghép trong triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tuyên truyền trên hệ thống báo, đài, internet, tuyên truyền trực quan qua pa-nô, áp-phích, khẩu hiệu, băng-rôn, trang thông tin điện tử của tỉnh; tuyên truyền tại các di tích, lễ hội, sự kiện...

2.2.2. Công tác triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An

Xây dựng quy hoạch cho di tích là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của cơ quan quản lý di tích²⁶. Về quy mô của quy hoạch tổng thể di tích đều hướng tới

²⁴ UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan, UBND các huyện, xã triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh. Sở VH&TT tỉnh giao cho Phòng Quản lý di sản hướng dẫn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý di tích.

²⁵ Nay phường Tây Hoa Lư và phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

²⁶ Hiện nay, việc xây dựng quy hoạch được căn cứ vào Nghị định 166/2018/NĐ-CP quy định về việc thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLSVH, danh lam thắng cảnh. Trong đó bao gồm Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi hệ thống di tích (quy hoạch hệ thống di tích) và Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (quy hoạch tổng thể di tích). Các di tích được đưa vào

thực hiện quy hoạch ba vùng: Vùng I được xác định là vùng trung tâm hay vùng lõi, nơi có di tích gốc tồn tại, cần giữ nguyên trạng các yếu tố gốc, tùy thuộc vào không gian vật chất có thể khả thi của từng di tích. Vùng II là vùng để phát triển các công trình thuộc hạng mục trong tôn tạo di tích như các khu nhà khách, các công trình dịch vụ công cộng, khu vực bãi đỗ xe, xây dựng tượng đài, nhà trưng bày,... Ngoài ra, tại các điểm di tích được quy hoạch còn có thể có vùng III (vùng sinh thái), hướng tới triển khai phát triển các hạng mục như cây xanh, hồ nước, khu vui chơi giải trí. Trong những năm qua, xã Trường Yên luôn là địa phương có tốc độ phát triển mạnh mẽ của huyện Hoa Lư, đặc biệt là trong việc thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới, vì vậy UBND xã Trường Yên đã coi việc lập quy hoạch tổng thể và bảo tồn cho các DTLSVH đã được xếp hạng là việc làm cấp thiết.

Phỏng vấn về vấn đề này, ông Nguyễn Ngọc Sứ, Trưởng Phòng VH&TT huyện Hoa Lư cho biết: “Để công tác quản lý và bảo tồn các DTLSVH được tốt hơn, việc tiến hành quy hoạch tổng thể các khu DTLSVH đã được xếp hạng, được coi là việc làm cấp bách hiện nay, với mục tiêu nhằm bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa tâm linh bền vững” [PV, ngày 18/08/2023]. Bên cạnh công tác xây dựng quy hoạch, những năm gần đây, UBND xã đều thực hiện xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLSVH²⁷.

Quy hoạch tổng thể là quy hoạch đối với một di tích quốc gia đặc biệt, xây dựng quy hoạch và đề án về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh [19].

²⁷ Từ năm 2012 đến năm 2015 thực hiện theo Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt *Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu DTLSVH Cổ đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2000-2015*, Ninh Bình tiến hành lập kế hoạch trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị DTLSVH tại 6 dự án trọng điểm trong đó có xây dựng hệ thống giao thông đường bao, hào nước vùng bảo vệ đặc biệt Cổ đô Hoa Lư; nạo vét, xây kè, bảo tồn cảnh quan sông Sào Khê; xây dựng Quảng trường và sân lễ hội; tu bổ, tôn tạo một số di tích và công chót Cổ đô Hoa Lư, với tổng mức đầu tư dự kiến là 3.426 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn xã hội hóa khác [49]. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt cho tỉnh Ninh Bình triển khai *Dự án Bảo quản, tu bổ, tôn tạo và mở rộng phạm vi một số di tích có liên quan đến Nhà nước Đại Cồ Việt nhằm phát huy giá trị lịch sử, văn hóa Cổ đô Hoa Lư*, với mục tiêu đầu tư là tôn tạo, nâng cấp một số di tích có liên quan đến Nhà nước Đại Cồ Việt nhằm gìn giữ và phát huy giá trị về văn hóa, lịch sử, kiến thức và tín ngưỡng của các di tích thuộc Khu di tích quốc gia đặc biệt [52].

Cụ thể về quy hoạch của 03 ngôi chùa trong phạm vi nghiên cứu của đề tài như sau:

Chùa Bái Đính (cổ)²⁸ được quy hoạch trong tổng thể Quần thể danh thắng Tràng An với tổng diện tích 1.961ha theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình vào ngày 18/11/2005, trong đó khu vực chùa Bái Đính có diện tích 1.005,3ha, bao gồm cả Bái Đính (cổ) và Bái Đính mới với mục tiêu phát triển thành khu du lịch văn hóa tâm linh trọng điểm [63]. Ngày 08/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 63/QĐ-TTg nhằm Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050, trong đó có đưa ra nhiệm vụ trọng tâm cho việc phát triển khu vực Bái Đính trong tổng thể đô thị Ninh Bình, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế xã hội [55]. Tuy nhiên, tại chùa Bái Đính (mới), không chỉ có Nhà nước mà còn có mô hình quản lý tư nhân là Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường. Đây cũng là đơn vị đầu tư chính của Bái Đính (cổ), đóng vai trò quan trọng trong quy hoạch và phát triển chùa Bái Đính. Trong đó, về chùa Bái Đính (cổ), doanh nghiệp Xuân Trường đã quy hoạch tôn tạo và bảo tồn, giữ nguyên các giá trị lịch sử văn hóa, kết nối cơ sở vật chất và giao thông với khu chùa mới để tạo thành một quần thể thống nhất. Định hướng với mục tiêu quy hoạch bao gồm: Bảo tồn và tôn tạo di tích; Phát triển hạ tầng du lịch; Bảo vệ môi trường.

Chùa Bích Động được mệnh danh là “Nam Thiên đệ nhị động”, xây dựng vào năm 1428 dưới thời Hậu Lê. Đây là một công trình đặc biệt, kết hợp hài hòa giữa kiến trúc Phật giáo và cảnh quan thiên nhiên. Chùa có hình dáng bậc thang, bao gồm chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng. Ngoài ra, giữa chùa Trung và chùa Thượng có một hang động dài 350m có nhiều khối nhũ đá tự nhiên độc đáo.

Do nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An, nên chùa Bích Động cũng có quy hoạch theo các quyết định liên quan như: Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày

²⁸ Chùa Bái Đính (cổ) được xây dựng vào năm 1136 dưới triều đại nhà Lý, bởi Thiền sư Nguyễn Minh Không. Chùa bao gồm nhiều công trình như hang Sáng và động Tối, giếng Ngọc, đền thờ Thánh Nguyễn Minh Không.

29/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu DTLSVH Cố đô Hoa Lư; Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 18/11/2005 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt *Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch Tràng An*; Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 08/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ *Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050...* [49]; [63]; [55].

Chùa Nhất Trụ có lịch sử hình thành lâu đời gắn liền với trung tâm Phật giáo từ thế kỉ X với Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ được công nhận là Bảo vật Quốc gia cần được bảo tồn nguyên vẹn [50]. Chùa được tu bổ, tôn tạo tại chùa Nhất Trụ bao gồm: chánh điện, nhà tổ, cổng tam quan, hệ thống sân vườn và các cảnh quan xung quanh. Tổng mức đầu tư dự kiến là 50 tỉ, triển khai trong giai đoạn từ 2023-2025, do nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động. Sở VH-TTDL tỉnh Ninh Bình làm chủ đầu tư, phối hợp với các cơ quan liên quan để triển khai theo đúng tiến độ, trong đó yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo tồn di tích lịch sử, đảm bảo giữ nguyên giá trị văn hóa, kiến trúc và cảnh quan của chùa Nhất Trụ [34]²⁹.

Có thể thấy, công tác xây dựng và ban hành quy hoạch, kế hoạch tu bổ, tôn tạo di tích giữ vai trò quan trọng, quyết định trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trong đời sống cộng đồng nói chung và DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên nói riêng. Việc thực hiện quy hoạch di tích một cách bài bản, đồng bộ, song song với công tác quảng bá du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông,... góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch. Đồng thời, quy hoạch bảo tồn di tích còn tránh được tình trạng xâm phạm di tích từ các dự án đầu tư phát triển quy hoạch đô thị, dân cư, khu công nghiệp, làng nghề, các công trình xây dựng mới có hướng đến phạm vi vùng bảo vệ cảnh quan di tích.

²⁹ Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025*, trong đó, chùa Nhất Trụ được xác định là di sản cần bảo tồn [53]. Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh Ninh Bình về chủ trương đầu tư dự án tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nhất Trụ.

Việc phối hợp giữa các bên liên quan trong nhiệm vụ xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo trong thời gian qua đã được cơ quan quản lý Nhà nước, Doanh nghiệp quan tâm trên các phương diện từ lập kế hoạch kiểm kê, hoàn thiện hồ sơ khoa học di tích, nghiên cứu đánh giá tình trạng kỹ thuật tại di tích, hướng dẫn các thủ tục lập dự án tu bổ di tích đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An. Trên cơ sở các kế hoạch đã được ban hành, việc phối hợp thực hiện các kế hoạch được triển khai tới các cơ quan liên quan và tới cộng đồng địa phương bằng nhiều hình thức khác nhau như: công văn gửi xuống địa phương...

2.2.3. Công tác tổ chức chỉ đạo và thực hiện các hoạt động chuyên môn

2.2.3.1. Công tác kiểm kê di tích lịch sử văn hóa

Kiểm kê di tích là một khâu công tác có vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động bảo tồn di tích, nó gắn liền với các hoạt động khác và tạo ra một tổng thể hoàn chỉnh đảm bảo những nhiệm vụ cơ bản của bảo tồn di tích là gìn giữ và khai thác phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa. Mục đích của hoạt động kiểm kê di tích giúp: 1/ Nắm được số lượng và giá trị của các loại hình di tích lịch sử - văn hóa, trên cơ sở đó có kế hoạch bảo vệ, bảo quản, tu bổ, tôn tạo sử dụng vào mục đích giáo dục truyền thống và phục vụ nghiên cứu khoa học; 2/ Xác định tính pháp lý bảo vệ di tích, qui định trách nhiệm và phân cấp quản lý cho các cơ quan bảo vệ di tích; 3/ Nhằm tuyên truyền, vận động giác ngộ quần chúng, nâng cao nhận thức của quần chúng về bảo vệ các di sản văn hóa của dân tộc và của nhân loại.

Các bên liên quan tham gia vào công tác kiểm kê DTLSVH được quy định rất rõ với chức trách và nhiệm vụ của từng cơ quan³⁰. Khi các cơ quan Nhà

³⁰ 1/ Sở VH&TT chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm kê di tích trên địa bàn, trình UBND tỉnh phê duyệt, công bố hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục kiểm kê di tích. Thời gian thực hiện 05 năm/lần; đồng thời, tổ chức rà soát đưa ra khỏi danh mục kiểm kê di tích của địa phương các công trình xây dựng, địa điểm cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên không đủ tiêu chuẩn xếp hạng di tích; 2/ UBND cấp huyện kiểm kê bổ sung những di tích, địa điểm di tích tiềm năng thuộc địa bàn chưa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trình Sở VH&TT 02 (hai) năm một lần; 3/ UBND cấp xã chịu trách nhiệm thống kê bổ sung các di tích tiềm năng thuộc công trình xây dựng, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên trên địa bàn chưa có trong danh mục kiểm kê di tích, báo cáo UBND cấp huyện lập danh sách, gửi Sở VH&TT để kiểm tra, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục di tích tiềm năng.

nước tiến hành việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện theo chức năng thì cộng đồng địa phương, các cụ trong Hội người cao tuổi, các vị quản thủ di tích, các nhà khoa học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp cung cấp thông tin mỗi khi có kế hoạch kiểm kê di tích.

2.2.3.2. Công tác xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và đón nhận bằng xếp hạng

Xác định việc xếp hạng di tích có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại của di tích vì xếp hạng là cơ sở pháp lý cao nhất để bảo vệ, gìn giữ và tạo điều kiện để phát huy giá trị của di tích. Xuất phát từ nhận thức trên, những năm qua thực hiện các quy định của Bộ VH,TT&DL, Sở VH &TT tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo Phòng Quản lý Di sản phối hợp với các phòng VH&TT các huyện tiến hành lập hồ sơ di tích và đẩy mạnh công tác xếp hạng. Hàng năm phòng VH&TT các huyện, thành phố đều có văn bản gửi Sở VH &TT tỉnh về kiểm tra khảo sát, thẩm định các di tích, nếu thấy di tích có đủ điều kiện thì Phòng Quản lý Di sản tiến hành lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt, đề nghị UBND tỉnh, Bộ VH,TT&DL, Thủ tướng Chính phủ xếp hạng. Hướng dẫn các địa phương quy trình, thủ tục lập hồ sơ khoa học đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý theo đúng quy định của nhà nước. Trong những năm qua, Thủ tướng Chính phủ, Bộ VH,TT&DL, UBND tỉnh Ninh Bình đã tiến hành xếp hạng hàng loạt các di tích thuộc khu di sản Quần thể danh thắng Tràng An ở tất cả các cấp độ khác nhau, bao gồm 18 di tích cấp tỉnh, 21 di tích cấp quốc gia và hai di tích cấp quốc gia đặc biệt³¹.

Ngày 27/9/2011, Quần thể danh thắng Tràng An đã được Chính phủ cho phép xây dựng hồ sơ đệ trình UNESCO xem xét công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới theo 2 tiêu chí về tự nhiên là tiêu chí 7 (về giá trị thẩm mỹ, cảnh quan) và tiêu chí 8 (về giá trị địa chất, địa mạo)³². Năm 2014, Quần thể danh

³¹ Căn cứ theo Thông tư 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

³² Thủ tướng Chính phủ giao Bộ VH,TT&DL đã phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam làm các thủ tục cần thiết để gửi hồ sơ tới UNESCO. Quần thể danh thắng Tràng An bao gồm ba khu vực liền kề nhau là Di tích cổ đô Hoa Lư, Khu danh thắng Tràng An-Tam Cốc-Bích Động và Rừng nguyên sinh Đặc dụng

thắng Tràng An (Ninh Bình) đã chính thức được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản thế giới.

2.2.3.3. Công tác kiểm kê di vật, cổ vật tại di tích

Các di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia là những thành phần không thể thiếu trong các DTLSVH, gắn liền với không gian và môi trường của di tích. Trong khi các công trình kiến trúc là bất động sản không thể di chuyển khỏi nơi chúng tồn tại, thì các di vật, cổ vật lại có thể dễ dàng bị lấy đi khỏi vị trí gắn bó của chúng. Hiện nay, số lượng di vật và cổ vật trong các di tích, đã được xếp hạng và chưa xếp hạng, rất lớn. Song song với việc quản lý các công trình kiến trúc, công tác quản lý các di vật, cổ vật tại các di tích cũng đã bắt đầu được triển khai. Qua nghiên cứu thực tế, những năm qua Ban VHTT và Phòng VH&TT huyện đã phối hợp với Sở VH&TT tỉnh Ninh Bình tiến hành kiểm kê, thống kê di vật, cổ vật tại một số điểm di tích theo hướng dẫn của Luật Di sản văn hóa và chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong di tích [56].

Theo số liệu thống kê hiện nay, các DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên có trên 2.000 di vật, cổ vật, và bảo vật quốc gia. Trong đó, riêng khu DTLSVH đền vua Đinh và vua Lê có trên 670 di vật, cổ vật, và có 3 bảo vật quốc gia được Chính phủ công nhận là: Cột kinh Phật (nằm trong khuôn viên chùa Nhất Trụ), Long sàng trước Nghi môn ngoại và trước Bái đường Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng (Niên đại: Thế kỷ XVII, hiện lưu giữ tại Khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư), bộ Phủ Việt đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng và bộ Phủ Việt đền thờ Vua Lê Đại Hành³³.

Hoa Lư. Giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể danh thắng Tràng An được Ủy ban Di sản Thế giới ghi danh dựa trên ba trụ cột chính quy định tại Hướng dẫn thực hiện Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Bộ VH,TT&DL, Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, UBND tỉnh Ninh Bình, các cơ quan, các nhà khoa học trong nước, quốc tế cùng doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường đã phối hợp chặt chẽ để đẩy mạnh công tác nghiên cứu, nhận diện giá trị di sản, trên cơ sở đó hoàn thiện bộ hồ sơ đề cử Quần thể danh thắng Tràng An có chất lượng khoa học cao.

³³ Việc công nhận Bảo vật quốc gia là cách thức tăng cường bảo vệ các di vật về mặt pháp lý, đồng thời góp phần làm tăng giá trị của di tích.

Qua quá trình tìm hiểu và khảo sát thực tế cho thấy các di vật, cổ vật, và bảo vật quốc gia ở các di tích được giao cho Trung tâm bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư và sư, ni trụ trì các chùa cũng như Ban QLDT các di tích trông coi, bảo vệ. Phương pháp bảo quản phòng ngừa cho hiện vật được sử dụng phổ biến như trông nom, lau chùi cho các di vật, cổ vật sạch sẽ, phát hiện sớm các yếu tố hư hại, hỏng hóc. Tại một số điểm di tích, nhằm tránh việc mất mát các di vật quý, Ban QLDT cùng sư trụ trì và cộng đồng dân cư địa phương đã mua kết sắt để lưu giữ, bảo quản, bảo vệ di vật. Thậm chí, có trường hợp, sư trụ trì còn được giao nhiệm vụ cất giữ, chỉ mang ra trong những ngày lễ hội, tế rước. Việc này đã phần nào hạn chế được sự tác động của môi trường tự nhiên cũng như của con người làm cho các di vật, cổ vật có thể bị hư hại, mất mát. Sư, ni trụ trì là người trực tiếp chỉ đạo việc bảo vệ các cổ vật tại chùa.

Đảm bảo giữ vệ sinh, môi trường cảnh quan sạch sẽ, kiểm soát hoạt động xả rác thải của du khách. Trong khuôn viên di tích đã xây dựng các điểm vệ sinh công cộng phục vụ du khách, đặt các thùng để thu gom rác thải. Nhà chùa rất quan tâm việc trồng mới và chăm sóc hệ thống cây xanh trong khuôn viên chùa tạo cảnh quan xanh mát trong khu di tích. Nhà chùa đã phối hợp cùng với địa phương làm công tác vệ sinh môi trường trên tuyến đường vào khu di tích. Đối với các hoạt động phát huy giá trị di tích, sư trụ trì đã tích cực quảng bá, giới thiệu về giá trị của di tích, mộc bản cho khách tham quan.

Nhìn chung, việc quản lý di vật, cổ vật tại các di tích hiện nay đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn có những di tích mà công tác bảo quản, gìn giữ cổ vật, di vật chưa thực sự được chú ý. Điều này đã dẫn đến trong những năm qua xảy ra một số vụ mất cắp di vật, cổ vật tại các di tích. Điển hình là tại chùa Bái Đính (cổ), một số cổ vật như tượng, chuông, các đồ thờ cúng bị thất thoát. Tại chùa Bích Động cũng bị mất tượng Phật, chuông, các hiện vật thờ cúng. Tương tự, chùa Nhất Trụ cũng bị mất các cổ vật. Việc tìm lại những cổ vật này hiện nay đang là một thách thức lớn, nhất là trong bối cảnh buôn bán cổ vật trái phép. Chính quyền địa phương, nhà chùa, các cơ quan chức năng cũng đã rất

nỗ lực trong việc bảo vệ và kiểm tra các cổ vật tại di tích, nhưng việc phục hồi và tìm lại những cổ vật đã mất vẫn chưa có nhiều tiến triển.

2.2.3.4. Công tác bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa.

* Công tác bảo tồn di tích

Trong những năm qua tỉnh Ninh Bình đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học về di tích và danh nhân³⁴. Các hội thảo chủ yếu đề cập đến các di tích lịch sử liên quan đến các triều đại Đinh, Lê, Lý và thảo luận các bước để công nhận di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư là di sản văn hóa thế giới. Thông qua các cuộc hội thảo đã góp phần thể hiện rõ nét đặc trưng về lịch sử văn hóa và truyền thống của mảnh đất và con người Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, từ đó góp phần phục vụ công tác nghiên cứu khoa học cũng như lập đề án, quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

UBND tỉnh Ninh Bình đã sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh, chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí của các đơn vị, kinh phí tài trợ của những đơn vị doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ để bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích một cách hiệu quả. Trên cơ sở nguồn ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia của Bộ VH,TT&DL, tỉnh đã đầu tư trọng điểm cho các dự án lớn để thực hiện Quy hoạch bảo tồn di tích gắn với phát triển du lịch, trong đó có Quần thể danh thắng Tràng An, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, hầu hết các di tích được triển khai tôn tạo, chống xuống cấp mang tính xã hội hóa cao.

Tỉnh Ninh Bình đã tổ chức các lớp đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ quản

³⁴ Các hội thảo như: Hội thảo khoa học về *Giá trị di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư và khu du lịch Tràng An* (2008) do Sở VH&TT tỉnh, Bộ VH,TT&DL, Hội Di sản Văn hoá Việt Nam phối hợp tổ chức, nội dung Hội thảo đề cập đến hệ thống các DTLSVH gắn với các triều đại nhà Đinh, Lê và Lý, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai các hạng mục bảo tồn, khoanh vùng bảo vệ di sản, đảm bảo môi trường cảnh quan và chủ động, tích cực hoàn thiện hồ sơ công nhận di tích Cố đô Hoa Lư xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt và di sản văn hoá thế giới; Hội thảo *Ninh Bình 20 năm đổi mới và phát triển* (2012) đã chỉ ra thực trạng trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong địa bàn tỉnh Ninh Bình, đồng thời cũng nêu rõ vai trò của các giá trị văn hóa trong sự nghiệp phát triển du lịch của địa phương; Hội thảo về *Thân thế, sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Đại Hành và hoàng hậu Dương Vân Nga*; Hội thảo khoa học quốc gia *Vai trò của Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam* do UBND tỉnh Ninh Bình chủ trì, phối hợp với Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam; Hội thảo *Vai trò của Đinh Tiên Hoàng với sự nghiệp thống nhất quốc gia và việc nâng cấp lễ hội Trường Yên thành lễ hội cấp Nhà nước*; Hội thảo khoa học cấp quốc gia về *Vai trò của Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam* (2018) do UBND tỉnh Ninh Bình phối hợp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức...

lý, các hướng dẫn viên du lịch và nhân viên các điểm di tích về kiến thức chuyên môn liên quan đến di sản văn hóa. Các lớp học này không chỉ cung cấp kiến thức về pháp luật bảo vệ di tích, mà còn trang bị kỹ năng bảo tồn và phục hồi các di tích, cũng như kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn du khách về các giá trị lịch sử và văn hóa của các địa danh như chùa Bái Đính, Nhất Trụ và Bích Động.

Ngoài ra, UBND tỉnh Ninh Bình cũng đã mời các chuyên gia trong và ngoài nước tham gia vào công tác bảo tồn di tích. Các chuyên gia đã hỗ trợ trong việc đánh giá và lập kế hoạch bảo tồn các di tích Phật giáo cổ như chùa Bái Đính và Nhất Trụ, đồng thời nghiên cứu các phương pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản tại các khu vực này. Những di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An chứa đựng những giá trị kiến trúc, văn hóa tiêu biểu trải qua nhiều thời kỳ trong lịch sử Việt Nam. Việc nghiên cứu toàn diện về quần thể di tích này sẽ giúp cho việc quảng bá hình ảnh, giá trị đặc sắc của di tích đến với công chúng rộng rãi hơn, qua đó bảo tồn và phát huy được giá trị di tích trong thời đại hiện nay.

** Công tác tu bổ, tôn tạo di tích*

Nhận thức được vấn đề DTLSVH là tài sản vô giá đối với chính quyền và cộng đồng dân cư nên công tác bảo vệ cũng như tu bổ, tôn tạo, trùng tu tại các DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên luôn được các cấp chính quyền huyện Hoa Lư xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý di tích và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương. Nhiều DTLSVH ở Trường Yên, cụ thể là 03 ngôi chùa đã được xếp hạng là chùa Bái Đính (cổ), chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động được xây dựng từ hàng trăm năm trước với kết cấu truyền thống và vật liệu chủ yếu bằng gỗ, gạch, đá,... đây là những vật liệu dễ chịu những ảnh hưởng xấu của khí hậu, môi trường thiên nhiên cũng như những tác động của con người làm hư hại. Do vậy, các cơ quan quản lý di tích đã tổ chức chỉ đạo lập dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích đảm bảo đúng nguyên tắc, tính khoa học, thực hiện đúng quy trình đã được quy định theo các văn bản của quốc gia, của tỉnh: 1/Lựa chọn chính xác các di tích để lập dự án; 2/Tuyển chọn các

đơn vị có đủ điều kiện, năng lực, và uy tín tham gia lập dự án; 3/Tổ chức chỉ đạo cho các đơn vị khảo sát di tích lấy cơ sở dữ liệu để tiến hành lập dự án; 4/Tổ chức thẩm định dự án; 5/Tuyển chọn dự án. Qua khảo sát thực tế trong những năm qua, UBND xã Trường Yên đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy trình lập dự án cho việc trùng tu, tu bổ các di tích trên địa bàn xã.

Hiện nay, việc thực hiện tu bổ, tôn tạo các di tích chủ yếu bằng ba nguồn chính: 1/ Ngân sách Nhà nước; 2/Huy động các nguồn lực từ cộng đồng; 3/Nguồn lực từ doanh nghiệp.

Công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử tại xã Trường Yên được coi là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương. Ông Nguyễn Văn Lợi (65 tuổi, thôn Tràng An) cho biết:

Các DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên được nhà nước đầu tư tu bổ, tôn tạo, đến hiện nay các dự án đã hoàn thiện, người dân địa phương rất phấn khởi vì trước đây các di tích bị xuống cấp, các đồ thờ tự bị ảnh hưởng, nhiều khu di tích còn bị kẻ gian vào lấy cắp đồ thờ tự, nhưng đến nay các di tích được đầu tư, tu bổ khang trang, đẹp đẽ xứng tầm với diện mạo vốn có trước đây của các di tích [PV, ngày 16/6/2024].

Trao đổi với bà Nguyễn Thị Thành, 64 tuổi - một trong những hộ kinh doanh đồ hàng mã và quà lưu niệm lâu năm ở xã Trường Yên, bà cho biết:

Trước đây (trước năm 2008), nhiều khu di tích trên địa bàn xã xuống cấp đã làm hư hại nhiều đồ thờ tự bên trong, có những di tích không có người trông nom nên có hiện tượng các di vật có giá trị, nhưng từ khi khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích cấp quốc gia đặc biệt và nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận thì nhiều di tích trên địa bàn xã được nhà nước và cộng đồng đầu tư, tu bổ, và tôn tạo nhiều hạng mục các khu di tích; không gian các khu di tích được mở rộng, đẹp đẽ, và khang trang hơn trước nhiều [PV, ngày 16/6/2024].

Quá trình bảo quản, tu bổ được thực hiện thông qua việc khảo sát tình trạng di tích, lựa chọn chính xác các hạng mục trong di tích bị xuống cấp để lập dự án, tuyển chọn các đơn vị đủ năng lực, thực hiện khảo sát và thẩm định dự án theo đúng quy trình, quy định. Cụ thể như sau:

Tại chùa Nhất Trụ: Những năm gần đây, chùa Nhất Trụ đã bị xuống cấp nhiều hạng mục, nhất là phần mái lâu năm bị dột nát. Từ năm 2014, phần mái của nhà Tổ, Tam bảo bị xuống cấp, gây ảnh hưởng xấu tới hệ thống tượng thờ, đồ thờ, thậm chí lâu ngày có thể gây nguy hiểm cho bản tự, Phật tử, và du khách tới lễ chùa. Nhà chùa đã phải khắc phục bước đầu bằng cách căng các mảng nilon bên dưới mái, đồng thời dùng chậu nhựa để hứng nước mỗi khi trời mưa. Qua trao đổi với Ni sư Thích Đàm Yến (người đang giúp sự trụ trì chùa) cho biết:

Nhất là mỗi khi có những trận mưa to, cứ sau khoảng nửa tiếng là nước từ mái chùa rơi xuống đầy các chậu. Tôi phải thường xuyên túc trực để đổ nước đi và thay chậu khác, chứ không may, lỡ là thì nước tràn ra ướt hết cả nền nhà. Nhưng mà cũng không hứng hết được, vì chậu thì chỉ hứng được những chỗ dột to, còn những chỗ nhỏ giọt thì không hứng được, cho nên nước mưa vẫn dột xuống nền. Sợ nhất là mái bị thấm nước lâu ngày sẽ bị mục rữa rồi đổ sập lúc nào không biết [PV, ngày 16/6/2024].

Phần mái tại chùa Nhất Trụ có tình trạng xuống cấp, dột nát từ năm 2014 nhưng cho đến thời điểm khảo sát đầu năm 2024, vấn đề này vẫn chưa được các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét và xử lý triệt để. Vì thế, chùa Nhất Trụ rất cần thiết có sự tu bổ, phục hồi. Tuy nhiên, do chùa Nhất Trụ lại nằm trong hạng mục Di sản thế giới, nên việc tu bổ, tôn tạo là không đơn giản, phải tuân thủ các bước, qua nhiều khâu thẩm định. Nhưng đây không hoàn toàn là nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trong việc tu bổ chùa Nhất Trụ vốn đã rất cấp bách. Qua phỏng vấn, NCS được biết rằng, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự chậm trễ này là do những bất cập trong sự phối hợp giữa nhà chùa và chính quyền xã. Nhà chùa không được tư vấn và hỗ trợ đầy đủ về

các thủ tục xin cấp phép. Cán bộ phụ trách công tác này cũng không sát sao và quan tâm khiến cho việc xin cấp phép tu bổ trở nên khó khăn. Bên cạnh đó, mặc dù ở trong Quần thể danh thắng Tràng An nhưng chùa Nhất Trụ lại không xin nguồn kinh phí từ doanh nghiệp Xuân Trường mà nguồn kinh phí đến từ công đức và cộng đồng, vì thế, kinh phí cũng là một vấn đề nan giải với chùa. Đến cuối năm 2022, các cấp chính quyền mới thông qua phương án tu sửa chùa. Các hạng mục được trùng tu và tôn tạo, bao gồm : mái nhà Tổ, Tam Bảo, và nhà Tăng. Kinh phí để tu sửa chùa hoàn toàn do nhà chùa tự lo liệu và vận động quyên góp từ nguồn vốn xã hội hóa, không sử dụng ngân sách Nhà nước.

Tại chùa Bích Động: Dự án xây dựng lầu chuông tại chùa Bích Động nhằm mục tiêu bảo tồn và tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa của địa phương. Lầu chuông là một công trình quan trọng của chùa, nơi đặt chuông đại hồng chung và thực hiện các nghi lễ tôn giáo. Năm 2021, nhà chùa đã đề xuất xây dựng lầu chuông mới và gửi hồ sơ lên chính quyền địa phương và ngành Văn hóa. Sau nhiều lần chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ, cuối năm 2021, nhà chùa đã được sự chuẩn y của cơ quan chức năng và khởi công xây dựng lầu chuông tại khuôn viên vườn phía trước sân chùa Hạ. Tuy nhiên, quá trình thi công gặp nhiều trắc trở do cả điều kiện khách quan và chủ quan. Về khách quan, công trình phải tạm dừng khoảng 3 tháng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Về chủ quan, công trình không được xây dựng đúng theo bản thiết kế được duyệt. Cụ thể, bản thiết kế được duyệt cho phép thi công theo kết cấu gỗ, nhưng nhà chùa lại xây theo kết cấu bê tông cốt thép. Do đó, công trình bị tạm đình chỉ thi công gần 1 năm sau khi mới chỉ đổ xong móng và cột. Đến cuối năm 2022, công trình tiếp tục được thi công, và đến đầu năm 2023, lầu chuông đã hoàn thành.

Lầu chuông hiện nay gồm một đơn nguyên kiến trúc xây theo hình bát giác, với chiều rộng 6m và chiều cao 12m. Lầu chuông có kết cấu gồm 2 tầng: tầng 1 đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát cao 3m; tầng 2 treo một quả chuông đồng nặng 1 tấn. Mặc dù lầu chuông đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng cho di tích, nhưng qua quan sát thực tế, kết cấu và màu sắc của công

trình với tông màu sơn đỏ đậm, vàng nhạt không đảm bảo sự hài hòa với cảnh quan chung của di tích. Lầu chuông với vật liệu hiện đại và nhiều màu sắc đường như phá vỡ nét thâm nghiêm, cổ kính u tịch của một ngôi cổ tự nằm nép mình giữa sơn thủy, với những nét rêu phong của thời gian. Tại thời điểm khảo sát (tháng 6 năm 2023), qua trao đổi về việc xây dựng các đơn nguyên kiến trúc tại di tích phải phù hợp với tổng thể chung của công trình, sư trụ trì chùa Bích Động đã nhận ra sự không hài hòa của lầu chuông và chủ trương sẽ sửa chữa lại để phù hợp với cảnh quan chung trong thời gian tới.

Tại chùa Bái Đính (cổ): Do được xây dựng đã từ rất lâu, vì thế, chùa Bái Đính (cổ) cũng đã có những sự xuống cấp nghiêm trọng, cả các công trình chính và các công trình phụ trợ. Chính vì thế, chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo để bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của công trình. Tại chính điện, các phần tường, mái và cấu trúc của chính điện đều được trùng tu lại để bảo vệ sự ổn định của công trình, các chi tiết trang trí như tượng Phật và các họa tiết cũng được phục hồi. Các tượng Phật lớn trong chùa, đặc biệt là tượng Phật A Di Đà được sửa chữa, bảo quản cẩn thận, các tượng nhỏ hơn cũng được phục hồi, làm mới theo đúng nguyên mẫu. Lầu chuông và lầu trống cũng được tu bổ, sửa chữa để có âm thanh chuẩn khi sử dụng. Cổng chùa và tường rào được làm mới để giữ gìn nét đẹp của không gian và bảo vệ chùa. Ngoài ra, các hệ thống thoát nước, hệ thống điện, chiếu sáng cũng được cải tạo để phục vụ nhu cầu của người dân và du khách.

Tất cả các dự án trùng tu, tôn tạo cả ba ngôi chùa Bái Đính (cổ), Nhất Trụ, Bích Động nói riêng và Quần thể danh thắng Tràng An nói chung đều là một phần trong nỗ lực bảo vệ và phát triển giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển du lịch tâm linh tại tỉnh Ninh Bình.

2.2.3.5. Công tác phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Việc phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa trong đó có DTLDVH Phật giáo tại chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động³⁵ được Sở Văn hóa và Thể thao giao

³⁵ Riêng với chùa Bích Động, thông tin này tính ở thời điểm trước tháng 4.2025. Hiện nay (11.2025), hoạt động quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa tại chùa Bích Động được doanh nghiệp Xuân Trường thực hiện.

cho Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cố đô Hoa Lư phối hợp với trụ trì các ngôi chùa kết hợp tổ chức thuyết minh hướng dẫn cho khách tham quan. Hiện nay, Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cố đô Hoa Lư có một tổ thuyết minh tuyên truyền với 06 cán bộ thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, thuyết minh phục vụ cho các đoàn khách tham quan nghiên cứu, học tập tại các di tích. Các đoàn khách trong và ngoài tỉnh, khách nước ngoài có nhu cầu sẽ đăng kí và được hướng dẫn tham quan. Hàng năm có hàng trăm đoàn khách được phục vụ hướng dẫn tham quan, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa tại địa phương. Nội dung thuyết minh được kiểm duyệt, bổ sung thường xuyên, hàng năm có kiểm tra, bồi dưỡng, tập huấn về các kiến thức DSVH, nội dung giá trị của khu di tích cho đội ngũ thuyết minh này. Qua phỏng vấn, bà Lê Thị Bích Thục, phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cố đô Hoa Lư chia sẻ:

Tổ thuyết minh tại Trung tâm hoạt động rất chất lượng, với đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản và nhiệt tình trong công việc. Trung tâm thường xuyên tổ chức cho đội ngũ thuyết minh tham gia viết bài giới thiệu về Cố đô Hoa Lư với các nội dung khác nhau, phù hợp với tâm lý và trình độ của du khách. Ngoài ra, nhiều buổi sinh hoạt chuyên môn cũng được tổ chức với các đề tài chuyên sâu và phong phú, đa dạng như: Tìm hiểu về Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê, công tác khai quật khảo cổ học ở di tích Cố đô Hoa Lư, cách bố phòng quân sự của thời Đinh - Tiền Lê, trang trí mỹ thuật trên chất liệu gỗ, đá, và tìm hiểu về Hán Nôm tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành. Nhờ vào những nỗ lực này, nhiều đoàn khách trong và ngoài nước sau khi tham quan đều có phản hồi tích cực về đội ngũ thuyết minh của trung tâm... Các di tích trọng điểm khác như Chùa Nhất Trụ và Chùa Bích Động, Trung tâm chúng tôi cũng tham gia thuyết minh giới thiệu nếu khách du lịch có nhu cầu... [PV, ngày 16/6/2024].

Với chùa Bái Đính (cổ), Bà Hoàng Thị Thu Hương, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Du lịch sinh thái Tràng An cho biết, doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng để họ thấy được tầm quan trọng và giá trị của di sản, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác đối với việc bảo vệ di sản và môi trường tự nhiên.

Tỉnh Ninh Bình đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo ở khu vực Quần thể danh thắng Tràng An. Một ví dụ cụ thể là việc tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo tại Tràng An* với sự tham gia của các chuyên gia, tăng ni, phật tử và cộng đồng dân cư. Các buổi tọa đàm này không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản, mà còn cung cấp kiến thức về các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ di tích, di sản văn hóa.

Thêm vào đó, các chương trình giáo dục về pháp luật cũng được triển khai trong các trường học và cộng đồng dân cư, nhằm khuyến khích ý thức tự giác bảo vệ các di tích Phật giáo, đặc biệt là trong các lễ hội Phật giáo tổ chức tại Tràng An. Các tờ rơi, tài liệu tuyên truyền về giá trị văn hóa Phật giáo và các quy định bảo vệ di tích cũng được phát hành rộng rãi đến du khách và người dân.

Ngoài ra, tỉnh Ninh Bình còn tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý và nhân viên các điểm du lịch về cách thức bảo vệ di sản, ứng xử văn minh trong việc tham quan các di tích Phật giáo. Những hoạt động này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo, đồng thời thúc đẩy du lịch bền vững tại Tràng An.

Từ năm 2014 đến nay, các cơ quan chuyên ngành đã tổ chức 65 lớp tập huấn cho gần 9.000 người dân trong khu di sản nhằm nâng cao nhận thức về du lịch có trách nhiệm, quản lý, bảo vệ di sản cho cán bộ quản lý các khu du lịch, di tích lịch sử văn hóa cũng như bồi dưỡng kiến thức du lịch cho người dân làm dịch vụ tại các khu, điểm du lịch. Chính quyền địa phương tạo điều kiện để cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến vào việc hoạch định các cơ chế, chính sách, tham

gia quản lý di sản, hưởng lợi từ di sản, hình thành sự cân bằng giữa bảo tồn và đảm bảo sinh kế người dân, tiến tới xây dựng cộng đồng trở thành trung tâm trong công tác bảo vệ di sản.

Ông Nguyễn Cao Tấn, Phó Giám đốc Sở Du lịch Ninh Bình nhấn mạnh, đến nay, các yêu cầu, khuyến nghị của Ủy ban Di sản thế giới đã được tỉnh thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm. Bên cạnh đó, nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, nhận thức của chính quyền địa phương và cộng đồng về vai trò, tầm quan trọng của di sản được nâng lên rõ rệt. Các khu, điểm du lịch trong Khu Di sản đã thực sự đóng vai trò là hạt nhân, thúc đẩy phát triển du lịch Ninh Bình.

Qua thực tế công tác tổ chức và quản lý DSVH nói chung và quản lý di tích Phật giáo nói riêng cho thấy, hoạt động tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn nhân dân trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ DTLSVH có ý nghĩa quan trọng; nhằm giáo dục ý thức cho nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng về bảo tồn DTLSVH và những giá trị của văn hóa lịch sử trong di tích; hiểu rõ trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng đối với việc bảo vệ DTLSVH; hướng cho người dân thực hiện đúng quy định, tránh vi phạm pháp luật về di tích; đồng thời tích cực tham vào công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH tới cộng đồng xã hội.

Qua công tác nghiên cứu và khảo sát thực tế trên địa bàn xã Trường Yên thấy rằng, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong nhân dân, Ban Văn hóa và Thông tin xã đã tích cực áp dụng các hình thức tuyên truyền, cổ động trực quan như: panô, áp phích tuyên truyền *Luật Di sản văn hóa* trên các trục đường liên xã, liên thôn để đồng đảo nhân dân trong xã nắm rõ. Trong các buổi họp cơ sở của xã, thôn làng, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên hay các cuộc họp chi bộ thường xuyên có mặt cán bộ văn hóa xã tham dự. Tại cuộc họp người dân được tìm hiểu, bàn bạc, thảo luận công khai trên tinh thần dân chủ, xây dựng, đóng góp ý kiến về những vấn đề bảo vệ, tôn tạo di tích, về việc thực hiện *Luật Di sản văn hóa* trong cộng đồng. Qua đó nâng cao được ý thức, thúc đẩy người dân tự nguyện tham gia vào

công tác bảo vệ, giữ gìn các giá trị của DTLSVH. Ngoài ra, thực hiện sự chỉ đạo của Phòng VH&TT huyện Hoa Lư, UBND xã Trường Yên đã tăng cường công tác tuyên truyền *Luật Di sản văn hóa* trên hệ thống đài truyền thanh của xã để nhân dân cùng biết và thực hiện. Thông qua các hình thức tuyên truyền giúp người dân hiểu biết về giá trị cũng như trách nhiệm của mình để tham gia bảo vệ, phát huy giá trị DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên và huyện Hoa Lư một cách hiệu quả nhất. Qua trao đổi với ông Dương Văn Sơn, 52 tuổi, thôn Tràng An, ông Sơn cho biết:

.... không riêng gì gia đình tôi mà nhiều bà con làng xóm sớm nhận ra giá trị của các DTLSVH của làng xã. Do vậy, chúng tôi bảo nhau gìn giữ, bảo tồn không chỉ cho thế hệ hiện tại mà còn cho con cháu nhiều đời sau hiểu được những giá trị quý báu về văn hóa quê hương... Tôi được biết, hiểu thông qua một số kênh thông tin như ti vi chẳng hạn, facebook xem hàng ngày... [PV, ngày 16/6/2024].

Việc tổ chức các cuộc vận động, tuyên truyền sâu rộng tới quần chúng nhân dân cũng được UBND xã tiến hành thường xuyên, quán triệt đường lối của Đảng, pháp luật về DSVH, DT LSVH nhằm nâng cao nhận thức của các đoàn thể, cộng đồng dân cư về DSVH từ đó giúp họ có ý thức bảo vệ, giữ gìn các DSVH tại địa phương. Các văn bản được xã, thôn tuyên truyền đến người dân trong những cuộc họp và người dân tự tìm hiểu qua các phương tiện thông tin phổ biến hiện nay. Có thể nói, công tác tuyên truyền trong công tác bảo vệ, phát huy giá trị của di tích tại địa phương thời gian qua đã thu được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, nhân dân trong việc chung tay bảo vệ di tích đã được nâng lên rõ rệt, các vụ xâm hại không gian cảnh quan di tích giảm đi đáng kể, không có tình trạng mất cắp cổ vật. Nhiều hộ gia đình tự giác không bán hàng, chèo kéo du khách trước cổng vào di tích, nhiều người dân thực sự là những người giám sát có trách nhiệm, thường xuyên báo cáo kịp thời với các cấp chính quyền về mọi trường hợp vi phạm đến không gian cảnh quan di tích. Phần lớn các hộ dân trong vùng đã ý thức và xác định DTLSVH là một bộ phận

quan trọng của DSVH quốc gia và dưới sự quản lý của Nhà nước, nhân dân cần gìn giữ để phục vụ cho sự phát triển chung của địa phương và của đất nước. Nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất cho công tác quản lý DTLSVH thật sự xác đáng và hiệu quả, phân nào đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong công tác quản lý hoạt động và phát huy giá trị DTLSVH ở từng lĩnh vực cụ thể, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2.2.4. Công tác huy động các nguồn lực bảo tồn di tích

Các nguồn lực để bảo tồn và phát huy các giá trị di tích cơ bản bao gồm nguồn lực về con người, nguồn lực tài chính, ở đây luận án chủ yếu đề cập đến nguồn lực tài chính, vì đây là nguồn lực quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Nguồn kinh phí để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị DTLSVH bao gồm: Ngân sách Nhà nước³⁶ và xã hội hóa. Luận án đi sâu phân tích về nguồn xã hội hóa. Xã hội hóa là nguồn lực có tiềm năng, quan trọng cho công tác tu bổ, tôn tạo các DTLSVH. Nhiều di tích đã nhận được sự đóng góp, công đức của nhân dân, có nơi kinh phí do các nhà hảo tâm, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, doanh nghiệp đóng góp lên tới hàng tỷ đồng hoặc vài chục tỷ đồng. Hình thức công đức, ủng hộ của cộng đồng địa phương, du khách đến tham quan rất phong phú, có thể bằng tiền hoặc hiện vật như: Đồ thờ tự, công sức lao động, nguyên vật liệu xây dựng... Bằng hai nguồn kinh phí từ Nhà nước và xã hội hóa nên những năm gần đây, nhiều di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được tu bổ, tôn tạo khang trang sạch đẹp, đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu tâm linh về sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân địa phương và du khách. Để huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa trong bảo tồn, tôn tạo di tích không chỉ đối với chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động và Bái Đính (cổ) mà còn đối với tất cả các DTLSVH, tỉnh Ninh Bình là địa phương sớm triển khai áp dụng phương thức hợp tác công tư giữa Ban Quản lý di tích danh thắng Tràng An và doanh nghiệp tư nhân Xuân

³⁶ Ngân sách Nhà nước: được phân bổ từ các cấp ngân sách trung ương, tỉnh, huyện và xã. Đây là nguồn kinh phí quan trọng để thực hiện các dự án bảo tồn và tôn tạo DTLSVH.

Trường. UBND tỉnh Ninh Bình đã cho phép 2 đơn vị này thực hiện các văn bản thỏa thuận về hợp tác trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa Tràng An. Ban Quản lý và Doanh nghiệp Xuân Trường là hai chủ đầu tư tham gia hợp tác. Từ những năm 2000, Doanh nghiệp Xuân Trường đã đầu tư kinh phí tu bổ, tôn tạo các điểm tham quan, di tích thuộc Quần thể Danh thắng Tràng An với tổng vốn đầu tư 17.000 tỷ đồng; nạo vét sông, ngòi, hang, động; đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu du lịch... trên cơ sở đảm bảo được sự phát triển bền vững, lâu dài và không làm ảnh hưởng lớn đến sinh cảnh, sinh thái trong khu vực. Doanh nghiệp này cũng đã phối hợp cùng tỉnh và các bộ, ngành ở Trung ương trong quá trình nghiên cứu, xây dựng hồ sơ trình UNESCO xem xét công nhận Tràng An là di sản thế giới; tổ chức tốt việc khai thác di sản phục vụ cho du lịch; bảo vệ, bảo tồn di sản; giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan thiên nhiên trong vùng di sản và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định... Nhờ vào sự kết hợp đa dạng và linh hoạt của các nguồn kinh phí, từ ngân sách Nhà nước, sự đóng góp xã hội hóa, các Quỹ di sản văn hóa đến các chương trình và dự án hợp tác quốc tế, việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLSVH ở Ninh Bình đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả hơn. Ngoài Tập đoàn Xuân Trường, một số doanh nghiệp và công ty khác cũng tham gia đầu tư và khai thác quần thể danh thắng Tràng An, như Công ty Cổ phần Du lịch Tràng An. Đây là một trong những đơn vị chủ chốt trong việc phát triển du lịch tại khu vực Tràng An. Công ty này tham gia vào việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, khai thác các dịch vụ du lịch như tour tham quan Tràng An, đưa du khách tham gia các hoạt động trải nghiệm và khám phá cảnh quan thiên nhiên cũng như giá trị văn hóa của di tích. Công ty TNHH Du lịch Tam Cốc – Bích Động mặc dù không trực tiếp đầu tư vào Tràng An, nhưng công ty này cũng tham gia vào việc phát triển du lịch tại khu vực Ninh Bình, bao gồm cả Tràng An. Công ty khai thác các dịch vụ du lịch, tổ chức các tour du lịch kết hợp giữa các danh lam thắng cảnh khác nhau trong tỉnh, bao gồm Tràng An, Tam Cốc và Bái Đính. Các công ty du lịch lữ hành đưa du khách quốc tế đến tham quan Tràng An

thông qua các tour du lịch tổ chức cho các nhóm khách nước ngoài, quảng bá Tràng An như một điểm đến nổi bật trong các tour du lịch văn hóa và sinh thái tại Việt Nam.

Công tác huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể danh thắng Tràng An đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Các nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước, hợp tác quốc tế và sự tham gia của cộng đồng đã được huy động hiệu quả, giúp duy trì và bảo tồn hệ sinh thái, cũng như các giá trị văn hóa đặc sắc của khu vực. Công tác quản lý di sản đã được cải thiện với sự tham gia của đội ngũ chuyên gia và các tổ chức bảo tồn. Các hoạt động du lịch bền vững, kết hợp với giáo dục cộng đồng, đã giúp nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân trong bảo vệ di sản. Nhờ đó, Tràng An không chỉ được bảo tồn tốt mà còn phát triển mạnh mẽ về du lịch, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.2.5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý di tích lịch sử văn hóa

Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên về quản lý DTLSVH được Sở VH&TT tỉnh rất chú trọng: 1/ Đào tạo đội ngũ trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý DTLSVH; 2/ Tập huấn, đào tạo đội ngũ quản lý DTLSVH là các đại diện cho cộng đồng.

Đối với việc đào tạo đội ngũ trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý DTLSVH được thực hiện thông qua việc cử cán bộ đi học và tham gia vào các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn về quản lý di sản văn hóa. Thực tế cho thấy, lực lượng làm công tác quản lý DTLSVH ở tỉnh Ninh Bình nói chung và tại Quần thể Danh thắng Tràng An nói riêng đều không được đào tạo đúng chuyên ngành bảo tồn, bảo tàng, không đúng chuyên môn nên khó khăn trong giải quyết các công việc chuyên môn. Nguồn nhân lực còn yếu và thiếu về chuyên môn, thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hàng năm, Sở VH&TT tỉnh Ninh Bình đều tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn các văn bản pháp quy của Trung ương cũng như của

tỉnh Ninh Bình có liên quan đến DSVH. Đối tượng tham gia các lớp tập huấn là các lãnh đạo, nhân viên Sở VH&TT tỉnh Ninh Bình, lãnh đạo phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố, thị xã; đại diện các BQL di tích địa phương, cán bộ văn hóa xã. Nội dung phổ biến trong các lớp tập huấn bao gồm: 1/Giá trị của DSVH; 2/Phát huy giá trị di tích phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; 3/Vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ DSVH; 4/Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; 5/Các văn bản dưới luật như các Nghị định, Thông tư, Chỉ thị có liên quan đến DSVH; 6/Các văn bản do UBND tỉnh, Sở VH&TT ban hành về DTLSVH như Quy chế quản lý và sử dụng DTLSVH, Quy định về quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cán bộ giảng dạy tại các lớp tập huấn thường là lãnh đạo của Sở VH&TT, Phòng Di sản văn hóa, lãnh đạo BQL di tích và Danh lam thắng cảnh Tràng An. Ngoài ra, Sở VH&TT còn mời các chuyên gia của Cục Di sản văn hóa, các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực di sản tham gia nói chuyện, cập nhật các hướng dẫn của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa. Thời gian tổ chức các lớp tập huấn thường từ 2 - 3 ngày, trong đó có một ngày phổ biến, hướng dẫn các nội dung theo văn bản của nhà nước liên quan đến DSVH, một ngày dành cho các đại biểu tham quan thực tế tại một điểm di tích cụ thể.

Việc tổ chức các lớp tập huấn giúp cho các đối tượng đang tham gia trực tiếp vào hoạt động quản lý di tích tại cơ sở hiểu biết sâu về *Luật Di sản văn hóa*, từ đó áp dụng trong quá trình quản lý DSVH nói chung và di tích nói riêng. Trên cơ sở nhận thức rõ những văn bản pháp quy mà nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tiến trình bảo tồn DSVH dân tộc. Điều cơ bản cần tuân thủ những nguyên tắc đã được nêu ra trong các văn bản pháp lý của Đảng và Nhà nước. Để đánh giá kết quả của hoạt động tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân về pháp luật bảo vệ di tích, NCS đã phỏng vấn một số cán bộ tham gia chương trình học tập do Sở VH&TT tỉnh Ninh Bình tổ chức năm 2017. Trao đổi với chị Lê Mai Uyên, Cán bộ thuyết minh tại Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư cho biết: “Được tham dự lớp tập huấn về quản lý di tích do Sở

VH&TT tỉnh tổ chức là rất thiết thực, giúp cho chúng tôi nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc quản lý di tích” [PV, ngày 30/08/2023].

Trao đổi với chị Nguyễn Thị Nhung 35 tuổi phụ trách ở tổ công đức trong khu di tích Cổ đô Hoa Lư, chị Nhung cho biết:

Là cán bộ phụ trách ở tổ công đức của Trung tâm bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư, tôi chưa được đào tạo chuyên sâu ngành văn hóa, đặc biệt là các di tích, nên sự hiểu biết về khu di tích còn nhiều hạn chế, khi được tham dự các lớp tập huấn sẽ giúp hiểu thêm về ý nghĩa và giá trị của di tích và lễ hội Hoa Lư trong đời sống văn hóa của người dân Trường Yên nói riêng và người dân tỉnh Ninh Bình nói chung [PV, ngày 30/08/2023].

Nhìn chung, việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý DTLSVH trong thời gian qua cho thấy đã có sự tham gia phối hợp của các bên liên quan tuy nhiên các lớp đào tạo bồi dưỡng chưa được diễn ra thường xuyên và đổi mới phương thức đào tạo phù hợp.

2.2.6. Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật

Công tác thi đua khen thưởng trong quản lý di sản văn hóa giúp khuyến khích và ghi nhận những cá nhân, tổ chức có đóng góp tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Đồng thời, công tác xử lý kỷ luật đảm bảo việc tuân thủ quy định, ngăn ngừa hành vi xâm phạm hoặc làm hư hại di sản, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ di sản văn hóa.

Ủy ban nhân dân xã, Ban QLDT hàng năm đã phát động rộng rãi phong trào thi đua lập thành tích trong các ngày lễ lớn và đã có hình thức khen thưởng cụ thể:

UBND xã Trường Yên, xã Gia Sinh và xã Ninh Hải đều đưa ra các tiêu chí chung đánh giá thi đua, khen thưởng cho các thôn về công tác quản DTSLVH. Các tiêu chí gồm: tuyên truyền, phổ biến *Luật Di sản văn hóa* và các văn bản pháp lý liên quan; sáng kiến quảng bá, phát huy giá trị di tích; tham gia lập dự án đầu tư, tu bổ, bảo tồn di tích; thanh tra, kiểm tra, chống vi phạm

và bảo vệ di tích; giải quyết kịp thời khiếu nại, đơn thư về di tích. Các thôn và Ban QLDT di tích phải báo cáo thành tích để UBND xã xem xét khen thưởng, bao gồm giấy khen và phần thưởng cho các cá nhân, tổ chức tiêu biểu. Hàng năm, UBND xã còn tổ chức tọa đàm nhân dịp Ngày Di sản Văn hóa 23/11 để biểu dương các thành tích này. Bên cạnh các tiêu chí để khen thưởng thì việc thực hiện kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân có vi phạm liên quan đến DTLSVH cũng được UBND xã quan tâm và tiến hành xử phạt theo khung hành chính quy định tại điều 15 của Nghị định số 31/2001/NĐ về việc “Xử phạt hành chính trong lĩnh vực văn hóa”, tuy nhiên, do nhận thức của người dân đã được nâng cao, các cá nhân và tổ chức đã có ý thức chấp hành tốt về công tác bảo vệ, giữ gìn, phát huy giá trị của di tích nên chỉ có một vài hành vi như: để đồ nguyên vật liệu vào trong khuôn viên di tích, để gia súc, gia cầm đi vào khu di tích... Các hình thức xử lý của UBND xã chỉ là nhắc nhở, cảnh cáo chưa có vi phạm nào nặng hay phạt tiền. Đặc biệt, việc khen thưởng cá nhân và tổ chức trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH tạo động lực tích cực để người dân tham gia bảo vệ di sản, giúp công tác quản lý di tích đạt hiệu quả. Các tầng lớp nhân dân cảm thấy mình là chủ thể trong các hoạt động bảo vệ di tích và nhận được sự công nhận cho những đóng góp của mình. Đồng thời, các tổ chức và cá nhân có hành vi sai phạm liên quan đến di tích cũng nhận thức được tác hại của hành động mình gây ra và tự giác sửa chữa, bởi vì những sai phạm này sẽ bị cộng đồng lên án, từ đó giảm thiểu vi phạm.

2.2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý di tích, xử lý vi phạm về di tích lịch sử văn hóa

Căn cứ vào *Luật Di sản văn hóa* và các văn bản dưới Luật của Đảng và Nhà nước; căn cứ vào các quyết định của UBND Ninh Bình và các chỉ thị, quyết định của Sở VH&TTDL tỉnh Ninh Bình về công tác bảo vệ và quản lý các di sản văn hóa, trong đó có Quần thể danh thắng Tràng An, cấp ủy, chính quyền huyện Hoa Lư đã trực tiếp chỉ đạo các phòng ban chức năng của huyện như: Phòng VH&TT, Trung tâm VH&TT, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phòng Nội vụ,

Công an, Thanh tra huyện, UBND xã Trường Yên, xã Gia Sinh và xã Ninh Hải phối hợp trong hoạt động tổ chức kiểm tra công tác quản lý tại các điểm DTLSVH trên địa bàn các xã. Thông qua đó đã phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong tu bổ, tôn tạo của các DTLSVH, tình hình mê tín dị đoan trong lễ hội và các biểu hiện khác nhau không đúng với Quy chế tổ chức lễ hội. Thông tin phản ánh từ cộng đồng cư dân về những vi phạm quản lý di tích được tiếp nhận nhanh chóng, kịp thời để có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Trong năm 2023, UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo kiểm tra tổng thể việc quản lý tiền công đức và tài trợ tại các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, bao gồm các chùa Phật giáo. Các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức và tài trợ, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng mục đích. Thường trực HĐND tỉnh Ninh Bình cũng đã triển khai hoạt động giám sát quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, trong đó có các DTLSVH Phật giáo. Các hoạt động giám sát tập trung vào việc tu bổ, tôn tạo, quản lý đất đai và tài chính tại các di tích. Đối với công tác trùng tu, tu bổ, tôn tạo các DTLSVH trên địa bàn xã Trường Yên, đặc biệt là với các ngôi chùa tham gia khảo sát, kế hoạch kiểm tra công tác trùng tu, tu bổ, và tôn tạo các hạng mục công trình được xây dựng chi tiết với các nội dung cơ bản như: Kiểm tra hồ sơ, dự án tu bổ, tôn tạo ; kiểm tra thực tế về xây dựng, kinh doanh dịch vụ trong khu vực không gian di tích. Thành phần tham dự kiểm tra gồm: Lãnh đạo UBND huyện, xã, Ban văn hóa xã, đơn vị thi công, đơn vị giám sát, cán bộ Tiểu Ban QLDT, đại diện cộng đồng dân cư xã Trường Yên, xã Gia Sinh và xã Ninh Hải. Thành phần đoàn kiểm tra bao gồm đại diện Sở VH&TT, lãnh đạo UBND tỉnh Ninh Bình, Phòng VH&TT huyện, Công an (phụ trách an ninh văn hóa), lãnh đạo Ban QLDT. Để đảm bảo tốt cho đợt kiểm tra, BQL di tích các xã phải chuẩn bị hồ sơ và báo cáo tiến độ thực hiện các dự án. Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi dự án phải báo cáo cho đoàn kiểm tra nắm được để trả lời người dân khi được hỏi.

Ngoài các cuộc kiểm tra theo định kì thì thanh tra Sở VH&TT, Ban

QLDT di tích tỉnh, Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An cùng các cơ quan có liên quan có thể phối hợp tham gia các đoàn kiểm tra đột xuất tại các di tích. Đã có khá nhiều các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất, đặc biệt vào các dịp lễ hội tại chùa Bái Đính (cổ), Nhất Trụ và Bích Động. Trong những đợt kiểm tra này, các lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể đều đánh giá về những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý di tích, chuẩn bị lễ hội, có sự kết hợp tốt giữa Ban Trị sự nhà chùa với cộng đồng dân cư và các cấp chính quyền cùng với doanh nghiệp (đối với chùa Bái Đính (cổ)) nên tình trạng chèo kéo khách du lịch, khẩn thuê, rút quẻ dịch vụ tại Quần thể danh thắng Tràng An gần như không có bóng dáng. Tuy nhiên, việc đặt tiền lễ không đúng nơi quy định, dịch vụ đòi tiền lễ, tình trạng vứt rác bừa bãi, xâm hại các di tích, cổ vật, quản lý tiền công đức còn chưa thật sự chặt chẽ...

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trong quản lý DTLSVH Phật giáo giúp đảm bảo việc bảo vệ, tu bổ và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách bền vững. Những hoạt động này không chỉ giúp phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vi phạm, mà còn đảm bảo rằng các DTLSVH Phật giáo được quản lý đúng theo các quy định pháp luật và kế hoạch bảo tồn. Thông qua công tác giám sát, các cơ quan chức năng có thể duy trì chất lượng di tích, ngăn ngừa các hiện tượng xâm hại, và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ di sản. Đây cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả công tác quản lý, từ đó đưa đề xuất kịp thời các biện pháp nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ, phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo.

2.3. Đánh giá chung về công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong quần thể danh thắng Tràng An

2.3.1. Ưu điểm

Thực tế cho thấy các bên liên quan đã tham gia phối hợp trong việc tham mưu ban hành các văn bản quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý di tích, lễ hội đảm bảo kịp thời góp phần thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ như kiểm kê, xếp hạng di tích, kiểm kê cổ vật, bảo quản tu bổ, tôn tạo di tích, phát huy giá trị di tích.

Các cơ quan quản lý nhà nước đã thể hiện vai trò trụ cột trong xây dựng cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò, hiệu quả quản lý; tuyên truyền, đồng hành với doanh nghiệp và người dân. Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Công ước Di sản thế giới và pháp luật Việt Nam, các nghị quyết, quy định chỉ đạo về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại Ninh Bình đã được ban hành trên nhiều phương diện: quản trị và quản lý di sản; bảo vệ di sản văn hóa và các tài nguyên khảo cổ học; bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường, du lịch sinh thái và các hoạt động thương mại khác để phát triển bền vững. Các nghị quyết, quy định đã tạo nền tảng công cụ quản lý, đảm bảo một cơ chế tư vấn hợp lý giữa các cơ quan quản lý để duy trì cách tiếp cận cân bằng giữa phát triển du lịch với quản lý di sản và bảo tồn thiên nhiên. Các cơ quan nhà nước cũng đồng hành cùng các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân tham gia quản lý, khai thác, phát huy các giá trị của di sản. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về bảo tồn di sản và nghiệp vụ kinh doanh, khai thác du lịch cho doanh nghiệp và người dân; hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, phát triển thị trường; đầu tư, tôn tạo khu, điểm du lịch.

Doanh nghiệp có nhiệm vụ bảo tồn các giá trị của di sản, kinh doanh các loại hình dịch vụ du lịch trong phạm vi cho phép tại khu du lịch sinh thái Tràng An - Bái Đính - Tam Cốc - Bích Động. Doanh nghiệp còn đứng ra tài trợ các dự án nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế để tư vấn chiến lược liên quan tới phát triển, bảo tồn, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch.

Đối với người dân, công tác phổ biến quy định về quản lý, bảo vệ di sản được tổ chức thường xuyên; vận động chính quyền các địa phương đưa các nội dung về quản lý, bảo vệ di sản vào quy ước, hương ước, xây dựng cộng đồng nhân dân, doanh nghiệp tự nguyện tham gia bảo tồn, phát huy các giá trị của di sản. Cộng đồng dân cư được tham gia hoạch định cơ chế, chính sách, cũng như quản lý di sản, hưởng lợi từ di sản; từ đó hình thành được sự cân bằng giữa bảo tồn và đảm bảo sinh kế người dân, tiến tới xây dựng cộng đồng trở thành “trung tâm” trong công tác bảo vệ di sản.

2.3.2. Hạn chế

Việc phối hợp giữa các bên liên quan trong các cơ quan quản lý DTLSVH Phật giáo ở Quần thể danh thắng Tràng An còn một số bất cập và hạn chế. *Thứ nhất, có sự thách thức về pháp lý và quy hoạch.* Chùa Bái Đính (cổ) và 2 ngôi chùa Nhất Trụ, Bích Động có mô hình quản lý khác nhau, dẫn đến chưa thống nhất trong việc xây dựng một quy hoạch tổng thể. Bên cạnh đó, do có liên quan lợi ích kinh tế đến từ du lịch nên việc khoanh vùng bảo vệ di tích, xác định chức năng, quyền hạn giữa các bên liên quan còn một số xung đột. Một số văn bản pháp lý còn chưa hoàn thiện chặt chẽ trong việc bảo vệ di sản, đặc biệt là các DTLSVH Phật giáo. *Thứ hai, có áp lực về phát triển du lịch nhanh tác động đến bảo tồn di sản.* Lượng khách du lịch đến Quần thể danh thắng Tràng An ngày một gia tăng có thể gây hư hại các công trình cổ, đặc biệt là những di tích như chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động (trượng đá, bia đá, nhũ đá...). Việc bảo tồn các di tích cần phải có nguồn lực lớn đến từ tài chính, áp dụng công nghệ khoa học hiện đại và nhân lực có trình độ cao. *Thứ ba, có thách thức về phát triển du lịch bền vững.* Việc phát triển về du lịch tâm linh rất dễ dẫn đến sự thương mại hóa, làm mất tính linh thiêng và giá trị văn hóa nguyên bản của các ngôi chùa. Sự gia tăng nhanh chóng của lượng khách du lịch gây áp lực lớn lên cơ sở hạ tầng, bao gồm giao thông, bãi đỗ xe, hệ thống vệ sinh... *Thứ tư, có thách thức về vai trò cộng đồng.* Việc hạn chế các hoạt động khai thác tài nguyên tại Quần thể danh thắng Tràng An có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn sinh kế của người dân địa phương. Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở cả 3 khu vực Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng chưa thường xuyên và hiệu quả. Nguồn nhân lực quản lý di sản văn hóa còn thiếu về số lượng, thiếu chuyên nghiệp, công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng bộ và chuyên sâu; đội ngũ cán bộ có trình độ cao còn ít. Việc phối hợp trong hoạt động hướng dẫn chuyên môn về quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích cũng chưa cụ thể, chưa sát tình hình thực tế, tính thiết thực và hiệu quả chưa cao.

Tiểu kết

Trong chương 2, luận án đã làm rõ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về DTLSVH Phật giáo, cùng với vai trò của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo, sư/ni trụ trì, cộng đồng cư dân và doanh nghiệp. Luận án đã khảo sát đánh giá sự phối hợp giữa các bên liên quan trong các hoạt động quản lý di tích: 1/ Phối hợp ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về DTLSVH; 2/ Phối hợp xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo tồn di tích; 3/ Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn bảo tồn di tích; 4/ Phối hợp thực hiện huy động các nguồn lực trong hoạt động bảo tồn di tích; 5/ Phối hợp thực hiện đào tạo cán bộ quản lý di tích; 6/ Phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về di tích. Tuy nhiên, công tác quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An hiện vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Luận án đã khảo sát và phân tích toàn diện về thực trạng hoạt động quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An.

Luận án đã làm rõ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về DTLSVH Phật giáo, cũng như vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích của các cấp quản lý, của Giáo hội Phật giáo, sư/ni trụ trì cùng cộng đồng cư dân và doanh nghiệp. Luận án đánh giá việc ban hành, thực hiện các văn bản pháp lý với những mặt làm được và chưa làm được nhằm quản lý bảo tồn và phát huy giá trị của DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng và DTLSVH nói chung ở tỉnh Ninh Bình. Việc thực hiện tổ chức tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật về di tích cho cộng đồng, từ đó nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ di sản văn hóa trong cộng đồng được tỉnh Ninh Bình triển khai rất tốt. Đồng thời, chỉ ra cách thức tổ chức, triển khai các hoạt động nghiệp vụ cũng như đánh giá hiệu quả của các hoạt động liên quan đến quản lý bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Đặc biệt, công tác huy động và quản lý nguồn lực tài chính, nhân lực cho việc quản lý bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo tại 3 địa điểm nghiên cứu, luận án đã chỉ ra được những điểm mạnh của việc huy động nguồn lực xã hội hóa (phát huy vai trò của doanh nghiệp) trong quá trình

quản lý di sản nhưng rõ ràng cũng có những bất cập cần phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan quản lý Nhà nước – doanh nghiệp – cộng đồng. Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật đã được triển khai có hiệu quả nhưng chưa thường xuyên. Công tác thanh tra và giám sát vẫn còn nhưng tồn tại, hạn chế nhất định.

Từ những nghiên cứu về thực trạng công tác quản lý DTLSVH, chương 2 của luận án đã cung cấp cái nhìn tổng quan và chi tiết về thực trạng hoạt động quản lý các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, đây là cơ sở cho những đề xuất nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các DTLSVH Phật giáo trong chương 3 của luận án.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN

3.1. Cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp quản lý

3.1.1. Cơ sở pháp lý liên quan đến công tác quản lý di tích

Các Công ước quốc tế đóng vai trò quan trọng, tạo ra một cơ sở và hành lang pháp lý nhằm giúp các quốc gia và cộng đồng thực hiện các biện pháp bảo tồn hiệu quả, bảo vệ di sản văn hóa cho các thế hệ tương lai. Các Công ước này không chỉ giúp bảo vệ di sản vật thể và phi vật thể, mà còn giúp nâng cao nhận thức về giá trị của các di sản văn hóa trong bối cảnh phát triển bền vững [73]³⁷. Đảng và Nhà nước luôn xác định văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. Do đó, tại các Nghị quyết của Đảng luôn đưa ra chủ trương nhất quán về việc quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp phát triển văn hóa của đất nước. Trong đó, vấn đề bảo tồn di sản văn hóa dân tộc là một nội dung quan trọng được đề cao. Minh chứng cho việc này là có nhiều văn bản và hướng dẫn định hướng cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các DTLSVH³⁸.

³⁷ Công ước về bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (Công ước di sản thế giới - 1972) của Tổ chức giáo dục, khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý quốc tế để bảo vệ các di sản văn hóa và thiên nhiên nổi bật và khuyến khích các quốc gia tham gia vào quá trình này. Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ra đời năm 2003 nhằm đảm bảo sự bảo vệ và phát huy giá trị của các yếu tố phi vật thể (truyền thống, nghi lễ, lễ hội...).

³⁸ Luật Di sản văn hóa (2001, sửa đổi bổ sung 2009): Đây là văn bản pháp lý cơ bản quy định về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tại Việt Nam, bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể. Luật này đưa ra các quy định về việc bảo vệ di sản văn hóa, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn [45]; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP về quản lý di sản văn hóa: Nghị định này quy định chi tiết về quản lý di sản văn hóa, trong đó có các phương thức bảo tồn di tích, quy trình thẩm định và cấp phép cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích [18]; Thông tư số 17/2012/TT-BVHTTDL quy định về quản lý và bảo vệ di tích: Thông tư này quy định cụ thể về các hoạt động bảo vệ di tích, các tiêu chuẩn và thủ tục đối với việc bảo tồn, tôn tạo các di tích [12]; Quyết định số 2431/QĐ-BVHTTDL về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa: Quyết định này đề ra các chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội [14]; Chỉ thị số 02/CT-BVHTTDL về tăng cường công

Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình đã được Tổ chức Khoa học Giáo dục và Văn hóa của Liên hợp Quốc (UNESCO) tôn vinh, ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới hỗn hợp từ năm 2014 (theo Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới) và hệ thống DTLSVH Phật giáo nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An. Do đó, nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy DTLSVH Phật giáo nằm trong Quần thể danh thắng Tràng An phải được tuân thủ thực hiện theo Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới³⁹, tại Điều 4, Điều 5 của Công ước 1972 cũng đã quy định rõ những vấn đề về trách nhiệm, sự đảm bảo, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và sự trao truyền⁴⁰. Đồng thời Công ước UNESCO 1972 quy định các quốc gia thành viên phải nỗ lực bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa⁴¹. Thực hiện Công ước này, cho đến nay, Việt Nam đã 4 lần đảm nhiệm vai trò thành viên của Hội đồng Chấp hành UNESCO (các nhiệm kỳ 1978-

tác bảo vệ di sản văn hóa: Chỉ thị này nhấn mạnh sự cần thiết của công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, yêu cầu các cơ quan liên quan phải tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác di sản bền vững [13]; Quyết định số 2551/QĐ-BVHTTDL về việc triển khai các chương trình, dự án bảo tồn di sản: Quyết định này đưa ra các kế hoạch, dự án cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là đối với các di tích và di sản mang tính quốc gia [15].

³⁹ Nội dung Công ước 1972 có nội dung định hướng cho công tác bảo tồn di sản văn hóa như sau: Nhận thấy rằng: di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ngày càng bị đe dọa hủy hoại, không chỉ do những nguyên nhân truyền thống mà còn do những thay đổi về xã hội và kinh tế, hoặc nghiêm trọng hơn là những hiện tượng phá hoại hoặc hủy hoại. Xét rằng: trước những mối nguy hiểm to lớn và trầm trọng mỗi đe dọa chúng, toàn thể cộng đồng quốc tế phải tham gia vào việc bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên có giá trị quốc tế đặc biệt, bằng cách viện trợ tập thể mà không phải là thay thế công việc của nước hữu quan để hoàn thành một cách có hiệu quả [73].

⁴⁰ Điều 4, Điều 5 của Công ước 1972: “Mỗi một quốc gia tham gia Công ước này công nhận rằng trách nhiệm đảm bảo việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo, và truyền lại cho các thế hệ tương lai di sản văn hóa và tự nhiên nằm trên lãnh thổ của mình”.

⁴¹ Công ước 1972 ghi rõ: 1/ Thực hiện một chính sách chung nhằm trao cho di sản văn hóa và thiên nhiên một chức năng trong đời sống của cộng đồng và đưa việc bảo vệ di sản đó vào các chương trình quy hoạch toàn diện; 2/ Thiết lập, nếu chưa có, trên lãnh thổ của mình một hoặc nhiều cơ quan bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên với một đội ngũ nhân viên phù hợp và các phương tiện để giúp họ hoàn thành nhiệm vụ; 3/ Tiến hành các nghiên cứu khoa học kỹ thuật và xác lập các phương pháp hoạt động để Quốc gia đó có thể đối phó với những hiểm họa đe dọa di sản văn hóa và thiên nhiên của mình; 4/ Tiến hành những biện pháp thích hợp về luật pháp, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính cần thiết cho việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, giới thiệu và phục hồi di sản đó; 5/ Khuyến khích thiết lập hoặc phát triển các trung tâm đào tạo tầm quốc gia hoặc khu vực về bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên, khuyến khích nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này [73].

1982, 2001-2005, 2009-2013 và 2015-2019, Thành viên Ủy ban Di sản thế giới nhiệm kỳ 2013-2017”, qua đó định hình các chính sách, chiến lược, chương trình của UNESCO liên quan đến bảo tồn di sản.

Trên cơ sở định hướng của Đảng và nội dung Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, để nâng cao hiệu quả quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, chúng ta phải cùng cộng đồng quốc tế nghiêm túc thực thi theo Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, đồng thời phải bám sát theo định hướng của Đảng về nội dung bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc và cần phải thực thi có hiệu quả cơ chế, chính sách của nhà nước về bảo tồn DTLSVH, di sản văn hóa dân tộc [73].

3.1.2. Cơ sở thực tiễn từ công tác quản lý di tích hiện nay của tỉnh Ninh Bình

Hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An có giá trị lịch sử, có ý nghĩa sâu sắc trong đời sống văn hóa cộng đồng, có tiềm năng lợi thế để phát triển kinh tế du lịch nhưng hiện nay cũng đang đứng trước thách thức của xu thế toàn cầu hóa tác động vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa. Bên cạnh những mặt tích cực, cũng không loại trừ nguy cơ hệ thống di tích văn hóa Phật giáo bị xâm hại gây tổn thương, biến dạng, phai nhạt bản sắc dân tộc. Bởi vậy, để bảo tồn hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An trong giai đoạn hiện nay, cần vận dụng và tuân thủ các nguyên tắc:

Phải tuân thủ theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có nhiệm vụ chăm lo phát triển văn hóa: hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An là tài sản văn hóa có giá trị cần phải được quản lý, bảo tồn và phát huy trong đời sống xã hội đương đại.

Công tác quản lý và bảo tồn DTLSVH Phật giáo cần phải tuân thủ các quy định chung của cộng đồng Quốc tế bởi Việt Nam đã là thành viên tham gia Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, do đó Việt Nam vừa phải thực thi nghĩa vụ Quốc tế để đảm bảo lợi ích cho di sản văn hóa vật thể, cụ thể trong trường hợp này là hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An - Di sản văn hóa và thiên nhiên đã được UNESCO tôn vinh, ghi danh. Đây cũng là cơ sở để vận dụng đề ra các giải pháp quản lý, bảo tồn thiết thực.

Kế thừa và phát triển Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)⁴², Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) (năm 2014)⁴³, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)⁴⁴; Căn cứ tài liệu hướng dẫn thực hiện Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, UNESCO cũng xác định “Di sản văn hóa và thiên nhiên là những tài sản vô giá và không thể thay thế được, không chỉ của một dân tộc, mà còn là của nhân loại”. Để đảm bảo quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã khuyến khích các nước thành viên xây dựng chính sách chung nhằm quản lý, bảo tồn di sản, trong đó có nội dung “Thành lập cơ quan bảo vệ, bảo tồn và tôn tạo di sản văn hóa và tự nhiên, có số nhân viên thích hợp và có đủ phương tiện thực hiện các nhiệm vụ được giao”.

Quần thể danh thắng Tràng An, được UNESCO ghi danh là di sản thế giới hỗn hợp, là sự kết hợp độc đáo giữa di sản văn hóa và thiên nhiên. Với vẻ đẹp kỳ vĩ và giá trị lịch sử, Tràng An đã trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, khám phá và

⁴² Về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

⁴³ Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

⁴⁴ Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

trải nghiệm. Quần thể này sở hữu nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế du lịch. Chính vì vậy, việc nâng cao hiệu quả quản lý các DTLSVH Phật giáo trong khu vực Tràng An cần được thực hiện dựa trên nhận thức thống nhất. Việc bảo tồn và quản lý di sản văn hóa không chỉ dừng lại ở việc lưu giữ tài sản quý giá, mà còn phải phát huy giá trị vai trò giáo dục phục vụ cho sự phát triển bền vững hiện tại và tương lai. Cần làm phong phú thêm giá trị của di sản, nâng cao ý nghĩa văn hóa, thay vì chỉ bảo tồn theo cách truyền thống. Mục tiêu là làm cho giá trị di sản văn hóa thấm sâu vào mỗi cá nhân và toàn xã hội, để từ đó không chỉ được gìn giữ mà còn tiếp tục sáng tạo, làm giàu thêm vẻ đẹp, trở thành nguồn động lực tinh thần mạnh mẽ cho sự phát triển. Đồng thời, di sản văn hóa cần được bảo tồn tại không gian văn hóa gốc, nơi nó hình thành và phát triển. Việc này đòi hỏi sự hài hòa giữa bảo tồn các yếu tố truyền thống và việc điều chỉnh thích nghi với bối cảnh xã hội hiện đại.

Quần thể danh thắng Tràng An là một di sản thế giới kép được UNESCO ghi danh, mang giá trị to lớn không chỉ về thiên nhiên mà còn về văn hóa, lịch sử. Các DTLSVH Phật giáo trong quần thể này là minh chứng sống động cho sự giao thoa giữa vẻ đẹp tự nhiên và chiều sâu tâm linh, góp phần làm phong phú thêm di sản văn hóa dân tộc. Để bảo tồn và phát huy giá trị của những di sản này, việc quản lý cần được tiến hành theo những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, vừa đảm bảo gìn giữ những giá trị nguyên bản, vừa khai thác tiềm năng để phát triển bền vững.

Mục tiêu: Việc bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An hướng đến các mục tiêu quan trọng. Trước tiên, cần gìn giữ toàn diện các di tích, bảo vệ nguyên vẹn cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc và giá trị tâm linh gắn liền với di sản. Điều này đòi hỏi duy trì sự hài hòa giữa các yếu tố tự nhiên và văn hóa, ngăn ngừa các tác động tiêu cực từ hoạt động của con người hoặc sự biến đổi môi trường. Việc phát huy vai trò của

giá trị giáo dục, giá trị văn hóa là một trong những ưu tiên hàng đầu. Các DTLSVH Phật giáo cần được tôn vinh và sử dụng như một ngôi trường thứ hai để học tập và truyền tải các giá trị nhân văn, đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc đến với cộng đồng và thế hệ trẻ. Đây sẽ là nguồn cảm hứng tích cực, thúc đẩy sự đoàn kết và ý thức bảo tồn trong xã hội. Song song với đó, cần kết hợp việc bảo tồn di tích với phát triển kinh tế du lịch bền vững. Điều này đòi hỏi xây dựng các mô hình du lịch gắn với giá trị văn hóa Phật giáo, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ di sản.

Nhiệm vụ: Việc quản lý chặt chẽ di tích là nhiệm vụ cốt lõi. Điều này bao gồm giám sát việc tu sửa, bảo tồn không gian linh thiêng và kiểm soát các hoạt động khai thác tại di tích, đảm bảo không làm tổn hại đến giá trị nguyên bản. Song hành với đó là các chương trình nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản tuyên truyền, giáo dục. Đặc biệt, thế hệ trẻ cần được giáo dục để trở thành lực lượng kế thừa ý thức trách nhiệm bảo tồn di sản. Tiếp theo, cần phát triển các tuyến du lịch gắn liền với di sản Phật giáo, mang lại những trải nghiệm độc đáo cho du khách, đồng thời tạo động lực phát triển kinh tế địa phương. Cuối cùng, việc nghiên cứu và bảo tồn phải được đặt lên hàng đầu, kết hợp giữa bảo tồn truyền thống và ứng dụng các giải pháp hiện đại nhằm thích nghi với sự thay đổi của xã hội. Cần thiết phải xây dựng các cơ chế hợp tác hiệu quả với các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao chất lượng quản lý DTLSVH Phật giáo.

3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử văn hóa trong quần thể Danh thắng Tràng An

Từ nội dung quan điểm định hướng của Nhà nước, luận án đề ra các nhóm giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, dựa trên thực trạng công tác quản lý và chính

sách quản lý DTLSVH của tỉnh Ninh Bình nói chung và tại Quần thể Danh thắng Tràng An nói riêng.

3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý di tích lịch sử văn hóa

3.2.1.1. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý di tích

Một là, tăng cường năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực phát triển bền vững: Mục tiêu hướng tới của việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo là xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn có tính chuyên nghiệp cao, một đội ngũ thợ lành nghề được trang bị và nắm vững những quy định của *Luật Di sản văn hóa* và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cũng như quy định của Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và Hiến chương Quốc tế về Di sản Thế giới; nhân lực phục vụ được trang bị các phương pháp khoa học về bảo tồn giá trị truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại; có năng lực phối hợp và liên kết với các chuyên gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau, cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn. Những điều đó nhằm để quản lý và triển khai trên thực tế các hoạt động quy hoạch, thiết kế, bảo quản, tu bổ, tôn tạo, và phục hồi DTLSVH Phật giáo một cách hiệu quả nhất.

Hai là, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ di sản văn hóa: Lực lượng hướng dẫn viên du lịch Quần thể danh thắng Tràng An và tỉnh Ninh Bình cần có chuyên môn, nghiệp vụ và hiểu biết sâu về di sản văn hóa và văn hóa Phật giáo; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực, trình độ khoa học; xây dựng chiến lược ngắn, trung và dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong các DTLSVH Phật giáo.

Ba là, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý và công tác chuyên môn nghiệp vụ: Mở các lớp tập huấn, phối hợp với các Bộ, Ngành Trung ương

và cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài nước, tổ chức trao đổi thực tập sinh, tình nguyện viên và cử cán bộ tham gia các hội thảo, lớp tập huấn về di sản và du lịch ở trong nước và quốc tế để học tập, nâng cao trình độ, hiểu biết, kinh nghiệm về quản lý, bảo tồn di sản và phát triển du lịch trong khu Quần thể danh thắng Tràng An. Tăng cường hội nhập, giao lưu giới thiệu về văn hóa, con người Ninh Bình, đặc biệt là tuyên truyền giới thiệu về Quần thể danh thắng Tràng An thông qua các hoạt động văn hóa và du lịch.

Ngoài ra, để tăng cường công tác quản lý, giải quyết hài hòa việc bảo vệ di tích gắn với nâng cao đời sống nhân dân, thống nhất bộ máy quản lý, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục di sản và nâng cao nhận thức của nhân dân đi đôi với xã hội hóa quản lý. Bên cạnh đó còn tu bổ, tôn tạo di tích, tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án đầu tư, tranh thủ sự hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật của các tổ chức trong và ngoài nước, tiến hành sưu tầm và gìn giữ hiện vật liên quan đến di tích. Và, tạo điều kiện để cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý di tích văn hóa Phật giáo được tham gia các hội nghị, hội thảo và tập huấn hàng năm của ngành di sản văn hóa và các đợt tập huấn phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa tại các địa phương trong cả nước.

Chủ thể trông coi các di tích, quản lý di tích là những người có hiểu biết, nắm vững kiến thức và nguyên tắc đạo đức đối với di tích làm cơ sở cho sự đánh giá trong xã hội. Do đó, họ có ảnh hưởng đến việc hình thành và phổ biến các luồng dư luận. Đồng thời chủ thể có nhiều cơ hội tiếp xúc gần gũi với người dân đến di tích, nên phổ biến những giá trị của di tích để họ biết được về di tích, hiểu được ý nghĩa của di tích, từ đó có những suy nghĩ hành động tích cực đối với việc bảo tồn giá trị văn hóa các di tích đó.

Đào tạo tại chỗ những người dân có tay nghề, có kiến thức và hiểu biết về di tích trực tiếp tham gia vào hoạt động bảo tồn hoặc hướng dẫn du khách tham

quan di tích, thực hành các trải nghiệm du lịch sinh thái; đồng thời khuyến khích cộng đồng tạo ra những sản phẩm đặc thù, riêng của địa phương để phục vụ du khách, tạo điều kiện để người dân địa phương cũng như thu hút các thành phần trong xã hội tham gia vào các hoạt động bảo tồn di tích.

3.2.1.2. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp

Các DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An cần được tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, tôn trọng các giá trị di sản, tôn trọng cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo môi trường bền vững để giảm thiểu các áp lực xấu tác động làm tổn thương, hủy hoại di tích.

Xây dựng quy hoạch tổng thể quản lý, có kế hoạch dài hạn về xây dựng quy chế hoạt động và bảo vệ di tích và cổ vật. Động viên, khuyến khích, xây dựng mô hình quản lý tại cấp cơ sở theo hướng xã hội hóa, tự quản cộng đồng (do Hội đồng thôn/làng, ban điều hành địa phương, ban tổ chức hoạt động tại di tích...), có sự giám sát của cộng đồng, sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn từ trung ương đến các địa phương nhằm bảo tồn, trao truyền ký ức di sản về lâu dài nhằm mục đích giữ gìn kế thừa truyền thống, bản sắc văn hóa đồng thời với giáo dục truyền thống lịch sử trong cộng đồng dân cư.

Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng công nghệ để quản lý, bảo tồn các giá trị của di sản là vấn đề cần được chú trọng. Nâng cao trình độ công nghệ thông tin để ứng dụng một cách phù hợp công nghệ thông tin, truyền thông trong quảng bá ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa trong nước và quốc tế. Tạo điều kiện để chủ thể văn hóa được phát huy vai trò và tính chủ động để di sản văn hóa phi vật thể được giới thiệu, tôn vinh, chủ thể văn hóa được giao lưu, học hỏi với bạn bè quốc tế, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo. Tôn trọng việc điều

tra, nghiên cứu các di sản để tìm ra những hướng đi thích hợp cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo trong đời sống xã hội hiện đại.

3.2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức quản lý

Các nội dung chuyển đổi số trong thời gian tới cần tập trung hướng tới ba đối tượng chính là cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và du khách. Cơ quan quản lý cần mở các lớp tập huấn cho cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý và các doanh nghiệp lữ hành, lưu trú về chuyển đổi số, thực hiện marketing online, bán hàng online... Qua đó tạo ra giá trị lan tỏa lớn, góp phần hình thành hệ sinh thái chuyển đổi số, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Tràng An nói chung và các DTLSVH Phật giáo tại Quần thể Danh thắng Tràng An nói riêng.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch ở Quần thể danh thắng Tràng An được bước đầu đã được triển khai thông qua việc xây dựng kho dữ liệu về du lịch, tiếp thị bằng tin nhắn SMS dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, cung cấp Wifi công cộng miễn phí tại một số điểm du lịch⁴⁵. Thông qua đó, hình ảnh Di sản Tràng An với những vẻ đẹp hùng vĩ cùng các giá trị văn hóa, lịch sử ngày một đến gần hơn với khách trong nước và quốc tế. Ứng dụng NinhBinhTourismInfo thời gian qua cũng đã được đưa vào sử dụng cho thấy những hiệu quả tích cực. Ứng dụng này được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, độ bảo mật và tính thực tế cao. Thông qua một vài thao tác đơn giản, du khách có thể dễ dàng cài đặt ứng dụng từ app store hoặc google play, cập nhật đầy đủ thông tin về các điểm đến hấp dẫn, các lễ hội truyền thống; nhà hàng, khách sạn, đặt chỗ ăn, nghỉ; tìm kiếm thông tin địa điểm mua sắm, tham quan, giải trí, y tế, ATM, trụ sở công

⁴⁵ Trong kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, ngành du lịch Ninh Bình hướng đến mục tiêu đến năm 2025 sẽ phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến khác phục vụ du khách, cộng đồng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

an, bưu điện tại Ninh Bình... Các đơn vị quản lý điểm tham quan, cung cấp dịch vụ, nhà hàng, khách sạn sẽ được thẩm định thông tin và cấp tài khoản sử dụng. Từ đây, bằng việc cập nhật nhanh chóng, đầy đủ, chính xác sản phẩm, dịch vụ của mình, các đơn vị không chỉ góp phần làm giàu dữ liệu, kết nối đồng bộ, liên thông, tạo nền tảng dữ liệu lớn, đáp ứng nhu cầu quản lý và tra cứu thông tin của người dùng mà còn thuận tiện trong việc marketing, đưa hình ảnh của mình đến đông đảo du khách. Tại các điểm DTLSVH, các hiện vật, bảo vật đều được gắn mã Qrcode để du khách tự trải nghiệm, tìm hiểu thông tin.

Đến nay, tại Khu du lịch sinh thái Tràng An, Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động và Khu di tích lịch sử, văn hóa Cố đô Hoa Lư đã xây dựng được 10 điểm quét mã Qrcode giúp quảng bá các di tích lịch sử văn hóa, giới thiệu về các đặc sản nổi tiếng địa phương, làng nghề truyền thống, thu hút sự quan tâm của khách du lịch trong và ngoài nước, mô hình này cần được nhân rộng trong thời gian tới. Có thể ứng dụng giới thiệu các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An bằng công nghệ thực tế ảo VR360 để tăng trải nghiệm cho khách tham quan. Công nghệ thực tế ảo VR360 (Virtual Tour 360) có khả năng tái hiện toàn bộ các không gian và vật kiến trúc bất kỳ trong một bức ảnh, cho phép người xem có thể tham quan mọi lúc, mọi nơi, không giới hạn thời gian và không gian với rất nhiều tính năng tương tác, thông tin bổ trợ, hiệu ứng trực quan, sinh động, tích hợp các hiệu ứng tương tác: Xoay ngang, xoay dọc, xoay trên, xoay dưới, phóng to, thu nhỏ... cũng như tích hợp các thành phần nội dung như: Thông tin, âm thanh, thuyết minh và các thành phần đa phương tiện khác như: Tọa độ GPS, định vị vị trí di tích.

Để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin cần được các cơ quan, đơn vị, ngành chức năng chú trọng đẩy mạnh, tăng cường hơn nữa trong thời gian tới để góp phần gìn giữ và

quảng bá rộng rãi những giá trị của di sản đến với đông đảo du khách trong và ngoài nước.

3.2.2. Giải pháp phát huy vai trò các bên liên quan trong công tác quản lý di tích

3.2.2.1. Giải pháp tăng cường vai trò quản lý, điều phối của Nhà nước trong phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa

** Tuân thủ các quy định của Luật Di sản Văn hóa:*

Hệ thống các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An chỉ có thể được bảo tồn và phát huy giá trị và khai thác hợp lý di sản thiên nhiên thế giới nếu có sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp và có sự tham gia của cộng đồng. Công tác bảo tồn và phát huy giá luôn gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau. Muốn phát huy tốt giá trị di sản thì phải quan tâm bảo tồn tốt di sản và ngược lại, phải nỗ lực bảo tồn tốt thì mới phát huy được giá trị di sản tốt hơn và bền vững hơn. Để làm được điều này cần phải tuân thủ tốt tất cả những điều khoản trong Luật Di sản văn hóa, Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện⁴⁶.

Quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An theo hướng bền vững, tuân thủ các khuyến nghị của UNESCO: Quần thể Danh thắng Tràng An là di sản văn hóa thiên nhiên thế giới, các DTLSVH Phật giáo là di sản văn hóa vật thể rất đặc biệt của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, vì vậy các loại hình di sản này cần phải được bảo tồn và phát huy lâu dài trong đời sống

⁴⁶ Trong Chương IV *Luật Di sản văn hóa* (bao gồm từ Điều 28 đến Điều 37) đã quy định các điều khoản về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, trong đó tại Điều 33 *Luật Di sản văn hóa* đã quy định: Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu được giao quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm bảo vệ di tích đó; trong trường hợp phát hiện di tích bị lấn chiếm, hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn và thông báo cho cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp. Ủy ban nhân dân địa phương hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin khi nhận được thông báo di tích bị hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và báo cáo ngay với cơ quan cấp trên trực tiếp. Điều 34 *Luật Di sản văn hóa* đã quy định: Việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải được xây dựng thành dự án trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải bảo đảm giữ gìn tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích [45].

văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nhằm mục đích theo nội dung *Luật Di sản văn hóa* và các văn bản dưới luật đã đề ra. Tuy nhiên khi đề xuất giải pháp để quản lý, bảo tồn phát huy di sản DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An rất cần thiết phải nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả nội dung các văn bản Quốc tế đặc biệt là Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã được Đại Hội đồng UNESCO nhất trí thông qua vào ngày 16/11/1972.

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã mở ra nhiều cơ hội quan trọng để khai thác tiềm năng, lợi thế văn hóa và giá trị của di sản văn hóa, nhằm phát triển kinh tế du lịch. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội đó, công tác quản lý di sản văn hóa nói chung và các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng đang phải đối mặt với không ít thách thức.

Về cơ hội, việc khai thác giá trị DSVH và danh thắng thiên nhiên sẽ góp phần thúc đẩy ngành du lịch trở thành mũi nhọn phát triển văn hóa, kinh tế và xã hội của tỉnh Ninh Bình. Điều này không chỉ giúp xóa đói giảm nghèo mà còn khẳng định vị thế quan trọng của Quần thể danh thắng Tràng An trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế. Chính vì vậy, việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của Quần thể danh thắng Tràng An, cùng hệ thống các DTLSVH Phật giáo, đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế du lịch và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là thách thức lớn nhất hiện nay, nếu không có các biện pháp quản lý và bảo tồn phù hợp, tính đa dạng văn hóa của Quần thể danh thắng Tràng An, đặc biệt là các DTLSVH Phật giáo sẽ có nguy cơ bị biến dạng và mai một. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận khoa học, bài bản, mang tính văn hóa và thái độ tôn trọng di sản. Cộng đồng địa phương, với vai trò là chủ thể trực tiếp của di tích, không

chỉ tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng mà còn đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. Họ là những người nuôi dưỡng, bảo vệ môi trường cảnh quan của các di tích, đồng thời là người sáng tạo và trao truyền giá trị văn hóa cho các thế hệ mai sau, tuy nhiên họ là thiếu kiến thức chuyên môn để bảo tồn di tích một cách khoa học và việc bảo vệ di sản thường là tự phát, do đó tính bền vững đạt hiệu quả không cao. Đồng thời, thế hệ trẻ trong cộng đồng dần rời xa các giá trị truyền thống hoặc không còn hứng thú với việc gìn giữ di sản, việc trao truyền văn hóa có thể bị gián đoạn, rất có thể dẫn đến việc làm giảm tính liên tục và ý nghĩa của di tích.

* Xây dựng cơ chế pháp lý rõ ràng cho sự phối hợp giữa các bên liên quan:

Một là, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý: Chủ trương chính sách của Đảng được thể chế thông qua hệ thống văn bản pháp quy và các văn bản quy định chuyên biệt của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý và bảo tồn DTLSVH, đặc biệt là di sản văn hóa vật thể. Trước những sự biến động mạnh mẽ của đời sống xã hội đang có sự tác động ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có giá trị văn hóa của hệ thống DTLSVH và DTLSVH Phật giáo cũng không nằm ngoài bối cảnh chung đó. Do đó rất cần có hệ thống văn bản quản lý nhà nước để điều chỉnh, tạo cơ sở pháp lý để công tác quản lý di sản văn hóa nói chung và di tích lịch văn hóa Phật giáo theo định hướng chung.

Thực hiện hiệu quả các nội dung cam kết của Chính phủ Việt Nam với UNESCO về bảo tồn di sản văn hóa đồng bộ với các cơ chế chính sách liên quan để phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện các quy trình, tiêu chí và cơ chế quản lý đối với các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Các văn bản, cơ chế chính sách phải thiết thực, phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả, đây là cơ sở nội dung rất quan trọng để quản lý di sản văn hóa.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, mô hình hợp tác công tư trong quản lý, bảo tồn di sản và phát triển du lịch, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và người dân địa phương. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm xâm hại đến DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng và DTLSVH tỉnh Ninh Bình nói chung.

Hai là, phát huy vai trò quản lý nhà nước của cơ quan quản lý Nhà nước: Đề quản lý, bảo tồn và phát huy các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An đòi hỏi phải có sự thống nhất điều hành của một cấp quản lý hành chính nhà nước nhất định. Chính vì vậy, cơ quan quản lý Nhà nước có quyền lực này đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo tập hợp các lực lượng với mục tiêu quản lý và bảo tồn hệ thống di tích văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Cơ quan chính quyền phải định hướng hoạt động, tạo cơ chế chính sách và hỗ trợ hoạt động của hệ thống di tích; tạo được sự gắn kết giữa cơ quan quản lý Nhà nước với cơ quan chuyên môn, cơ quan nghiên cứu khoa học và cộng đồng cư dân (chủ di tích, chủ doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ...).

Ba là, phân định trách nhiệm quản lý: Trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển của các di tích phải phân định rõ ràng trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đồng thời phải gắn chặt ý thức trách nhiệm của cả cộng đồng, từng người dân, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm quản lý hệ thống DTLSVH Phật giáo. Đặt lợi ích của cộng đồng lên trên nhưng đồng thời phải luôn chú ý đến quyền lợi thỏa đáng của nhóm và từng cá nhân trong cộng đồng. Nội dung và trách nhiệm công tác quản lý di tích phải được thể hiện một cách cụ thể, rõ ràng, công khai, dân chủ, công bằng thông qua hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, được từng đối tượng trong cộng đồng tham gia, cam kết thực hiện, coi như đây là quy ước của cộng

đồng. Do vậy, mọi việc phải được nghiên cứu một cách đầy đủ, thận trọng, khoa học để phân định rõ ràng, và cụ thể.

Bốn là, thực hiện cơ chế phối hợp: Cần tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam; phân chia, nâng cao trách nhiệm quản lý, tuyên truyền, vận động của các cơ quan chức năng liên quan và cấp cơ sở của Giáo hội, đặc biệt là vai trò, quyền và trách nhiệm của các vị sư trụ trì; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp lý, quy định cụ thể, đầy đủ để thuận lợi cho việc bảo tồn di tích và xây dựng nếp sống văn minh trong thực hành tín ngưỡng tại các di tích.

Nâng cao năng lực quản lý và thiết lập mạng lưới của các DTLSVH Phật giáo hiện có trong Quần thể danh thắng Tràng An, bảo vệ đồng thời huy động các phương thức ứng phó sáng tạo, phù hợp bảo tồn giá trị văn hóa Phật giáo trước những thách thức của sự phát triển, thúc đẩy du lịch bền vững, đảm bảo sự cân bằng giữa công tác bảo tồn di sản văn hóa với phát triển kinh tế tại Quần thể danh thắng Tràng An.

Năm là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo. Đây là trách nhiệm chung của các cấp, các Sở Ban Ngành có liên quan đến công tác quản lý văn hóa, tạo điều kiện mở rộng nguồn đầu tư khai thác về tiềm năng vật lực và tài lực trong xã hội tham gia bảo tồn và phát huy di sản văn hóa theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

Tăng cường đầu tư, tu bổ, và tôn tạo: Thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo di sản đã được phê duyệt. Khai thác, huy động và tìm kiếm nguồn tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế để thực hiện các dự án tu bổ di tích, tôn tạo cảnh quan môi trường khu di tích. Định hướng phát triển không gian khu vực di tích, phân định ranh giới vùng cấm và hạn chế xây dựng. Hoàn thiện cơ sở

hạ tầng, cơ sở vật chất cần thiết phục vụ du lịch nhằm kết nối các điểm di tích. Khai thác di sản phục vụ du lịch nhưng tránh sa vào việc thương mại hóa hoặc để du lịch phá hoại di sản.

Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ và quản lý di sản văn hóa bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả và tránh thất thoát; phân bổ nguồn thu cho các hoạt động bảo vệ và quản lý di sản văn hóa theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với giáo lý Phật giáo. Quan tâm, tăng cường nghiên cứu đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với di sản văn hóa đảm bảo phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương của khu vực Quần thể danh thắng Tràng An nói riêng và cả tỉnh Ninh Bình nói chung.

Sáu là, thực hiện minh bạch, tránh hành chính hóa trong bảo tồn di sản: Vai trò quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa là rất cần thiết và thiết thực, song trong thực hiện công tác quản lý cần lưu ý mức độ và vi phạm của việc quản lý các di sản sao cho phù hợp, khả thi trong thực tiễn, tránh việc quản lý hành chính cứng nhắc, không hiệu quả. Sự đầu tư cho dù của Nhà nước, doanh nghiệp hay cộng đồng cũng cần phải có những nghiên cứu mang tính khả thi, tránh xu hướng Nhà nước hóa các hoạt động của cộng đồng, doanh nghiệp hoạt động không có tham gia quản lý của Nhà nước, các cơ quan/đơn vị quản lý văn hóa nên hỗ trợ giáo hội Phật giáo ở các địa phương cùng với cộng đồng phát huy vai trò tự quản để quản lý và bảo tồn DTLSVH Phật giáo một cách tốt nhất trong đời sống đương đại.

Tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra và ngăn chặn kịp thời đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại di tích; Hoàn thiện cơ chế chính sách về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo, tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển kinh tế xã hội bền vững.

* Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các tổ chức quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An để thực hiện tốt chức năng chỉ đạo hướng dẫn và kiểm soát định hướng hoạt động của mô hình “Hợp tác công tư”.

* Thành lập hoặc kiện toàn Ban Quản lý di tích đa thành phần tại các DTLSVH: Hiện nay, hệ thống tổ chức quản lý trực tiếp các di tích trong Quần thể danh thắng Tràng An gồm có Ban QLDT Quần thể danh thắng Tràng An, Ban QLDT xã Trường Yên và xã Ninh Hải⁴⁷, Tiểu Ban QLDT tại các di tích. Tiểu Ban QLDT không phải là cơ quan quản lý Nhà nước về DTLSVH, nhưng có vai trò trực tiếp trong việc trông coi, bảo quản di tích, đồng thời, phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức các hoạt động tại di tích. Những thành viên trong Tiểu Ban QLDT là những người thường xuyên trực tiếp bên di tích, có trách nhiệm trông nom, bảo vệ, giữ gìn di tích theo đúng quy định của *Luật Di sản văn hóa*, thực hiện hướng dẫn tham quan, công đức, đóng góp tu sửa, đền nhang trong di tích theo đúng quy định các văn bản quy chế đã ban hành. Kiểm tra kịp thời, báo cáo về những mất mát, hư hỏng lên cấp trên, phối hợp với các cơ quan ngăn ngừa các hành vi phá hoại, mục đích cá nhân hành nghề sai trái ở di tích và trái với quy định của pháp luật Nhà nước như: đánh bạc, hút sách, hoạt động mê tín dị đoan trong mùa lễ hội... Do đó, việc thành lập các Tiểu Ban QLDT là việc làm cần thiết.

Tại Quần thể danh thắng Tràng An, riêng di tích chùa Bích Động, cho đến nay vẫn chưa thành lập được Tiểu Ban QLDT. Điều này ít nhiều gây khó khăn cho công tác quản lý di tích, bởi chùa Bích Động là một di tích có giá trị LSVH quan trọng, thu hút đông đảo khách thập phương. Vì vậy, trong thời gian tới, chính quyền xã Ninh Hải cần nhắc sớm thành lập Tiểu Ban QLDT chùa

⁴⁷ Hiện nay là Phường Tây Hoa Lư và Phường Nam Hoa Lư.

Bích Động. Những thành viên trong Tiểu Ban do người dân sở tại bầu ra thông qua một cuộc họp toàn thể người dân trên cơ sở đề cử của UBND xã. Thành phần Tiểu Ban bao gồm sư trụ trì chùa, cán bộ thôn và những người trong cộng đồng cư dân địa phương có uy tín, có hiểu biết về di tích, có trách nhiệm trong công tác bảo vệ di tích.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tránh trùng lặp hoặc buông lỏng quản lý DTLSVH tại Quần thể Danh thắng Tràng An: Các cơ quan quản lý nhà nước (UBND tỉnh, Sở Du lịch, UBND các huyện, các đơn vị liên quan...) cần tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hoạt động vi phạm trật tự xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai và kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch; phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong vùng Di sản xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ di sản, nhất là việc phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng, sử dụng đất đai. Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch trong phạm vi Di sản.

3.2.2.2. Giải pháp phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo trong bảo tồn và quản lý di tích

Sư trụ trì đóng vai trò thay mặt Giáo hội Phật giáo để quản lý và điều hành các hoạt động tại cơ sở tự viện (chùa), đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động Phật sự tại cơ sở này. Điều đó có nghĩa rằng, sư trụ trì là người đứng đầu, giữ quyền quyết định tất cả các công việc liên quan đến hoạt động của chùa. Với vị trí và uy tín đặc biệt trong cộng đồng, sư trụ trì luôn nhận được sự kính trọng từ Phật tử và cư dân địa phương. Tiếng nói của sư trụ trì có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức và quan điểm của cộng đồng, từ đó định hướng các hoạt động cộng đồng theo những giá trị và tinh thần Phật giáo. Đồng thời, với vị thế đặc biệt của mình, sư trụ trì có khả năng huy động nguồn lực

lớn từ cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích, kết nối cộng đồng và vận động nhân dân.

Sư/ni trụ trì là người chịu trách nhiệm về các hoạt động Phật sự tại cơ sở DTLSVH Phật giáo. Vai trò của sư trụ trì không chỉ dừng lại ở việc duy trì các nghi lễ, khuôn mẫu và thực hành văn hóa Phật giáo, mà còn bao gồm việc phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu và cơ quan quản lý văn hóa để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị DSVH Phật giáo. Sư trụ trì cũng cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền và hướng dẫn cộng đồng, khách tham quan về việc thực hiện nếp sống văn minh, tôn trọng di sản văn hóa và không gian tín ngưỡng.

Để phát huy tối đa vai trò của sư trụ trì trong quản DTLSVH Phật giáo thuộc Quần thể danh thắng Tràng An, cần đặc biệt chú trọng vào việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền sở tại và sư trụ trì. Mối quan hệ này đóng vai trò quan trọng trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích, đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm bảo tồn di sản văn hóa. Theo quan điểm của nhiều chuyên gia, các ngôi chùa thờ Phật không phải tài sản cá nhân mà thuộc quyền sở hữu chung của toàn dân, sau đó là của cộng đồng cư dân địa phương. Do đó, sư trụ trì được xem như người được cộng đồng ủy thác trách nhiệm trông nom và quản lý ngôi chùa, thay vì là chủ sở hữu trực tiếp.

Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo có liên hệ trực tiếp đến vai trò và trách nhiệm của nhà chùa, đặc biệt là sư trụ trì. Trong trường hợp cụ thể như chùa Bích Động (ngôi chùa thuộc thiền phái Tào Động), sư trụ trì hiện nay được xem là người chủ sở hữu với quyền quyết định lớn trong việc quản lý cả nội sự và ngoại sự liên quan đến cơ sở thờ tự cũng như các hoạt động tôn giáo. Tuy nhiên, do tuổi tác, vị sư trụ trì hiện gặp không ít

khó khăn trong việc cập nhật những kiến thức, tư tưởng, thông tin mới liên quan đến công tác quản lý di sản văn hóa. Khi cơ quan quản lý nhà nước và nhà chùa không thống nhất quan điểm, các vấn đề quản lý di sản có thể trở nên phức tạp hơn. Trong bối cảnh này, việc sử dụng các chỉ thị hành chính chỉ mang tính giải quyết tạm thời và không thể đảm bảo hiệu quả dài lâu. Vì vậy, thay vì áp đặt các biện pháp cưỡng chế, đội ngũ cán bộ cơ sở cần ưu tiên xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với sự trụ trì thông qua việc thăm hỏi, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng. Đồng thời, cần kết hợp vận động, tuyên truyền để giúp trụ trì hiểu rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Việc phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và nhà chùa không chỉ đảm bảo sự hài hòa trong công tác quản lý mà còn tạo điều kiện để cộng đồng địa phương thực sự tham gia vào quá trình bảo vệ, gìn giữ di tích, góp phần vào sự phát triển bền vững của di sản trong bối cảnh đương đại.

3.2.2.3. Giải pháp tăng cường sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng địa phương

Giá trị cơ bản nhất của các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An là cộng đồng trong việc sáng tạo ra di sản, duy trì nuôi dưỡng di sản trong tiến trình lịch sử. Nội dung quan trọng nhất trong việc bảo tồn hệ thống DTLSVH Phật giáo trong đời sống xã hội đương đại là phải giữ được tính cộng đồng. Trong lịch sử cũng như hiện nay, quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của hệ thống DTLSVH Phật giáo do cộng đồng làng xã tự quản tổ chức là chính. Tuy nhiên, trong quá trình đó đều có sự chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vì vậy trong trường hợp quản lý hệ thống DTLSVH Phật giáo thuộc Danh thắng Tràng An để đạt được hiệu quả tốt, vấn đề đặt ra ở đây là giải quyết tốt mối quan hệ và sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và tinh thần tự quản của cộng đồng.

Cộng đồng đóng vai trò quan trọng đối với mỗi di tích. Vì vậy, để bảo tồn các giá trị văn hóa di tích Phật giáo cần gắn liền với đời sống của cộng đồng và bảo tồn trong cộng đồng. Sự lựa chọn của cộng đồng tham gia bảo vệ di sản sẽ tạo ra hiệu quả xã hội, do đó cần phát huy cao vai trò của cộng đồng, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Một là, phải tôn trọng và phát huy vai trò của cộng đồng địa phương là chủ nhân của di sản: Phải xác định nhiệm vụ quản lý, bảo tồn DTLSVH Phật giáo không chỉ là công việc và trách nhiệm của riêng một cá nhân, một tổ chức mà phải là sự kết nối đa ngành, là sự chung tay vào cuộc của các cấp, các ngành và cả cộng đồng để tạo nên sức mạnh. Nhận thức về tầm quan trọng của di sản cần được cộng đồng nâng cao để từ đó sẽ có những giải pháp tốt nhất và sự đồng thuận trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Đối với các DTLSVH hiện có dân cư sinh sống thì phải coi cộng đồng dân cư là đối tượng cần được đào tạo, là nguồn nhân lực cho phát triển bền vững thông qua việc hướng dẫn cho họ nhận biết được giá trị của di sản; đào tạo người có tay nghề, có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn tham gia vào công tác bảo tồn góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cộng đồng để cộng đồng tham gia có trách nhiệm vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo.

Hai là, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo vệ di sản: Để đạt được mục đích phát huy vai trò quản lý của cộng đồng địa phương trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, cần hướng tới các chương trình giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là thế hệ trẻ. Các chương trình giáo dục và đào tạo cụ thể cho cộng đồng và các nhóm người liên quan phải thể hiện được những nội dung cơ bản như: *Khái niệm di sản văn hóa, các loại hình di sản, giá trị của các loại hình di sản văn hóa; ý nghĩa và tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với việc phát triển văn hóa xã hội hiện nay;*

vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong thời kỳ mở cửa và hội nhập. Các chương trình học tập cần hướng tới việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về giá trị của di sản văn hóa nói chung và DTLSVH Phật giáo nói riêng, đặc biệt là vai trò, giá trị của Quần thể danh thắng Tràng An đã đóng góp tích cực, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Ninh Bình. Từ đó sẽ góp phần nâng cao vai trò và trách nhiệm của cộng đồng cho việc bảo tồn hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An.

Ba là, cần nâng cao vai trò tự quản di sản văn hóa cho cộng đồng: Người dân địa phương sinh sống trong không gian Quần thể danh thắng Tràng An phải được hưởng lợi về kinh tế từ những hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch do khai thác di sản văn hóa mang lại. Khai thác di sản tác động góp phần cải thiện đời sống và xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương, đem lại quyền lợi kinh tế cho cộng đồng. Cộng đồng tham gia vào các hoạt động dịch vụ sẽ đem lại hiệu quả lợi nhuận kinh tế trực tiếp cho chính cư dân của cộng đồng, đồng thời còn có tác dụng thu hút khách tham quan du lịch. Việc đảm bảo lợi ích cá nhân gắn với lợi ích cộng đồng là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao vai trò tham gia của cộng đồng vào quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, như vậy mới khuyến khích được tinh thần tự chủ và sáng tạo của cộng đồng.

Bốn là, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử của DTLSVH: Trong thực tế xét cho cùng các di tích là của người dân trong mỗi cộng đồng. Người dân là chủ thể và là người thực hành văn hóa tín ngưỡng tại các di tích. Bởi vậy, cộng đồng phải có trách nhiệm bảo vệ di tích, cảnh quan môi trường di tích và làm đẹp cho cảnh quan di tích. Cần phải động viên, tuyên truyền giáo dục cho người dân về pháp luật trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích cũng như thực hành tín ngưỡng tại di tích. Cho họ biết về những gì được làm và không được làm trong thực hành tín ngưỡng, về những điều hay, nét văn hoá tốt đẹp, những mặt tiêu cực

để người dân tự giác hướng về những điều tốt đẹp với chuẩn mực, tránh xa không hưởng ứng, không tham gia vào những tệ nạn đã và đang xuất hiện trong hoạt động tín ngưỡng. Tuyên truyền về nếp sống văn hóa, văn minh trong thực hành tín ngưỡng, giáo dục tuyên truyền các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện đối với việc quản lý, bảo vệ phát huy giá trị di tích.

Năm là, gắn kết trách nhiệm, chia sẻ lợi ích với cộng đồng trong bảo vệ, phát huy giá trị di tích: Tăng cường hợp tác nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ DTLSVH Phật giáo; cần chú ý nâng cao đời sống kinh tế cho cộng đồng cư dân trong Quần thể danh thắng Tràng An, có cơ chế chia sẻ lợi ích với cộng đồng từ hoạt động bảo tồn và khai thác giá trị của di tích, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các hoạt động, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng sống trong di sản; đồng thời phải xây dựng hình thành được cơ chế phối hợp liên ngành với các tổ chức có liên quan và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong công tác quản lý DTLSVH, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

3.2.2.4. Giải pháp thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích

** Mô hình hợp tác Công – Tư trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản nói chung:* Với mục tiêu phát huy thế mạnh của cả khu vực công và tư trong phát triển kinh tế - xã hội, mô hình Hợp tác Công – Tư đã được các nước trên thế giới áp dụng, triển khai và ngày càng trở nên phổ biến. Trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và khai thác các giá trị của Di sản thế giới nói chung và các loại hình di sản khác, rất nhiều di sản thế giới khác đều đang vận hành theo mô hình này.

Hợp tác Công - Tư trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản hiểu một cách căn bản là sự bắt tay đồng thuận của nhà nước và doanh nghiệp để cùng nhau

bảo vệ, đánh thức tiềm năng, thế mạnh của di sản. Hợp tác Công – Tư không chỉ đơn thuần là huy động nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực, nguồn lực văn hóa, xã hội, tài nguyên tự nhiên, kinh nghiệm quản trị, mà cao hơn là cùng nhau xây dựng chiến lược phát huy di sản gắn với bảo tồn một cách bền vững, lâu dài, có khả năng thích ứng và hướng tới tăng trưởng xanh. Người dân, doanh nghiệp vừa có trách nhiệm, vừa có quyền lợi rõ ràng, được hưởng lợi từ di sản. Từ đó, cộng đồng sẽ ý thức hơn về những gì mà tổ tiên, ông cha ta trao truyền lại. Bằng mô hình Hợp tác Công - Tư, chúng ta có khả năng thu hút các nguồn lực, năng lực sáng tạo, chủ động của khu vực tư nhân, sự tham gia của các cộng đồng dân cư trong tạo lập, cải thiện kinh tế gắn với bảo tồn các giá trị di sản. Lợi thế của mô hình này là thúc đẩy sự sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và lợi ích gắn bó của các bên, cải thiện trách nhiệm giải trình, sự minh bạch, giải quyết vấn đề quản lý khai thác kém hiệu quả, giúp phát triển du lịch di sản theo hướng bền vững.

Để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH trong Quần thể Danh thắng Tràng An, mô hình hợp tác công – tư, chú trọng quản lý bảo tồn nguyên vẹn, bền vững các giá trị của di sản và phát huy các giá trị đó vào sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, tạo sinh kế bền vững cho người dân là phù hợp. Điểm mấu chốt quan trọng nhất trong mô hình này là quy chế phối hợp giữa các bên và trách nhiệm cụ thể của mỗi bên. Các đơn vị khai thác phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, chính sách pháp luật; Nhà nước phải thường xuyên xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định đồng thời với thanh tra, kiểm tra, định hướng và kịp thời uốn nắn để doanh nghiệp khai thác sản phẩm một cách bền vững nhất; Khuyến khích doanh nghiệp tài trợ tu bổ, số hóa hoặc truyền thông di tích; Ban hành cơ chế ưu đãi thuế cho doanh nghiệp hỗ trợ công tác di sản. Trong mô hình hợp tác công - tư về bảo tồn, phát huy giá trị di sản tại Quần thể Danh thắng Tràng An có bốn

đối tác trụ cột đó là, đối tác công - hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về di sản; đối tác là doanh nghiệp với chiến lược phát triển bền vững; đối tác là cộng đồng cư dân địa phương và đối tác là các nhà khoa học có chức năng tư vấn, kết nối liên kết giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Người dân.

Trong mô hình hợp tác công – tư tại Quần thể Danh thắng Tràng An, vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước cần được tăng cường, dựa trên một cơ sở hành lang pháp lý, cơ chế chính sách có sự đồng thuận cao của các doanh nghiệp và cộng đồng, định hướng cho việc quản lý, điều hành. Cụ thể là Ban Quản lý Quần thể Danh thắng Tràng An phải đồng hành cùng các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân tham gia quản lý, khai thác, phát huy các giá trị của Di sản; có những hướng dẫn, đôn đốc kịp thời các công ty tư nhân tổ chức thực hiện việc kinh doanh dịch vụ du lịch theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, các quy định về quản lý, bảo tồn Di sản và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn. Liên tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng công tác bảo tồn di sản và nghiệp vụ kinh doanh, khai thác du lịch cho các doanh nghiệp và người dân; hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, phát triển thị trường, đầu tư, tôn tạo khu, điểm du lịch và các nội dung khác có liên quan. Việc khai thác hợp lý và bền vững các giá trị của di sản để phát triển du lịch cũng được xem là ưu tiên hàng đầu. Tập trung khai thác, phát triển các chương trình, sản phẩm du lịch, dịch vụ mới mang đậm các yếu tố văn hóa gắn với hình ảnh, thương hiệu di sản; ưu tiên các loại hình phát triển bền vững, các mô hình du lịch cộng đồng, có trách nhiệm với sự tham gia của cộng đồng.

Hiện nay có 4 doanh nghiệp vận hành công tác quản lý và kinh doanh du lịch tại 6 điểm tham quan chính của Quần thể danh thắng Tràng An theo mô hình đối tác Công – Tư. Người quản lý, điều hành các doanh nghiệp đều là con em quê hương Ninh Bình, họ tự nguyện tham gia bảo vệ Di sản, phát huy các giá trị

của Di sản, cải thiện môi trường kinh tế, thúc đẩy và làm giàu các giá trị văn hóa, tự nhiên, xây dựng xã hội lành mạnh, góp phần phát triển kinh tế cũng như các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, thiên nhiên. Các doanh nghiệp này luôn được hưởng các chính sách ưu đãi, chủ động đầu tư cơ sở vật chất, tu bổ, tôn tạo cảnh quan, gìn giữ môi trường, tổ chức các dịch vụ nghỉ dưỡng, tham quan du lịch theo dự án được phê duyệt và định hướng phát triển của các cơ quan quản lý Nhà nước và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhiệm vụ của các công ty, doanh nghiệp này là kinh doanh các loại hình dịch vụ du lịch và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng có liên quan. Không chỉ vậy, có doanh nghiệp còn đứng ra tài trợ các dự án nghiên cứu khoa học, bảo tồn Di sản cùng với các nhà khoa học trong nước và quốc tế để tư vấn chiến lược liên quan tới phát triển, bảo tồn, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Đối với bất kỳ các dự án phát triển mới, doanh nghiệp phải có trách nhiệm phải đề xuất và phải được sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời các doanh nghiệp cũng phải chịu trách nhiệm quản lý, bảo tồn các khu vực của mình dưới sự giám sát của Ban quản lý và các cơ quan có liên quan, đặc biệt là chính quyền các đại phương.

3.3. Kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo tại Quần thể danh thắng Tràng An

Phật giáo là một tôn giáo lớn, có vị trí đặc biệt đối với lịch sử dân tộc cũng như đời sống văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam. Di sản văn hóa Phật giáo là một bộ phận di sản văn hóa Việt Nam; nhiều giá trị tốt đẹp, nhân văn của văn hóa Phật giáo trở thành một phần quan trọng trong giá trị văn hóa dân tộc nói chung, đồng thời gắn liền với đời sống văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của các cộng đồng dân cư ở từng vùng, miền, địa phương trong cả nước. Đối với tỉnh Ninh Bình: hệ thống DTLSVH Phật giáo là một bộ phận quan trọng trong Quần thể danh thắng Tràng An - di sản văn hóa, thiên nhiên đã được UNESCO tôn vinh, ghi danh là di sản văn hóa, thiên

nhiên của nhân loại. Để hệ thống DTLSVH Phật giáo trở thành một nguồn lực quan trọng, đóng góp tích cực nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và cả nước, cần có những dự báo chiến lược để quản lý, khai thác, có kế hoạch, xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả.

3.3.1. Kiến nghị, đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước

**** Đề xuất và kiến nghị với Ủy ban nhân dân, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình***

Tỉnh Ninh Bình là địa phương được trực tiếp sở hữu Quần thể danh thắng Tràng An cần chủ động đưa chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị Quần thể danh thắng Tràng An vào nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình với các chương trình, dự án được hoạch định theo lộ trình phù hợp từng giai đoạn cụ thể.

Xây dựng chính sách bảo tồn di tích gắn với chiến lược phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch khám phá. Đây là nội dung quan trọng phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của tỉnh Ninh Bình nơi có nhiều thắng cảnh, khu sinh thái thiên nhiên và các DTLSVH thời cổ đô dựng nước.

Xác định nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể danh thắng Tràng An là quá trình thường xuyên, liên tục, là nhiệm vụ chung của mọi ngành, mọi cấp chứ không chỉ riêng ngành VHTTDL.

Vận động cộng đồng trong Quần thể danh thắng Tràng An cần ý thức rõ ràng được vai trò, trách nhiệm của mình đối với việc bảo tồn các di sản văn hóa, đặc biệt là hệ thống các DTLSVH Phật giáo.

Song song với việc quản lý di sản văn hóa bằng hệ thống văn bản và cơ quan quản lý Nhà nước, cần thiết phải phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý Nhà nước và tinh thần tự quản của cộng đồng địa phương trong quản lý, tổ chức

hoạt động và khai thác di sản văn hóa. Việc khai thác hệ thống di tích phục vụ phát triển du lịch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh, nhưng phải tránh xu hướng thương mại hóa để chạy theo lợi nhuận kinh tế dẫn tới hậu quả làm méo mó, sai lệch bản chất của di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa Phật giáo.

Khai thác giá trị của các DTLSVH Phật giáo nhằm phát triển kinh tế du lịch cho tỉnh Ninh Bình là một hướng đi tốt phù hợp với xu thế hiện nay, nhưng phải quan tâm quy hoạch, đầu tư hợp lý để khai thác hiệu quả. Quần thể danh thắng Tràng An là điểm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, một sản phẩm du lịch độc đáo hút khách trong tương lai, hướng quy hoạch cần tập trung bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, phục hồi các sinh hoạt văn hóa Phật giáo Tràng An. Bên cạnh đó, cần thực hiện nhanh các dự án tôn tạo các khu dịch vụ giải trí hợp lý đáp ứng nhu cầu của du khách. Song phải bảo đảm thực hiện tuân thủ những nguyên tắc cơ bản, tính cân đối và hợp lý giữa bảo tồn và phát triển - Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế du lịch.

Tổ chức, hình thành các tour, tuyến du lịch theo các tuyến tín ngưỡng, sinh thái, khám phá di sản nhằm phát huy thế mạnh của vùng Danh thắng Tràng An.

Chỉ đạo Sở VH&TT chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ các ngành liên quan hướng dẫn cơ sở tín ngưỡng thành lập Ban QLDT theo các cấp độ, phân cấp quản lý. Thành phần trong Ban QLDT bao gồm: đại diện của chính quyền cơ sở; cộng đồng địa phương (các tổ chức chính trị xã hội, trưởng/phó đại diện cộng đồng; những cá nhân có uy tín trong cộng đồng và sư trụ trì).

3.3.2. Kiến nghị, đề xuất với Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Giáo hội Phật giáo với vai trò của tổ chức quản lý hoạt động văn hóa tín ngưỡng Phật giáo, Giáo hội Phật giáo chủ động đánh giá thực trạng quản lý DTLSVH Phật giáo, tìm ra những bất cập trong công tác quản lý dẫn tới sự tổn thương, xâm hại di tích. Phối hợp cùng Ban Quản lý di sản Tràng An trong việc

quản lý các hoạt động tôn giáo tại chùa, am, động (ví dụ: chùa Bái Đính, động Thiên Tôn...). Tìm ra giải pháp hữu hiệu trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Phật giáo nhằm định hướng và tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống của Phật giáo Việt Nam mang dấu ấn thời đại (trên cơ sở kế thừa tinh hoa truyền thống phù hợp với thực tiễn phát triển).

Giáo hội Phật giáo với vai trò của tổ chức quản lý, có tác động định hướng, hỗ trợ, tạo cơ chế chung để bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống DTLSVH Phật giáo hoạt động nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc: Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức Phật giáo; đảm bảo sự trang trọng, tôn nghiêm của cơ sở DTLSVH, cơ sở tôn giáo. Đối với hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thuộc di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới, do đó công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa phải thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Tổ chức các chương trình truyền thông, hướng dẫn tăng ni – Phật tử thực hành tín ngưỡng gắn với bảo tồn di tích; bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc; thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật có liên quan.

Tăng cường đào tạo nhân lực bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ động có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực bảo tồn di sản mà trước hết là lực lượng các Tăng Ni, Phật tử, những người thực hành Phật đạo để nắm vững giáo lý đạo Phật, biết cách hướng dẫn cho Phật tử và bồi dưỡng, đào tạo những kiến thức, năng lực cần thiết để làm lành mạnh hóa các sinh hoạt Phật giáo.

Tuyên truyền, phổ biến các giá trị di sản văn hóa Phật giáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn để các đối tượng tham gia sinh hoạt văn hóa Phật giáo hiểu được các giá trị của di sản văn hóa Phật giáo, từ đó chung tay bảo vệ nguồn tài nguyên di sản quý báu này.

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho BQL di tích và sư trụ trì. Giáo hội Phật giáo phối hợp với Chính quyền các cấp mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, các khóa tu ngắn ngày bồi dưỡng kiến thức cho BQL di tích và sư trụ trì, nâng cao nhận thức cho cán bộ và sư trụ trì đồng thời tuyên truyền, quảng bá, phổ biến các giá trị về di sản văn hóa cho cộng đồng địa phương và các đối tượng du khách đến tham quan. Định kỳ đánh giá các giá trị, tiềm năng của di sản văn hóa Phật giáo, trên cơ sở đó phục dựng các nghi lễ, lễ hội văn hóa Phật giáo có giá trị nhưng đã bị mai một, thất truyền.

- Phát huy vai trò "tự quản có trách nhiệm" của Giáo hội trong khu vực chùa/thờ tự trong vùng lõi di sản, kết nối, tạo môi trường du lịch văn hóa lành mạnh, hướng thiện. Với chức năng của Giáo hội, cần kết nối tạo môi trường du lịch văn hóa (hoặc du lịch lịch sử - văn hóa, du lịch sinh thái - văn hóa...) gắn với sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh lành mạnh, hướng thiện cho du khách thập phương và các Phật tử khi đến với di tích.

Đề xuất và kiến nghị với Ban QLDT và người phụ trách (sư trụ trì) tại di tích

Đối với Ban QLDT

Ban QLDT có vai trò trực tiếp quản lý các di tích, đồng thời phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức các hoạt động tại di tích⁴⁸.

Đối với sư trụ trì tại di tích

Người phụ trách tại các DTLSVH Phật giáo là sư/ni trụ trì, là người thay

⁴⁸ BQL di tích có trách nhiệm: 1. Hướng dẫn khách tham quan, người tham gia các hoạt động thực hành tín ngưỡng tại các DTLSVH Phật giáo thực hiện đúng các quy định của pháp luật; theo nội quy, quy định của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo; 2. Bảo vệ, giữ gìn trật tự, cảnh quan, môi trường, phát huy giá trị lịch sử, giá trị văn hóa của DTLSVH Phật giáo theo quy định của pháp luật; 3. Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức sắp xếp hợp lý các dịch vụ phục vụ khách tham quan, người tham gia các hoạt động tín ngưỡng, Phật giáo không tổ chức hoặc đề người khác tổ chức các hoạt động mê tín, dị đoan và vi phạm pháp luật; 4. Có nội quy, quy định đối với khách tham quan, người tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, trang phục, thái độ ứng xử có văn hóa phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; quy định nơi để, nơi tiếp nhận tiền, hiện vật công đức, và dâng cúng; 5. Tuyên truyền cho khách tham quan, người tham gia các hoạt động văn hóa tín ngưỡng Phật giáo tại di tích thực hiện nếp sống văn minh, không thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan, các hình thức cờ bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác; 6. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc quản lý, sử dụng nguồn công đức: quản lý, sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch tiền, tài sản được dâng cúng, công đức, và tài trợ cho các di tích tuân thủ các quy định của pháp luật.

mặt Giáo hội quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở di tích theo đúng Hiến chương Giáo hội, pháp luật Nhà nước.

1/ Sư/ni trụ trì cập nhật thường xuyên những kiến thức di sản văn hóa để kiện toàn, nâng cao và phát huy hơn nữa vai trò người đứng đầu trong việc quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo: bảo vệ di tích, duy trì nghi lễ, các khuôn mẫu, thực hành văn hóa Phật giáo, tổ chức các lễ hội Phật giáo trên cơ sở kết nối cộng đồng...

2. Sư/ni trụ trì phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý văn hóa địa phương thực hiện tốt việc bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH Phật giáo. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho mọi người bao gồm các Tăng/ni/phật tử và khách tham quan tham gia các hoạt động văn hóa tại DTLSVH Phật giáo.

3. Có trách nhiệm bảo vệ, tu bổ di tích tránh làm biến dạng, sai lệch giá trị của di tích, tạo cảnh quan môi trường hài hòa.

4. Quản lý và sử dụng nguồn công đức tuân thủ các quy định của pháp luật, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

3.3.3. Kiến nghị, đề xuất về cơ chế điều phối chung

Quan trọng nhất trong mô hình “Hợp tác công – tư” là quy chế phối hợp giữa các bên, trách nhiệm của các bên. Các đơn vị khai thác cần phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, chính sách pháp luật trong gìn giữ, bảo vệ Di sản. Còn Nhà nước thì phải thường xuyên xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định cùng với công tác thanh tra, kiểm tra, định hướng cho các doanh nghiệp khai thác, phát huy giá trị di sản một cách bền vững nhất. Do đó, cần thành lập "Hội đồng Điều phối quản lý di sản Tràng An" với đại diện của các bên: chính quyền – Giáo hội – cộng đồng – doanh nghiệp – chuyên gia UNESCO. Khi đã xây dựng được cơ chế hợp tác giữa doanh nghiệp và Nhà nước, trong đó vai trò của doanh nghiệp được khẳng định, Nhà nước đồng hành cùng doanh nghiệp, hướng dẫn,

hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, để họ không chỉ là doanh nghiệp “khai thác” mà còn là doanh nghiệp “bảo tồn”, thực hiện bảo tồn để phát triển.

Để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình triển khai công tác quản lý, cần tổ chức đối thoại định kỳ giữa các bên liên quan, đặc biệt trước mùa lễ hội hoặc các hoạt động đại chúng. Quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản không thể chỉ dựa vào Nhà nước, mà việc thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia vào công cuộc lâu dài này cần được xác định như một xu hướng tất yếu. Chúng ta biết rằng, sự tham gia, hỗ trợ nếu được thực hiện tốt, có hiệu quả, mang lại những lợi ích nhất định đối với đất nước thì sẽ truyền cảm hứng cho những người khác có hoạt động tương tự, sẽ có tính lan tỏa rộng rãi. Đặc biệt, cần xây dựng cơ chế **phản hồi – giám sát – đánh giá cộng đồng** đối với hoạt động quản lý di sản tại Quần thể Danh thắng Tràng An để tạo động lực, thu hút nhiều hơn các nguồn lực trong xã hội, để cùng nhau bảo tồn và phát huy các giá trị di sản theo hướng cân bằng, bền vững.

Việc tăng cường vai trò **phản hồi – giám sát – đánh giá cộng đồng** được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: 1/Phát hiện các hành vi vi phạm: Cộng đồng có thể giúp đưa ra các thông tin về các hoạt động vi phạm như đào bới trái phép, phá hủy di tích, hoặc lạm dụng di tích. Khi có thông tin này, nhà quản lý di tích có thể thực hiện các biện pháp để ngăn chặn hoặc giải quyết vấn đề kịp thời. 2/ Tăng cường giám sát các hoạt động trong khu vực di tích: Cộng đồng có thể giúp đưa ra thông tin về các hoạt động trong khu vực di tích như xây dựng mới, sửa chữa, di dời hay thay đổi cấu trúc. Những thông tin này sẽ giúp cho nhà quản lý di tích có thể đánh giá tác động của các hoạt động này đến di tích và đưa ra những biện pháp bảo vệ phù hợp. 3/Tham gia vào các hoạt động quản lý di tích: Cộng đồng có thể tham gia vào các hoạt động quản lý di tích như định hướng chính sách, xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển di tích, giám sát công tác bảo vệ và phục hồi, giới thiệu và giới quảng bá di tích

đến với du khách. 4/Góp phần giáo dục và tạo ý thức cho cộng đồng: Cộng đồng có thể góp phần giáo dục và tạo ý thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của di tích và tác động của các hoạt động con người đến di tích. Khi cộng đồng hiểu được giá trị của di tích và tác động của các hoạt động của họ đến di tích, họ sẽ tự giác hơn trong việc bảo vệ và phát triển di tích.

Tiểu kết

Chương 3 của Luận án đã đi sâu nghiên cứu các cơ sở pháp lý, bao gồm các văn bản pháp luật quốc gia như *Luật Di sản Văn hóa* và các văn bản quốc tế như Công ước UNESCO 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới,... nhằm xây dựng nền tảng khoa học để đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An. Nội dung nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc phân tích các quy định pháp lý mà còn dựa trên định hướng chiến lược của Đảng và cơ chế, chính sách của Nhà nước. Từ đó, Luận án xác định mục tiêu, nhiệm vụ bảo tồn và đề xuất các nguyên tắc cơ bản trong quản lý di sản. Hệ thống văn bản pháp luật và chính sách không chỉ đóng vai trò là khung pháp lý để bảo vệ di sản, mà còn định hướng các hoạt động quản lý, đảm bảo cân bằng giữa việc bảo tồn giá trị di sản và khai thác bền vững phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Trên cơ sở nghiên cứu, Luận án đề xuất 2 nhóm giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An: 1/ Nhóm Giải pháp về hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý DTLSVH (Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý di tích; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp; Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức quản lý); 2/ Nhóm Giải pháp phát huy vai trò các bên liên quan trong công tác quản lý di tích (Tăng cường vai trò quản lý, điều phối của Nhà nước trong phát huy giá trị DTLSVH; Phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo trong bảo tồn và quản lý di tích; Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng địa

phương; thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích).

Bên cạnh các giải pháp, luận án cũng đưa ra các khuyến nghị chi tiết, nhấn mạnh vai trò quan trọng của các cơ quan quản lý văn hóa ở cả cấp Trung ương như Bộ VH-TT-DL, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đến cấp địa phương như UBND tỉnh Ninh Bình. Các khuyến nghị không chỉ tập trung vào công tác bảo tồn mà còn hướng tới việc phát triển di sản văn hóa thành nguồn lực quan trọng cho xã hội hiện đại, đề xuất thành lập "Hội đồng Điều phối quản lý di sản Tràng An" với đại diện của các bên: chính quyền – Giáo hội – cộng đồng – doanh nghiệp – chuyên gia UNESCO. Những giải pháp và đề xuất này kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, đồng thời thúc đẩy việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo, làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Hệ thống DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của cộng đồng cư dân tỉnh Ninh Bình nói riêng và cộng đồng cả nước nói chung. Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLSVH Phật giáo cần được định hướng và đề xuất những giải pháp khả thi thích hợp trong đời sống thực tiễn hiện nay. Qua nghiên cứu và triển khai đề tài *Quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình*, luận án rút ra được những kết luận sau:

1. Quản lý di tích lịch sử văn hóa Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Mục tiêu của luận án đã xác định các bên liên quan, sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH, đánh giá hiệu quả trong phối hợp giữa các bên liên quan đối với các nhiệm vụ quản lý DTLSVH để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH. Do đó việc nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý DTLSVH được xem như giải pháp thiết thực để nâng cao hiệu quả quản lý di tích.

2. Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu, luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và những giá trị của DSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An: Từ nghiên cứu lý luận, luận án đã làm rõ khái liên quan đến di sản văn hóa, DTLSVH Phật giáo, QLDT, QLDT Phật giáo,... Lý thuyết các bên liên quan được ứng dụng để xác định các bên liên quan trong quản lý DTLSVH Phật giáo, nội dung phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản DTLSVH Phật giáo, nêu được vai trò quan trọng của các DSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An (Chùa Bái Đính (cổ); chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động) trong việc phản ánh giá trị lịch sử, văn hóa, tôn giáo và sự phát triển của Phật

giáo qua các thời kỳ và trong đời sống tâm linh của cộng đồng cư dân. Đây không chỉ là những di sản vật thể, mà còn mang ý nghĩa tinh thần và tâm linh sâu sắc, góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu trường hợp được luận án sử dụng, trong đó 3 ngôi chùa được lựa chọn: Chùa Bái Đính (cổ); chùa Nhất Trụ và chùa Bích Động. Ba di tích không chỉ là biểu tượng tôn giáo mà còn là minh chứng sống động cho sự phát triển văn hóa Phật giáo qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Kết quả nghiên cứu của luận án đã làm rõ vấn đề phối hợp giữa các bên liên quan (các dạng phối hợp, hình thức phối hợp) trong hoạt động quản lý DTLSVH trên địa bàn nghiên cứu thông qua các nội dung như: 1/Phối hợp giữa các bên liên quan ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về DTLSVH; 2/Phối hợp giữa các bên liên quan trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích; 3/ Phối hợp giữa các bên liên quan tổ chức, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; 4/ Phối hợp giữa các bên liên quan trong huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di tích; 5/ Phối hợp giữa các bên liên quan trong đào tạo đội ngũ cán bộ QLDT; 6/ Phối hợp giữa các bên liên quan trong khen thưởng; 7/ Phối hợp giữa các bên liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về DTLSVH.

4. Qua nghiên cứu, NCS nhận thấy Nhà nước có vai trò quan trọng và quyết định đối với hoạt động quản lý DTLSVH, bên cạnh đó Giáo hội Phật giáo thông qua vai trò của các sư, ni trụ trì, doanh nghiệp và cộng đồng đều đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp tham gia vào một số hoạt động quản lý di tích. Qua kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vẫn còn những vấn đề đặt ra trong việc phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động QLDT như chưa phân cấp rõ ràng phân công trách nhiệm, quyền hạn giữa các bên liên quan, chưa có cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan, chưa có những chính sách huy động sự tham gia của đồng đồng trong quản lý di tích.

5. Luận án đã phân tích thực trạng công tác quản lý DSVH Phật giáo: Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An, luận án tập trung nghiên cứu định hướng của Đảng, cơ chế chính sách của Nhà nước và nội dung Công ước Quốc tế về bảo vệ di sản văn hóa và danh thắng thiên nhiên nhằm đề xuất những giải pháp phù hợp để quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống của Phật giáo Việt Nam mang dấu ấn thời đại trên cơ sở kế thừa tinh hoa truyền thống phù hợp với thực tiễn phát triển hiện nay. Thực trạng QLDSVH Phật giáo đã được đánh giá trên nhiều khía cạnh, từ cơ cấu tổ chức, vai trò của các chủ thể quản lý (nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp, sư trụ trì), đến các hoạt động như quy hoạch, pháp lý, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và huy động nguồn lực. Kết quả cho thấy, mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nhưng công tác quản lý vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, bao gồm thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan và hạn chế về nguồn lực.

6. Luận án đề xuất 2 nhóm giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An: 1/ Nhóm Giải pháp về hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý DTLSVH (Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý di tích; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp; Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức quản lý); 2/ Nhóm Giải pháp phát huy vai trò các bên liên quan trong công tác quản lý di tích (Tăng cường vai trò quản lý, điều phối của Nhà nước trong phát huy giá trị DTLSVH; Phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo trong bảo tồn và quản lý di tích; Tăng cường sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng địa phương; thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích).

7. Luận án cũng đưa ra các khuyến nghị chi tiết, nhấn mạnh vai trò quan trọng của các cơ quan quản lý văn hóa ở cả cấp Trung ương như Bộ VHTTDL,

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đến cấp địa phương như UBND tỉnh Ninh Bình. Các khuyến nghị không chỉ tập trung vào công tác bảo tồn mà còn hướng tới việc phát triển di sản văn hóa thành nguồn lực quan trọng cho xã hội hiện đại, đề xuất thành lập "Hiệp hội bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Quần thể danh thắng Tràng An" với đại diện: Cơ quan quản lý Nhà nước – Giáo hội – cộng đồng – doanh nghiệp – chuyên gia trong lĩnh vực di sản văn hóa. Những giải pháp này nếu được triển khai thực hiện đồng bộ sẽ góp phần thiết thực nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước để phát huy giá trị văn hóa của Quần thể danh thắng Tràng An trong xu thế hội nhập, phát triển.

Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và điều kiện nghiên cứu, một số nội dung vẫn còn bỏ ngỏ, chưa có điều kiện khai thác sâu. Cụ thể, luận án chưa đi sâu vào phân tích vai trò cá nhân cụ thể trong cộng đồng Phật giáo, đặc biệt là các vị sư trụ trì; chưa đánh giá đầy đủ tác động của hoạt động du lịch đại chúng đến yếu tố linh thiêng của các di tích; và cũng chưa xây dựng được một mô hình phối hợp hoàn chỉnh giữa các bên liên quan trong quản lý di sản. Đây sẽ là những định hướng nghiên cứu tiếp theo mà tác giả mong muốn triển khai trong các công trình khoa học sắp tới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa Phật giáo trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Từ kết quả nghiên cứu về công tác quản lý di tích Phật giáo tại khu danh thắng Tràng An, có thể định hướng một số hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm làm rõ và nâng cao hiệu quả quản lý di sản. Trước hết, việc so sánh mô hình quản lý di tích Phật giáo tại Tràng An với các địa điểm tương tự như Yên Tử, chùa Hương sẽ giúp làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt và rút ra bài học kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, bảo tồn và khai thác giá trị di sản. Bên cạnh đó, nghiên cứu tác động của hoạt động du lịch tâm linh đến công tác bảo tồn di tích Phật giáo tại Tràng An là một hướng đi cần thiết, qua đó đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững gắn liền với bảo tồn giá trị văn hóa – tín

ngưỡng. Ngoài ra, việc đánh giá vai trò và mức độ tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng cần được quan tâm, từ đó kiến nghị các chính sách nhằm nâng cao nhận thức và sự đồng hành của cộng đồng trong công tác quản lý di sản.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ số trong quản lý và quảng bá di tích Phật giáo tại Tràng An – như số hóa tư liệu, xây dựng bảo tàng ảo hay ứng dụng thực tế ảo – là một hướng tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế bảo tồn di sản bền vững. Cuối cùng, cần thiết phải tiến hành đánh giá toàn diện hiệu quả của các chính sách quản lý hiện hành đối với toàn bộ di tích Phật giáo tại Tràng An, từ đó đề xuất điều chỉnh cơ chế phối hợp và hoàn thiện khung pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong tương lai.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Viết Hưng (2021), “National pagodas architectural and artistic relics in Ninh Binh in the context of tourism development in recent years” (Các di tích kiến trúc và nghệ thuật của các ngôi chùa quốc gia tại Ninh Bình trong bối cảnh phát triển du lịch những năm gần đây), *Hội thảo khoa học Quốc tế: Các vấn đề kinh tế- xã hội và môi trường trong phát triển - ICSEED 2021*, tr.1737-1748.
2. Nguyễn Viết Hưng (2022), “Văn hoá Phật giáo và Di sản văn hoá phi vật thể”, *Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu khoa học của NCS năm 2021*, Nxb Thế giới, tr.38 - 46.
3. Nguyễn Viết Hưng (2024), “Cơ sở lý luận về quản lý các di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo tại Việt Nam trong Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình”, *Tạp chí giáo dục và xã hội*, số 164 (225), tr.334-338.
4. Nguyễn Viết Hưng (2024), “Bảo tồn và phát huy giá trị di tích kiến trúc nghệ thuật chùa cấp quốc gia ở tỉnh Ninh Bình thông qua hoạt động hành hương”, *Tạp chí Lý luận phê bình Văn học, Nghệ thuật*, số 09, tr.147-154.
5. Nguyễn Viết Hưng (2025), “Quản lý DTLSVH Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình)”, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, số 596, tr.30 - 34.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đặng Văn Bài (2008), “Nhận diện để phát huy di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam”, Tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 2, tr.37-39.
2. Đặng Văn Bài, Nguyễn Hữu Toàn (2008), “Đề di tích Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình) trở thành một sản phẩm văn hóa - du lịch - mấy vấn đề cần quan tâm”, Tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 4, tr.54-58.
3. Đặng Văn Bài (2013), “Vai trò quản lý nhà nước trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 8, tr.33-36.
4. Đặng Văn Bài (2013), “Quan điểm bảo tồn di sản văn hóa trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 346, tr.34-36.
5. Đặng Văn Bài (2019), “Quản lý, bảo tồn Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình – vài vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 4, tr.44-47.
6. Tạ Thị Hoa Ban (2019), *Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn các di tích lịch sử từ năm 2006 đến năm 2015*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
7. BCH TƯ 2014, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*
8. Lã ĐăngBAT (2007a), *Di tích danh thắng Hoa Lư, Ninh Bình*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
9. Lã ĐăngBAT (2008), *Chùa Bái Đính*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
10. Trần Lâm Biền (2020), *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Bình (2018), *Sự trụ trì trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.

12. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế-kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.*

13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2016), *Chỉ thị số 02/CT-BVHTTDL ngày 25/1/2016 về việc Tăng cường công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại Việt Nam.*

14. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2017), *Quyết định số 2431/QĐ-BVHTTDL ngày 30/6/2017 về Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa.*

15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2017), *Quyết định số 2551/QĐ-BVHTTDL ngày 23/8/2017 phê duyệt Đề án bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể.*

16. Chính phủ (2002), *Nghị định của Chính phủ số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa.*

17. Chính phủ (2009), *Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.*

18. Chính phủ (2010), *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.*

19. Chính phủ (2012), *Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.*

20. Chính phủ (2016), *Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.*

21. Chính phủ (2017), *Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 Quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*.
22. Trịnh Ngọc Chung (2016), *Quản lý di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
23. Nguyễn Viết Cường (2021), *Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam theo Công ước Di sản Thế giới*, Luận án tiến sĩ ngành quản lý văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Dương Thị Đào (2019), *Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo đối với di tích Phật giáo huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sỹ, Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội.
30. Nguyễn Đại Đồng, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Phú Lợi (Đồng chủ biên) (2017), *Lịch sử Phật giáo Ninh Bình*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
31. Phạm Duy Đức (2012), “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình - thực trạng và giải pháp”, in trong Kỷ yếu *Hội thảo Ninh Bình 20 năm đổi mới và phát triển*.

32. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

33. Đinh Thị Thu Hoài (2018), *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích chùa Nhất Trụ, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa, Trường Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

34. HĐND tỉnh Ninh Bình (2023), *Nghị quyết số 46/NQ-HĐND tỉnh Ninh Bình ngày 26/4/2023 về Chủ trương đầu tư dự án tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nhất Trụ*.

35. Nguyễn Quốc Hùng (2018), “Vài ý kiến về quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 3 (37)

36. Hoàng Thị Diệu Linh (2017), *Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn hiệu quả (di sản thế giới) phố cổ Hội An phát triển du lịch bền vững*, Luận văn ngành khoa học bền vững, Đại học Quốc gia.

37. Nguyễn Thị Kim Loan (2014), *Quản lý di sản Văn hóa*, Nxb Văn hóa thông tin & Viện văn hóa, Hà Nội.

38. Bùi Văn Mạnh (2020), *Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

39. Quang Minh, Nguyễn Thị Thu Trang (2012), “Vai trò của cộng đồng nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hóa”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 4(41), tr.18-23.

40. Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), *Quản lý di tích vùng ven hồ Tây*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

41. Trần Đức Nguyên (2015), *Quản lý DTLSVH ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

42. Nguyễn Hữu Oanh 2009, “Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo, một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết”, *Di sản văn hóa*, số 1, tr. 13-15.
43. Nguyễn Tri Phương (2024), *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sỹ QLVH, Trường ĐH VH Hà Nội.
44. Quốc hội (2001) *Luật của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 28/2001/QH10 về di sản văn hóa*.
45. Quốc hội (2009), *Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Quốc hội (2013), *Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23 tháng 7 năm 2013*.
47. Quốc hội (2024), *Luật Di sản văn hóa, số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024*.
48. Hà Văn Tấn (2005), “Bảo vệ DTLSVH trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước”, in trong cuốn *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập 2, Cục Di sản văn hóa, Hà Nội.
49. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu DTLSVH Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*.
50. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 2382/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc công nhận bảo vật quốc gia*.
51. Thủ tướng Chính phủ (2016a), *Quyết định số 230/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Quần thể danh thắng Tràng An*.
52. Thủ tướng Chính phủ (2016b), *Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 15/4/2016 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bảo quản, tu bổ, tôn tạo và mở rộng phạm vi một số di tích có liên quan đến Nhà nước Đại Cồ Việt nhằm phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*.

53. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15-07-2021 về việc Phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025*

54. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025.*

55. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 08/02/2023 về phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

56. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Chỉ thị số 05/CT-TTg về việc tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong di tích.*

57. Trần Thị Diệu Thúy (2018), *Quản lý di sản văn hóa Phật giáo ở tỉnh Hà Tĩnh*, Luận án Tiến sĩ ngành Quản lý Văn hoá, Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

58. Nguyễn Văn Tiến (2008), *Nghiên cứu những ngôi chùa thuộc Thiên phái Trúc Lâm, những giá trị lịch sử - văn hóa*, Đề tài cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

59. Tỉnh ủy tỉnh Ninh Bình (2010), *Địa chí Ninh Bình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

60. Hà Đình Trung (2018), *Quản lý DTLSVH ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

61. Đinh Thị Minh Tuyết, Triệu Thị Ngọc (2015), “Quản lý Nhà nước về Văn hóa và Di sản Văn hóa”, Tạp chí *Quản lý Nhà nước*, số 235, tr.8-12.

62. UBND tỉnh Ninh Bình (2004), *Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 03/9/2004 về việc Quy hoạch bảo tồn và phát triển khu vực danh thắng Tràng An.*

63. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 18/11/2005 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch Tràng An.*

64. UBND tỉnh Ninh Bình (2014), *Quyết định số 577/QĐ-UBND về việc Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật thi công đơn giản phục vụ xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

65. UBND tỉnh Ninh Bình (2015), *Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

66. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Kế hoạch số 19/KH-UBND về việc Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ-TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016 – 2020.*

67. UBND tỉnh Ninh Bình (2018), *Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.*

68. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), *Văn bản số 535/UBND-VP ngày 26/7/2021 về việc tăng cường quản lý, bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.*

69. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Văn bản số 218/UBND-VP6 ngày 07/4/2022 về việc tăng cường quản lý hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.*

70. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQL Quần thể danh thắng Tràng An trực thuộc Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình.*

71. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hóa Cố đô Hoa Lư, trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình.*

72. UBND xã Trường Yên (2017), *Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND xã về việc thành lập các Tiểu BQL di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.*

73. UNESCO (1972), *Công ước về bảo vệ di sản và thiên nhiên thế giới.*

74. UNESCO (2003a), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.*

75. UNESCO (2003b), *Hướng dẫn Thực hiện Công ước Di sản Thế giới 1972*, Trung tâm Di sản thế giới phát hành (Tháng 7 năm 2013).

76. UNESCO (2005), *Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa.*

77. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh số 21/2014/PL-UBTVQH11 ngày 18/6/2004 về Tín ngưỡng, Tôn giáo.*

<https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=80644>

78. Nguyễn Hải Yến (2019), *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý một số Di sản Thế giới tại Việt Nam*, Luận văn ngành khoa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

Tài liệu tiếng Anh

79. Anna Góran (2015), *Cultural Heritage as a Shared Resource. The role of collaboration between stakeholders in Cultural Heritage Management* (Di sản văn hóa như một tài nguyên chung- Vai trò của sự hợp tác giữa các bên liên quan trong quản lý di sản văn hóa), Jagiellonian University

80. Donaldson, T., & Preston, L. E. (1995), “The stakeholder theory of the corporation: Concepts, evidence, and implications”, *Academy of management Review*, số 20(1), tr.65-91.

81. Gyan Nyaupane (2009), “Heritage complexity and tourism: The case of Lumbini, Nepal”, *Journal of Heritage Tourism*, volume 4, p.157-172.

82. Hyung Park (2001), “Touring reflexive heritage; sustaining the tradition of the Hung Kings in contemporary Vietnam” (Phản ánh về di sản trong du lịch: Duy trì truyền thống thờ cúng vua Hùng trong xã hội Việt Nam đương đại), tham luận tham gia Hội thảo *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội đương đại (Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ Hùng Vương ở Việt Nam)*, Viện VHNTVN, Hà Nội, tr. 961.

83. Freeman, R.E. (1984) *Strategic Management: A Stakeholder Approach*. Pitman, Boston.

84. Jia Wen (2007), *Stakeholder Participation Approach in Urban Cultural Heritage Management and Conservation (Lý thuyết các bên liên quan trong quản lý và bảo tồn di sản văn hóa đô thị)*, Master’s Thesis of World Heritage Studies at BTU, Cottbus, Germany.

85. John Carman & Marie Louise Stig Sorensen (2009), *Heritage Studies: Methods and Approaches* (Nghiên cứu di sản: Các phương pháp và cách tiếp cận), London & New York.

86. Luca Z., Baraldi S., Lusiani M., Shoup D., Ferri P., Onofri. F (2015), *Managing Cultural Heritage: An International Research Perspective (Quản lý di sản văn hóa: Một góc nhìn nghiên cứu quốc tế)*, Publisher: Taylor&Francis.

87. M.Polysakova (2023), “Cultural Heritage: Actual Problems of Research and Preservation, Heritage and Modern Times” (Những vấn đề thực tế của nghiên cứu và bảo tồn, di sản và thời đại hiện đại), Magazine: *Heritage and Modern Times*, 5(2), pp.135 -143.

88. Mendoza, M. A. D., De La Hoz Franco, E., & Gómez, J. E. G. (2023), “Technologies for the Preservation of Cultural Heritage - A Systematic Review of the Literature” (Công nghệ bảo tồn di sản văn hóa - một đánh giá hệ thống của văn học bền vững), *Sustainability*, 15 (2), 1059.

<https://doi.org/10.3390/su15021059>

89. Ratwachiramethi, P., Sukchaem, P.T., Uttaro, P.U., & Sankom, T. (2020), “A Management Analysis of the World Heritage and Way of Buddhist Culture for Promoting the Cultural and Tourist Values” (Phân tích quản lý di sản thế giới và cách thức văn hóa phật giáo để thúc đẩy giá trị văn hóa và du lịch), Magazine: *Solid State Technology*, 6(1), pp.1690-1696.

90. Ruthven, I., & Chowdhury, G.G. (2015). *Cultural Heritage Information Access and Management* (Truy cập và quản lý thông tin di sản văn hóa), Publisher: Taylor&Francis.

91. Visuddhajaro, P.S. (2015), “Temple management strategies for stability on buddhist” (Chiến lược quản lý đền chùa cho sự ổn định Phật giáo), Magazine: *Journal of Peace Studies Review, MCU*, 3(1), pp.130-143.

92. Xu, & Lishan (2020), “Research on the government management system of leshan giant buddha and mount emei” (Nghiên cứu hệ thống quản lý của chính phủ đối với tượng phật khổng lồ Lạc Sơn và núi Nga Mi), Magazine: *Social Values and Society*, 2 (1), pp.01-03.

93. Yujie Zhu (2024), *Evolving Heritage in Modern China: Transforming Religious Sites for Preservation and Development*.

94. Yifeng Liu (2024), *Sacred Resurgence: Revitalizing Buddhist Temples in Modern China*.

95. Zhao Dong Lon-Zu (2019), *The Commercialization, Politicization and Globalization of Buddhist Heritage Tourism in China*.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Nguyễn Viết Hưng

QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN, TỈNH NINH BÌNH

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

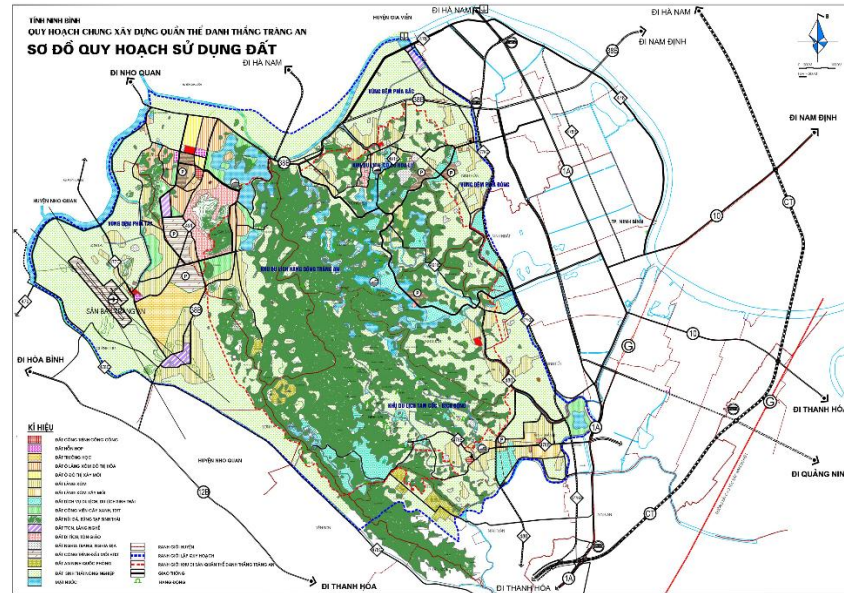
Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

TT	Tên phụ lục	Trang
1	Phụ lục 1: Bản đồ Quần thể danh thắng Tràng An	163
2	Phụ lục 2: Các quyết định, văn bản liên quan đến công tác quản lý các di tích (Chùa Bái Đính, chùa Bích Động, chùa Nhất Trụ)	164
3	Phụ lục 3: Danh mục xếp hạng di tích Phật giáo trong Quần thể danh thắng Tràng An	167
4	Phụ lục 4: Hình ảnh di tích chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động và chùa Bái Đính	168
5	Phụ lục 5: Danh sách phỏng vấn và câu hỏi phỏng vấn	184

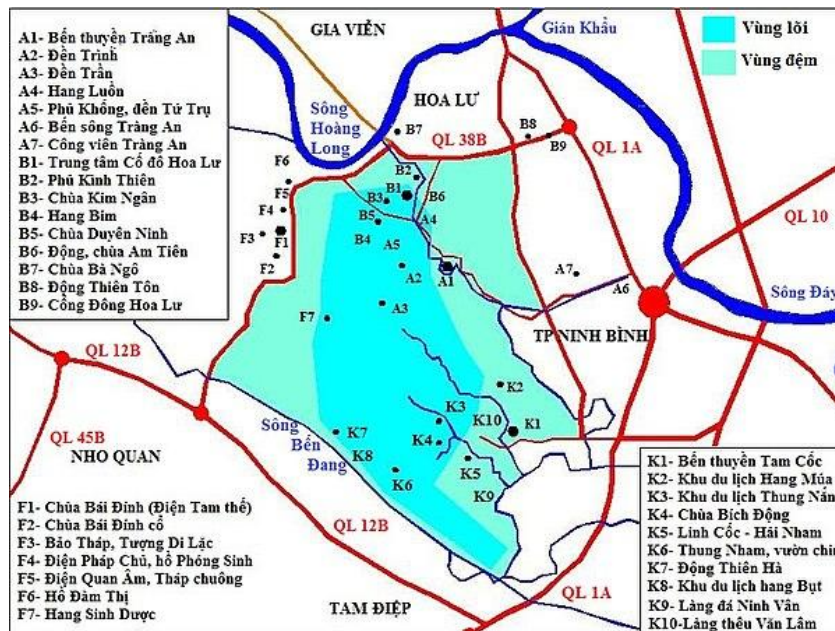
PHỤ LỤC 1

BẢN ĐỒ QUẢN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN



Ảnh 1: Bản đồ quy hoạch Quần thể danh thắng Tràng An

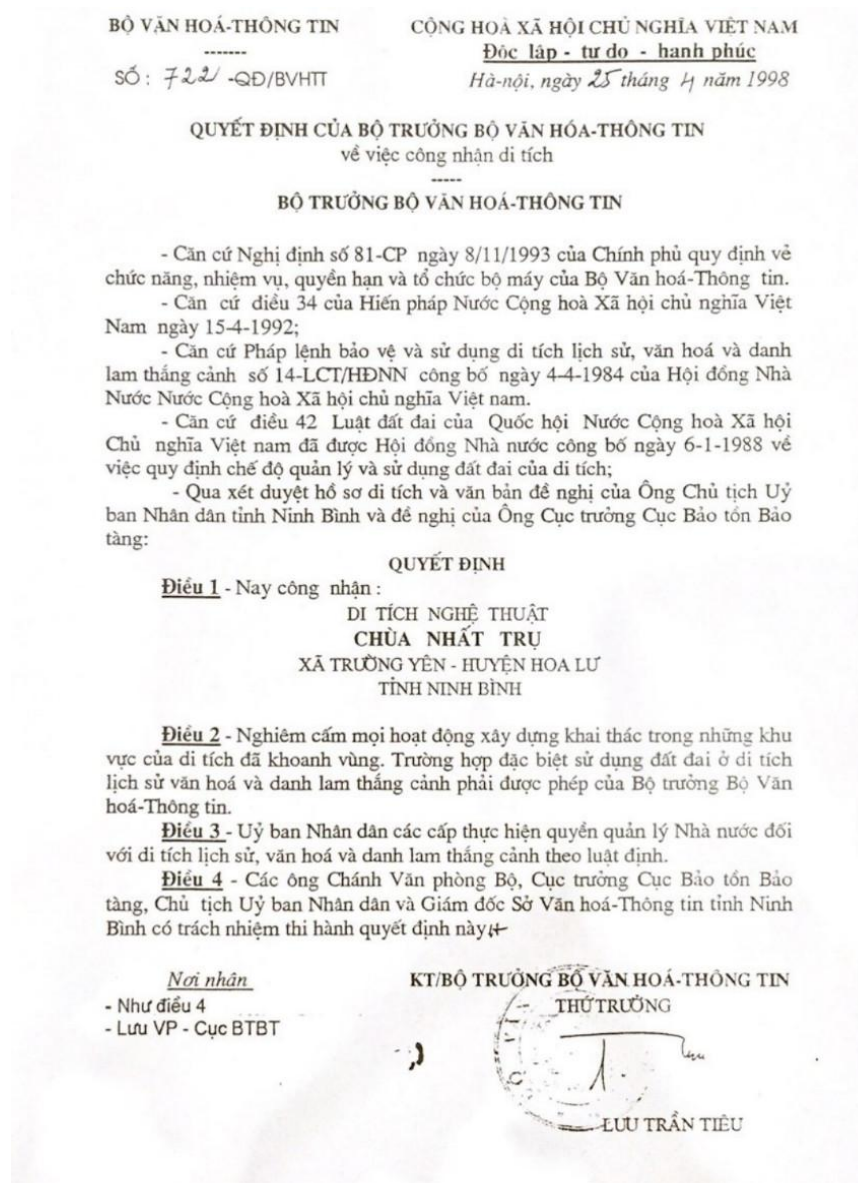
Nguồn: Sở VH&TT cung cấp



Ảnh 2: Bản đồ các điểm di tích văn hóa Quần thể danh thắng Tràng An

Nguồn: Sở VH&TT cung cấp

PHỤ LỤC 2
CÁC QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN
CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC DI TÍCH
 (Chùa Bái Đính, chùa Bích Động, chùa Nhất Trụ)



Ảnh 3: Quyết định công nhận di tích chùa Nhất Trụ

Nguồn: Sở VH&TT cung cấp

BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN
Số : 32.11... QĐ/BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 22 tháng 12 năm 1994

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN

- Căn cứ Nghị định số 81-CP ngày 8/11/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa Thông tin ;
- Căn cứ điều 34 của Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày 15/4/1992.
- Căn cứ pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh số 14-LCT/HDND công bố ngày 4/4/1984 của Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ;
- Căn cứ điều 42 Luật đất đai của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đã được Hội đồng Nhà nước công bố ngày 6/1/1988 về việc quy định chế độ quản lý và sử dụng đất đai của di tích ;
- Qua xét duyệt hồ sơ di tích và văn bản đề nghị của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng.

TỈNH NINH BÌNH

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay công nhận :

**DI TÍCH LỊCH SỬ và THẮNG CẢNH
CHÙA và ĐONG BÍCH ĐÔNG
XÃ NINH HẢI - HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

Điều 2 : Nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng khai thác trong những khu vực bảo vệ của di tích đã khoanh vùng. Trường hợp đặc biệt sử dụng đất đai ở di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh phải được phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

Điều 3 : Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quyền quản lý Nhà nước đối với di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh theo luật quy định.

Điều 4 : Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân **TỈNH NINH BÌNH** và Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin **TỈNH NINH BÌNH** có trách nhiệm thi hành quyết định này. **B**

Nơi nhận :

- Như điều 4
- Lưu VP, Vụ BTBT

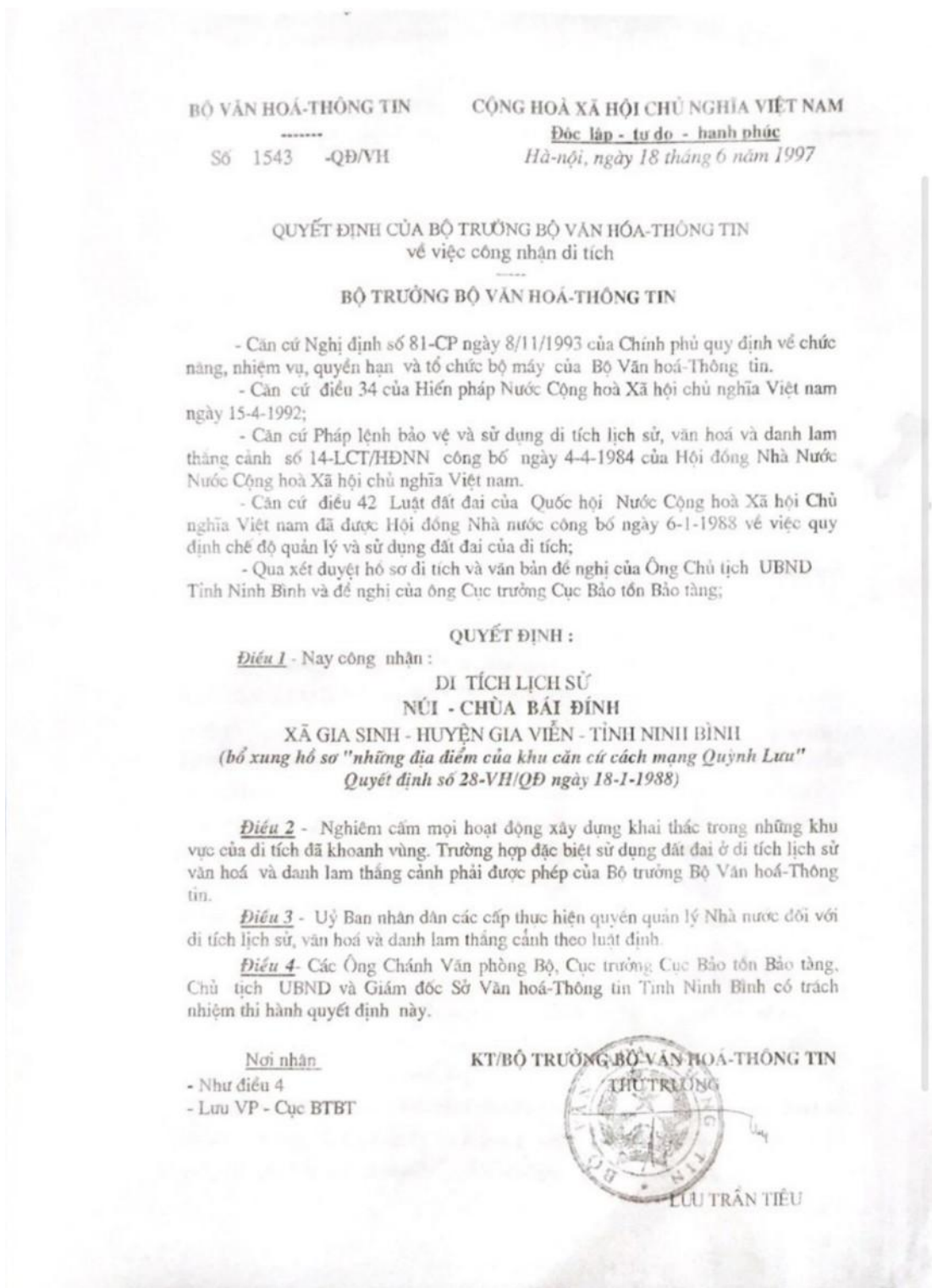
KT/ **BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA THÔNG TIN**



Lưu Trần Tiêu

Ảnh 4: Quyết định công nhận di tích chùa Bích Động

Nguồn: Sở VH&TT cung cấp



Ảnh 5: Quyết định công nhận di tích chùa Bái Đính

Nguồn: Sở VH&TT cung cấp

PHỤ LỤC 3:
DANH MỤC DTLSVH PHẬT GIÁO
TRONG QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN

TT	Tên di tích	Vị trí	Niên đại	Xếp hạng
1	Chùa Bà Ngô	Thôn Trường Xuân		Di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2011
2	Chùa Am (Thiên Am Tự) Thuộc Núi chùa Am	Thôn Trường Sơn		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1979
3	Chùa Thủ (Duyên Ninh Tự)	Thôn Chi Phong	Thời Nguyễn	Chưa xếp hạng
4	Chùa Am Tiên (thuộc Chùa và Động Am Tiên)	Thôn Thắng Thành (Thôn Nam)	Khoảng năm 1180	Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 19983
5	Chùa Tháp	Thôn Dưỡng Thượng		Chưa xếp hạng
6	Chùa Bàn Long (thuộc di tích chùa và động Bàn Long)	Thôn Khê Đầu Thượng		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1994
7	Chùa Thiên Tôn Thuộc Chùa và động Thiên Tôn	Thị trấn Thiên Tôn		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1962
8	Chùa Hoa Sơn	Thôn Áng Ngũ	Thế kỷ X	Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1998
9	Chùa Ngân (Kim Ngân Tự)	Thôn Chi Phong		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 2001
10	Thôn Thắng Thành (Thôn Nam)	Thôn Thắng Thành (Thôn Nam)	Thế kỷ X	Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1998 Cột Kinh Phật thời Tiền Lê (dựng năm 995)
11	Chùa Đầu Long	Phường Tân Thành, Tp. Hoa Lư	thời Đinh – Lê thế kỷ X	Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1994
12	Bái Đình (cổ)	Xã Gia Sinh		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1988
13	Chùa Bích Động Thuộc Chùa và động Bích Động	Thôn Đàm Khê Trong		Di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1994

PHỤ LỤC 4
HÌNH ẢNH DI TÍCH
CHÙA NHẤT TRỤ, CHÙA BÍCH ĐỘNG VÀ CHÙA BÁI ĐÍNH

3.1. CHÙA NHẤT TRỤ



Ảnh 6: Tam quan chùa Nhất Trụ - *Nguồn: NCS chụp 18/08/2024*



Ảnh 7: Chùa Nhất Trụ - *Nguồn: NCS chụp 18/08/2024*



Ảnh 8: Chánh điện chùa Nhất Trụ - Nguồn: NCS chụp 18/08/2024



Ảnh 9: Hệ thống tượng Phật chùa Nhất Trụ - Nguồn: NCS chụp 18/08/2024



Ảnh 10: Hậu cung chùa Nhất Trụ - Nguồn: NCS chụp 18/08/2024



Ảnh 11: Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ - Nguồn: NCS chụp 18/08/2024



Ảnh 12: Chuông đồng trên Tam quan chùa Nhất Trụ

Nguồn: NCS chụp 18/08/2024



Ảnh 13: Vườn tháp Tổ chùa Nhất Trụ - *Nguồn: NCS chụp 18/08/2024*



Ảnh 14: Hồ khai quật khảo cổ tại vườn chùa Nhất Trụ năm 2022
(Nguồn: Tư liệu Phòng QLDS)



Ảnh 15: Hiện vật khảo cổ thời Đinh – Tiền Lê phát hiện tại hồ khai quật vườn chùa Nhất Trụ năm 2022
(Nguồn: Tư liệu Phòng QLDS)

3.2. CHÙA BÍCH ĐỘNG



Ảnh 16: Cổng chùa Bích Động - Nguồn: NCS chụp 25/08/2024



Ảnh 17: Chùa Bích Động nhìn từ trên cao xuống
Nguồn: NCS chụp 25/08/2024



Ảnh 18: Chùa Bích Động
Nguồn: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/52390>



Ảnh 19: Chùa Thượng - Chùa Bích Động - Nguồn: NCS chụp 25/08/2024



Ảnh 20: Tháp chùa Bích Động - *Nguồn: NCS chụp 25/08/2024*



Ảnh 21: Hang động trong chùa Bích Động - *Nguồn: NCS chụp 25/08/2024*

3.3. CHÙA BÁI ĐÍNH



Ảnh 22: Cổng lên chùa Bái Đính (cổ)
Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 23: Đền thờ đức Thánh Minh Không trong chùa Bái Đính (cổ)
Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 24: Ban thờ đức Thánh Minh Không
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 25: Đền thờ Thánh Cao Sơn trong chùa Bái Đính (cổ)
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 26: Ban thờ Thánh Cao Sơn
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 27: Động thờ sư tổ Đạt Ma trong chùa Bái Đính (cổ)
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 28: Ban thờ sư tổ Đạt Ma trong động
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 29: Tượng Hộ pháp trong Hang Sáng chùa Bái Đính (cổ)
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 30: Chuông đồng trong Hang Sáng chùa Bái Đính (cổ)
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 31: Ban thờ Phật trong Hang Sáng chùa Bái Đính (cổ)
 Nguồn: NCS chụp 29/08/2024



Ảnh 32: Khuôn viên chùa Bái Đính mới

Nguồn: Sở VH TT&DL Ninh Bình cung cấp



Ảnh 33: Hội thảo Quốc tế: Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại | do Viện Trần Nhân Tông thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tổ chức tại chùa Bái Đính | ngày 8-9/12/2017

Nguồn: <https://tnti.vnu.edu.vn/hoi-thao-khoa-hoc-quoc-te-phat-giao-nhap-the-va-cac-van-de-xa-hoi-duong-dai>



Ảnh 34: Hội thảo khoa học quốc tế “Phát huy vai trò, giá trị Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong xây dựng Đô thị Di sản Thiên niên kỷ và kết nối các thành phố di sản thế giới” do UBND tỉnh Ninh Bình tổ chức tại chùa Bái Đính năm 2024

Nguồn: <https://baoninhbinh.org.vn/hoi-thao-khoa-hoc-quoc-te-phat-huy-vai-tro-gia-tri-di-san/d202404271109417.html>



Ảnh 35: Hàng nghìn tăng ni, phật tử và nhân dân tham gia Pháp hội Vu Lan năm 2024 tại Chùa Bái Đính

Nguồn: <https://nbtv.vn/phap-hoi-vu-lan-bao-hieu-tai-chua-bai-dinh-77010.html>



Ảnh 36: Khóa tu mùa hè tại Chùa Bái Đính

Nguồn: <https://nbtv.vn/khoa-tu-mua-he-tai-chua-bai-dinh-lan-toa-truyen-thong-yeu-nuoc-cho-the-he-tre-74718.html>



Ảnh 37: Lễ khai hội chùa Bái Đính, xuân Ất Tỵ 2025

Nguồn: <https://ninhbinh.gov.vn/tin-noi-bat/0eb4e022ac12516453c235bd4f88d607-349100>

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH PHÒNG VẤN VÀ CÂU HỎI PHÒNG VẤN

4.1. DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA PHÒNG VẤN

Stt	Họ và tên	Chức danh/địa chỉ
1.	PGS.TS Trần Lâm Biền	Cục Di sản văn hóa
2.	PGS. TS. Nguyễn Văn Cương	Hội Văn hóa Dân gian
3.	PGS. Trần Trọng Dương	Viện Nghiên cứu Hán Nôm
4.	TS. Vũ Bá Thúc	Cục Di sản văn hóa
5.	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc Sở VH&TT Ninh Bình
6.	Ông Bùi Văn Mạnh	Giám đốc Sở Du lịch Ninh Bình
7.	Ông Giang Bạch Đằng	Giám đốc Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư
8.	Ông Nguyễn Ngọc Sứ	T.Phòng VH&TT huyện Hoa Lư
9.	Bà Lê Thị Bích Thục	Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư
10.	Bà Lê Hà Vân	Chuyên viên phòng Di tích, Sở VH&TT Ninh Bình
11.	Bà Lê Mai Uyên	Cán bộ, Trung tâm Bảo tồn DTLSVH Cổ đô Hoa Lư
12.	Bà Nguyễn Thị Nhung	Phụ trách tổ công đức khu di tích Cổ đô Hoa Lư
13.	Ông Nguyễn Quốc Hưng	Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư
14.	Ông Hoàng Mạnh Hùng	Chủ tịch UBND huyện Gia Viễn
15.	Ni sư Thích Đàm Thọ	Trụ trì chùa Bích Động
16.	Ni sư Thích Đàm Yên	Trụ trì chùa Nhất Trụ
17.	Bà Nguyễn Thị Yên	Chủ tịch UBND xã Trường Yên
18.	Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Cán bộ VH xã Trường Yên
19.	Ông Nguyễn Đình Sang	Trưởng thôn xã Trường Yên
20.	Ông Nguyễn Văn Lợi	Người dân xã Trường Yên
21.	Bà Nguyễn Thị Thành,	Người dân xã Trường Yên
22.	Ông Trần Văn An	Người dân xã Trường Yên

Stt	Họ và tên	Chức danh/địa chỉ
23.	Ông Nguyễn Phi Hùng	Người dân xã Trường Yên
24.	Bà Trần Hà Linh	Người dân xã Trường Yên
25.	Bà Bùi Thị Thanh Thủy	Người dân xã Trường Yên
26.	Ông Nguyễn Nhật Minh	Người dân xã Trường Yên
27.	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch UBND xã Ninh Hòa
28.	Bà Lê Hải Tú	Người dân xã Ninh Hòa
29.	Ông Trần Văn Nghĩa	Người dân xã Ninh Hòa
30.	Ông Nguyễn Nhật Hải	Người dân xã Ninh Hòa
31.	Bà Trần Thị Thảo	Người dân xã Ninh Hòa
32.	Ông Nguyễn Xuân Văn	Người dân xã Ninh Hòa
33.	Ông Dương Văn Sơn,	Người dân xã Ninh Hòa
34.	Ông Vũ Huy Toàn	Chủ tịch UBND xã Ninh Hải
35.	Phan Thị Bích Ngọc	Cán bộ VH xã Ninh Hải
36.	Ông Nguyễn Hải Nhất Anh	Người dân xã Ninh Hải
37.	Bà Lê Nguyễn Hải Vân	Người dân xã Ninh Hải
38.	Ông Mai Tùng Lâm	Người dân xã Ninh Hải
39.	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Người dân xã Ninh Hải

4.2. CÂU HỎI PHỎNG VẤN

* Phỏng vấn cán bộ quản lý di tích

1. Ông/bà cho biết cấp quản lý, chính sách và pháp luật liên quan đến quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo được xem xét như thế nào?
2. Ông/bà cho biết cơ quan quản lý địa phương đã thực hiện những biện pháp nào để bảo vệ di tích Phật giáo khỏi tổn thất vật lý và môi trường?
3. Ông/bà cho biết làm thế nào để cơ quan quản lý hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương để quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo?
4. Ông/bà cho biết trong việc quản lý di tích Phật giáo, cơ quan của ông/bà đã đảm bảo rằng nguyên tắc bảo tồn văn hóa và tôn giáo được tôn trọng và tuân thủ không?
5. Ông/bà cho biết đã có các chính sách hoặc chương trình đào tạo nào để nâng cao nhận thức và kỹ năng của nhân viên về công tác quản lý và bảo tồn?

di tích Phật giáo chưa?

6. Ông/bà cho biết làm thế nào để đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã triển khai trong việc quản lý và bảo tồn di tích?

7. Ông/bà cho biết kế hoạch để tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác quản lý và bảo tồn di tích không?

8. Ông/bà cho biết trong tương lai, chính quyền nơi đây có kế hoạch nào để cải thiện hoặc mở rộng các hoạt động quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo không?

9. Ông/bà cho biết làm thế nào đánh giá và quản lý các vấn đề liên quan đến du lịch và kinh tế địa phương trong ngữ cảnh của di tích Phật giáo?

10. Ông/bà cho biết việc thiết lập các chỉ tiêu cụ thể hoặc tiêu chí đánh giá để đo lường hiệu quả của công tác quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo không?

11. Ông/bà cho biết trong quá trình quản lý di tích Phật giáo, cơ quan quản lý đã gặp phải những vướng mắc, các vấn đề pháp lý trong việc triển khai công tác tu bổ, tôn tạo,..? làm thế nào để giải quyết chúng?

12. Ông/bà cho biết trong tương lai cơ quan mình có kế hoạch nào để thúc đẩy việc sử dụng công nghệ và các phương tiện truyền thông mới để nâng cao nhận thức và quản lý di tích không?

13. Ông/bà cho biết trong quá trình quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo, cơ quan quản lý đã xem xét và ứng dụng các phương pháp và công nghệ khoa học tiên tiến trong việc tu bổ tôn tạo di tích không?

14. Ông/bà cho biết hiện có những chương trình nghiên cứu và phát triển nào để nghiên cứu về các vấn đề đặc biệt liên quan đến di tích Phật giáo và công tác quản lý không?

15. Ông/bà cho biết các kế hoạch chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi từ các tổ chức quản lý di tích khác, cả trong và ngoài nước, không?

*** Phỏng vấn trụ trì chùa**

1. Xin Thầy cho biết nguồn gốc, sự ra đời của di tích, giá trị lịch sử văn hóa của di tích chùa được không?
2. Xin Thầy cho biết vai trò của Thầy trụ trì đối với một ngôi chùa?
3. Xin Thầy cho biết Chùa này thuộc sự quản lý của dân (cộng đồng) hay của Nhà nước, hay của Giáo hội? Giáo hội có quyền thế nào đối với ngôi chùa?
4. Xin Thầy cho biết là một vị sư trụ trì, Thầy cảm nhận thế nào về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc quản lý và bảo tồn di tích?
5. Xin Thầy cho biết trong quá trình quản lý di tích, BQL chùa thường gặp phải những vấn đề chính nào và làm thế nào để giải quyết chúng?
6. Xin Thầy cho biết việc duy trì và bảo vệ di tích Phật giáo là một phần quan trọng của công việc của một vị sư trụ trì không? Tại sao?
7. Xin Thầy cho biết làm thế nào để đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã áp dụng để bảo tồn di tích trong những năm qua?
8. Xin Thầy cho biết trong quá trình quản lý di tích, nhà chùa đã hợp tác với cơ quan chính quyền và tổ chức, doanh nghiệp như thế nào?
9. Xin Thầy cho biết, nhà chùa có kế hoạch nào để tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác quản lý và bảo tồn di tích không?
10. Xin Thầy cho biết là một vị sư trụ trì, cần những kỹ năng và kiến thức nào để quản lý di tích một cách hiệu quả?
11. Xin Thầy cho biết công tác quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống và đạo đức của cộng đồng địa phương?
12. Xin Thầy cho biết trong tương lai, Thầy dự định áp dụng những biện pháp nào để cải thiện công tác quản lý và bảo tồn di tích?
13. Thầy có nhận xét gì về vai trò của di tích Phật giáo trong việc du lịch và phát triển kinh tế địa phương không?

14. Xin Thầy cho biết việc xin phép các cơ quan chính quyền về việc tu bổ các hạng mục (đang bị xuống cấp) của chùa diễn ra như thế nào?

15. Xin Thầy cho biết sau thời gian dài trình báo việc xin cấp phép tu bổ, sửa chữa chùa nhưng chưa được các cấp quản lý phê duyệt, đồng ý thì Thầy sẽ làm gì khi di tích đã quá xuống cấp và có thể bị hủy hoại bởi thời tiết?

16. Xin Thầy cho biết nếu Thầy muốn xây mới một công trình rất thiết thực trong khuôn viên chùa nhưng không được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước, Thầy sẽ làm thế nào? Có nhất định xây không?

*** Phỏng vấn người dân**

1. Bạn đã từng thăm một di tích Phật giáo nào không? Nếu có, bạn cảm nhận như thế nào về công tác quản lý và bảo tồn tại đó?

2. Bạn nghĩ di tích Phật giáo ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống và văn hóa của cộng đồng địa phương?

3. Bạn có ý kiến gì về các biện pháp quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo hiện nay?

4. Bạn nghĩ cộng đồng địa phương nên có vai trò gì trong việc quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo?

5. Bạn có ý kiến gì về sự hợp tác giữa cơ quan chính phủ và cộng đồng địa phương trong việc quản lý di tích Phật giáo?

6. Bạn nghĩ những biện pháp giáo dục và tuyên truyền nào có thể được triển khai để tăng cường nhận thức của người dân về giá trị và quan trọng của di tích Phật giáo?

7. Bạn nghĩ công tác quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo có ảnh hưởng như thế nào đến du lịch và kinh tế địa phương?

8. Bạn có nhận xét gì về vai trò của di tích Phật giáo trong việc duy trì và phát triển văn hóa và tôn giáo của địa phương?

9. Bạn nghĩ những biện pháp nào nên được thực hiện để nâng cao công

tác quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo?

10. Bạn có bất kỳ ý kiến hoặc đề xuất cụ thể nào khác về vấn đề này mà bạn muốn chia sẻ không?

11. Bạn có ý kiến gì về việc sử dụng công nghệ và các phương tiện truyền thông để tăng cường nhận thức và quản lý di tích Phật giáo? Có những cách nào bạn nghĩ rằng chúng có thể được sử dụng hiệu quả hơn không?

12. Bạn nghĩ những gì có thể được làm để đảm bảo rằng di tích Phật giáo được duy trì và bảo tồn trong tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh thay đổi khí hậu và môi trường?

13. Bạn có ý kiến gì về việc xây dựng và phát triển các hoạt động du lịch tại di tích Phật giáo? Bạn nghĩ những hoạt động này có thể được tổ chức một cách bền vững và có lợi ích cho cộng đồng không?

14. Bạn có ý kiến gì về vai trò của các tổ chức phi chính phủ và quốc tế trong việc hỗ trợ quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo?

15. Bạn nghĩ công tác quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo có thể góp phần vào việc tăng cường thịnh vượng kinh tế và phát triển bền vững của địa phương không? Nếu có, làm thế nào?

16. Cuối cùng, bạn nghĩ rằng việc quản lý và bảo tồn di tích Phật giáo cần phải được ưu tiên như thế nào trong chính sách và quy hoạch phát triển của cộng đồng và chính quyền địa phương?